

NHẬT HẠNH

Tổ

conte traduit de l'Anglais par Michèle Chamant



lá bơi

Mục lục

Tố	3
Thieu	57
Lan	95

Tố

Tố ngừng thối sáo vì nó biết nó đang khóc. Một giọt nước mắt lăn trên gò má nó, đi qua vành môi, rồi thấm vào miệng nó, mẩn mẩn. Con bé đặt ống sáo xuống đùi, cầm lấy chéo áo bà ba đưa lên chùi nước mắt. Lau nước mắt xong, Tố lại mỉm cười. Rừng buổi sáng mát mẻ quá. Tố nghe tiếng lá thì thảo. Nó biết nếu nó không mù thì bây giờ ngẩng lên nó sẽ trông thấy những chiếc lá đang vẫy tay gọi nó. Bây giờ là giữa mùa xuân, lá đang non, và ánh sáng Mặt Trời tháng tư đang đi xuyên ngang những tờ lá xanh non ấy mà tìm tới hai mắt Tố. Tố biết tuy mình bị mù, ánh sáng dịu dàng đó cũng vẫn đi tới tận mắt mình. Tố quên mất màu xanh non ấy rồi vì nó đã bị mù từ sáu tháng trước. Tố cũng quên mất vẻ mặt của ba nó, bởi vì ba nó đã chết cách đây hai năm rồi. Riêng vẻ mặt của má nó thì Tố còn nhớ, bởi vì đêm nào trước khi đi ngủ nó cũng đưa hai bàn tay lên mà rờ rẫm khuôn mặt của má nó, rờ rẫm để mà khám phá lại, cũng là để ôn lại cho đừng quên, những đường nét quen thuộc. Những đường nhăn trên mặt bà, Tố thấy mỗi ngày như mỗi sâu đậm thêm.

Tố mới có chín tuổi, nhưng nó thối sáo rất hay. Chính ba của Tố đã dạy cho Tố thối sáo. Ba Tố là một tiểu phu sống ở ven rừng. Ông chỉ có một mình Tố là con nên ông thương yêu Tố rất mực. Hồi ông còn sống, Tố sung sướng lắm. Nó được đi học ở trường xóm Thượng. Buổi sáng nào hai cha con cũng chia tay ở ngã ba dưới chân đồi. Ba Tố xách rìu lên rừng, còn Tố theo con đường mòn vượt thêm hai cánh đồi nữa để xuống xóm Thượng. Tố xách theo một chiếc cặp gỗ trong đó có cuốn tập của Tố, bút mực, bút chì, gôm, và cái ống sáo mà ba Tố đã dạy cho Tố làm. Cô học trò ôm cái cặp gỗ dưới cánh tay mặt. Tay trái cô xách bình mực tím. Bình mực tím đầy nút chai rất kỹ, đóng đưa dưới sợi dây mà Tố móc vào ngón tay trỏ của mình.

Chiếc cặp gỗ của Tố nhẹ lắm, bởi vì ông Ba đã dùng những tấm ván rất mỏng để đóng cho Tố. Ba Tố không dùng một chiếc đinh nào. Ông chỉ dùng toàn những cái chốt gỗ. Cái cặp của Tố đã lên màu đen bóng, có nhiều chỗ thấm đen vì vết mực mà Tố đã làm đổ trên đó.

Ổng sáo của Tổ cũng đã lên nước. Ổng sáo này làm bằng cây trúc lấy ở trên rừng. Tổ đã lấy lá chuối khô đánh cho ổng sáo mình thật bóng.

Vào khoảng hai giờ trưa thì Tổ đi học về. Tổ được má cho ăn cơm. Ba của Tổ mãi đến bốn giờ chiều mới gánh củi về tới nhà. Ăn cơm xong hai cha con rủ nhau xuống bờ suối hay lên bìa rừng chơi. Mỗi tuần đến ngày thứ tư là có phiên chợ xóm Hạ. Ba má Tổ và Tổ đẩy một xe củi xuống tận chợ để bán. Họ khởi hành từ sáng sớm. Đi tới xóm Thượng thì Tổ mỏi chân. Ba Tổ ngừng lại để cho Tổ leo lên ngồi trên những bó củi. Tại chợ, bán củi xong, mẹ Tổ đi mua gạo, mắm và quà cho Tổ. Khoảng một giờ trưa thì họ vừa về tới nhà. Má Tổ đi nấu cơm. Tổ đã được ăn quà trên đường về cho nên Tổ không đói. Tổ không đợi cơm. Tổ đi ra bìa rừng chơi.

Nhà Tổ là một căn nhà gỗ dựng bên mé đồi không xa ven rừng. Có một con suối chảy ngang dưới đồi, cách nhà chừng ba trăm thước. Tổ rất ham chạy chơi nhón nhơ bên bờ suối. Nhiều lúc Tổ hái được những bông hoa thật lạ thật đẹp, những bông hoa mà Tổ không biết tên.

Ấy vậy mà ba Tổ chết. Ba Tổ chết vì người ta bắt ông đi lính đánh giặc. Ông đi lính chưa đầy một năm thì chết. Ngày được tin ba Tổ chết, má Tổ gào khóc thảm thiết. Hồi ấy Tổ mới bảy tuổi, Tổ chưa biết được một cách tường tận thế nào là chết. Thấy má lẫn lộn gào thét, Tổ rất đau lòng. Nó tới ôm lấy má nó. Hai má con ôm lấy nhau. Tổ biết ba nó không bao giờ trở về nữa. Ba nó chết rồi. Chết như một con chim. Tổ đã gặp một con chim chết bên bờ suối. Con chim không cựa quậy. Nó nằm xuôi xị, không biết gì, không nghe gì, không thấy gì. Lâu ngày con chim mục nát thành đất. Sau không hiểu thấy được thế nào là chết, Tổ thấy buồn. Cái buồn thấm dần, thấm dần vào người nó, vào tim nó, vào óc nó. Ba Tổ chết, ba Tổ đang mục nát dần dần để thành đất. Ba Tổ không còn trở về mỗi chiều với một gánh củi trên vai. Ba Tổ không còn đi chơi với Tổ ở cửa rừng, bên bờ suối. Ba Tổ sẽ không còn bao giờ cười đùa với Tổ, bế xốc nó lên, nhìn vào mắt nó. Tổ thiệt là buồn. Càng lúc cái buồn càng trở thành sâu đậm trong lòng Tổ.

Từ ngày ba mất, Tổ phải ở nhà, trong coi việc nhà cửa bếp núc. Nó biết thổi cơm, lật rau, làm thức ăn. Má nó phải lên rừng làm củi thay ba nó. Gánh củi của má Tổ nhỏ hơn, nhẹ hơn, bởi vì sức bà yếu hơn. Tổ nấu cơm chờ mẹ về. Hai mẹ con ăn cơm xong, Tổ được đi xuống suối chơi. Hoặc Tổ lên bìa rừng chơi. Tổ đem theo ống sáo. Ngồi ở ven rừng, Tổ thổi sáo. Tổ thường hay đến ngồi ở chỗ ngày xưa hai cha con nó hay ngồi để thổi sáo. Nó thổi những khúc mà cha nó đã dạy cho nó hồi xưa.

Những lần thổi sáo một mình như vậy, Tổ hay buồn. Cái buồn như cái còng con cua, nó kẹp Tổ vào giữa. Tổ đau lắm. Nó không muốn thổi những khúc sáo mà ba nó đã dạy hồi xưa nữa. Nó thổi những hơi sáo do nó tự chế ra. Lần hồi nó chế ra những khúc sáo hoàn toàn mới lạ. Thổi lên những khúc sáo này, Tổ thấy trong người khỏe khoắn ra. Trái tim nó không còn đau nhói như bị cái gọng kìm của con cua siết chặt lại nữa. Nó có khóc thật, nhưng nước mắt làm cho trái tim nó thư thái hơn, bớt thốn thức hơn. Chắc rằng nước mắt đó từ trong trái tim trào ra; nước mắt làm cho trái tim đau nhức, càng khóc thì trái tim càng nhẹ nhàng.

Có một hôm nó đang say mê thổi sáo thì một chiếc máy ba sà ngang khu rừng. Máy ba bay gần quá khiến cả khu rừng chuyển động. Máy bay bay sát ngọn cây, Tổ ngừng nhìn lên: nó thấy một đám bụi màu trắng đục đang sà xuống. Nó không biết đó là thuốc khai quang từ máy bay đang rải xuống. Thuốc khai quang rơi vào mắt nó, mũi nó. Sặc sụa, nó nằm ngả xuống úp mặt trên đất rừng ẩm thấp, ngất đi.

Một giờ đồng hồ sau, má của Tổ tìm thấy Tổ, ôm xóc Tổ về. Lay gọi mãi không thấy Tổ tỉnh lại, bà hối hả chạy về xóm Thượng gọi cô y tá. Khi bà và cô y tá trở lại thì Tổ đã tỉnh và đang gọi mẹ. Cô y tá chích cho Tổ một mũi thuốc khỏe. Tổ kêu nhức mắt và không thấy đường. Cô y tá lấy bông gòn nhúng thuốc rửa mắt cho Tổ, nhưng Tổ vẫn không bớt đau nhức. Cô y tá ra về, hẹn ngày mai trở lại. Khi cô trở lại thì hai mắt Tổ đã sưng húp lên. Cô bàn với má Tổ chở Tổ đi nhà thương quận. Nhà thương cách xóm tới hơn một ngày đường. Tại nhà thương, bác sĩ chịu thua, bó tay. Tổ bị mù từ dạo ấy.

Một đứa bạn học của Tổ tên là Mai nghe Tổ bị mù đã từ dưới xóm Hạ tìm lên thăm Tổ. Mai lớn hơn Tổ một tuổi. Tóc Mai cắt ngắn chứ không buông dài trên vai như tóc Tổ. Mai cầm lấy tay Tổ. Hai đứa ngồi thút thít khóc. Mai ra về, hứa sẽ thỉnh thoảng trở lại thăm Tổ. Nhưng đó là lần thăm chót. Gia đình Mai đã dời đi phương khác tìm cách sống.

Đã quen với công việc nhà, Tổ tiếp tục coi sóc nhà cửa cho má trong khi bà làm củi trên rừng. Tổ quét nhà, vo gạo, nấu cơm, Tổ nhặt được cả rau nữa. Mỗi buổi chiều, khi má ở rừng về, Tổ đã lo xong cơm nước. Hai mẹ con ăn cơm với nhau. Rồi má Tổ đi dọn dẹp chén bát. Tổ đi xuống ngồi dưới tảng đá bên suối. Hoặc Tổ đi lên ven rừng.

Ngồi bên bờ suối hoặc bên ven rừng, Tổ nghe được nhiều thứ tiếng mà trước kia nó không nghe, có lẽ vì trước đây nó thiếu chú ý. Thính giác của Tổ trở nên tinh vi hơn. Nước suối chảy róc rách như người nói chuyện và ca hát. Nghe tiếng nước chảy có khi Tổ cảm thấy cây lá quanh mình Tổ đang đứng dậy nhảy múa linh động. Tổ lại thấy cả ánh sáng nhảy múa nữa. Có lúc nghe tiếng gió rù rì trong cây, Tổ thấy hàng vạn bàn tay đưa lên xôn xao vẫy Tổ. Ngồi trong rừng, lưng dựa vào một thân cây, ban đầu Tổ có cảm giác rừng là một cung điện thâm u, im lặng. Nhưng ngồi lâu thì Tổ nghe đủ mọi thứ âm thanh. Tổ cảm thấy sự có mặt của hàng ngàn hàng vạn loài sinh vật đang chung sống với nhau, loài nào yên phận theo loài ấy. Dưới thảm rêu, trong lòng đất, trên vỏ cây, nơi nào cũng có những sinh vật đang dùng âm thanh để báo hiệu cho Tổ biết sự có mặt của chúng. Tổ đã nghe hàng trăm tiếng chim, và mỗi tiếng chim truyền đi một tình cảm hoặc một dấu hiệu tâm ý khác nhau. Và để trả lời các sinh vật muốn làm quen với mình, Tổ nâng ống sáo lên thổi.

Từ hôm bị mù, gần như ngày nào Tổ cũng thổi sáo hoặc bên bờ suối, hoặc tại cửa rừng. Má Tổ không muốn cho Tổ đi sâu quá vào rừng, sợ máy bay lại rải thuốc khai quang lần nữa. Bà dặn hễ nghe tiếng máy bay thì Tổ phải lập tức đi ra khỏi rừng.

Tổ nghĩ hình như trời sinh ra Tổ là để cho Tổ thổi sáo. Tùy theo những cảm nghĩ của mình, Tổ làm ra âm điệu để thiết lập cảm thông với mọi loài. Có một lần Tổ thổi sáo để trả lời một con chim lạ mà Tổ không biết tên. Không biết tên nhưng khi nghe tiếng chim, Tổ hình dung ra một con chim đuôi dài có bộ lông màu vàng rất mượt, có cái lông trắng trên đầu và một cặp mắt thật tinh anh, một cái đầu hất nghiêng nhìn bên này lại nghiêng nhìn bên kia không bao giờ biết mỏi. Con chim hót một hồi rồi nín bặt. Tổ cầm ống sáo lên thổi, nói chuyện với chim. Khi Tổ ngưng thổi, con chim lại lên tiếng. Tổ biết nó trả lời Tổ. Con chim bộc lộ với Tổ sự ngạc nhiên và nỗi vui mừng của nó. Tổ cũng nói cho chim biết tâm sự của mình, và cuối cùng đã đùa nghịch với chim và nhại lại giọng chim bằng tiếng sáo. Khi buông ống sáo xuống, Tổ cười lên như một bông hoa nức nở.

Con chim trở lại suốt chín hôm liền, nói chuyện với Tổ. Sau đó, không biết con chim đi đâu. Từ đó nó không còn trở lại nữa. Những lúc nâng ống sáo lên mà tâm hồn thấm thía nỗi buồn, Tổ thường bắt đầu bằng một điệu sáo mơ hồ, than thở nhẹ nhàng với loài côn trùng dưới đất. Giọng sáo của Tổ hòa trong âm điệu trùng điệp của lá cành, của tiếng thì thào không biết xuất phát từ nơi nào, và của những tiếng nỉ non của các loài sinh vật ẩn náu dưới đám lá mục phủ trên mặt đất. Rồi Tổ quên đi là mình đang thổi sáo. Tổ cảm thấy mình là một sinh vật nhỏ sống trong rừng cùng với hàng ngàn hàng vạn loài sinh vật khác; tiếng sáo của Tổ là tiếng nói tiếng kêu của Tổ đang hòa theo tiếng nói và tiếng kêu của mọi loài. Tổ thấy mình là rừng, là cây, là rêu cỏ, là lá cành, là gốc rễ, là ánh sáng nô giỡn trên lá non. Niềm đau của Tổ như tan biến, bởi vì Tổ không còn chỉ là Tổ. Những lúc đó, nước mắt của Tổ trào ra và Tổ cảm thấy khỏe khoắn, nhẹ nhàng. Nước mắt thấm như nắng mùa xuân và cũng mát mẻ như nước suối ngọt chảy dưới chân đồi nhà Tổ. Sáng hôm ấy, sau khi đặt ống sáo xuống bập đùi và kéo chéo áo bà ba lên lau khô nước mắt, Tổ lại mỉm cười. Trong suốt mấy tháng trời, thuốc khai quang đã làm cho tất cả lá trên khu rừng gần nhà Tổ rụng hết. Nhưng trời đã mưa suốt một mùa đông. Nước mưa đã gội sạch cho khu rừng và lá xanh đã mọc trở lại trên cành. Tổ biết điều đó. Nó không cần nhìn bằng mắt mà cũng thấy được sự có

mặt của lá. Những loài côn trùng dưới đất và trên cây cũng đã trở về sinh hoạt trở lại. Khu rừng đã khôi phục được sức sống cố hữu của nó. Tổ cũng vậy. Suốt một tháng nay, không ngày nào mà Tổ không lên rừng. Bỗng nhiên Tổ ngỡ ngàng. Nó biết là có một người đứng trước mặt nó, và người đó đang quan sát nó. Mãi mê hòa mình trong sự sống của khu rừng, Tổ đã không nghe bước chân của người kia. Nhưng bây giờ thì người kia đã tới trước mặt Tổ. Hơi thở của người đó rất nhẹ và thơm. Chỉ từng đó cũng đủ cho Tổ cảm thấy sự có mặt của người đó là một sự có mặt dễ chịu. Chưa bao giờ Tổ từng đối diện với một người mà hơi thở nhẹ nhàng và tinh khiết như người đang đứng bây giờ trước mặt Tổ.

- Ai đó, Tổ hỏi, giọng của nó thì thào như một hơi gió thoảng. Người đó không trả lời.
- Ai đó, tên là gì, ở đâu tới vậy? Tổ lại lên tiếng.

Người trước mặt trả lời, giọng ngập ngừng:

- Thạch Lang, tôi tên là Thạch Lang, từ... trên núi xuống.

Giọng của Thạch Lang nghe nhẹ như mây khói. Giọng của Thạch Lang còn chứa đầy ngỡ ngàng, lạ lẫm, không khác mấy với giọng con chim đã từng đối thoại với Tổ ngày xưa. Thạch Lang chỉ nói có mười hai tiếng ngập ngừng, nhưng từng đó đủ để cho Tổ hình dung được người đối diện: Thạch Lang là một người con trai, khoảng mười một hay mười hai tuổi, khuôn mặt thanh tú, tròn đầy như một trái xoài, và hai con mắt trong xanh như da trời mùa hạ. Tổ có cảm tình ngay với người bạn mới. Nó chỉ tay xuống gốc cây, gần chỗ nó ngồi:

- Thạch Lang, anh ngồi xuống đây.

Thạch Lang ngồi xuống. Tổ hỏi tiếp:

- Nhà anh ở đâu? Trên núi hả?

Người con trai yên lặng. Một lát sau, Tổ lại hỏi:

- Anh mấy tuổi rồi, mười một tuổi phải không?

Thạch Lang đáp:

- Tôi không biết tôi mấy tuổi. Chắc là tôi ... nhiều tuổi lắm.

Tố bật cười, quay sang làm dấu cho Thạch Lang tới gần, và đưa hai tay lên sờ mặt Thạch Lang. Đúng là một khuôn mặt trái xoài, mát như suối mùa hè. Tóc của Thạch Lang khá dài, buông xõa trên trán và phía sau chạm gáy. Thạch Lang để yên cho Tố khám phá những đường nét trên mặt mình. Rờ mặt và tóc của Thạch Lang xong, Tố cười:

- Đúng như Tố đã nghĩ. Anh khoảng mười một tuổi, nhiều lắm là mười hai. Nói cho Tố biết là nhà anh ở đâu đi, và ba má anh làm gì. Em tên là Tố, em ở với má em. Nhà ở gần đây lắm.

Thạch Lang lại lặng thinh. Người con trai này ít nói quá. Con người của Thạch Lang hình như chứa đầy chất thơ đại và bỗ ngữ. Thạch nói là nhà Thạch ở trên đỉnh núi. Thạch Lang không muốn nói nhiều. Thôi thì như vậy cũng đủ, mình đừng nên hỏi thêm nữa, Tố nghĩ vậy, và im lặng ngồi bên cạnh người bạn mới.

Bỗng Thạch lên tiếng:

- Chị thôi sáo nữa đi.

Tố cười:

- Thạch Lang đừng gọi Tố là chị. Tố mới có chín tuổi, đáng là em của Thạch Lang. anh nói lại đi, rồi em sẽ thôi sáo cho anh nghe. Anh nói: "Em Tố thôi sáo cho anh Thạch Lang nghe đi".

Thạch Lang lặp lại đúng lời Tố nói:

- Em Tố thôi sáo cho anh Thạch Lang nghe đi.

Tố cười khanh khách, khen Thạch "giỏi lắm", và nâng ống sáo lên thổi.

Chưa bao giờ tiếng sáo của Tố vui vẻ và thanh thoi như vậy. Tố thấy lòng mình lâng lâng như đám mây trên trời, đám mây bay cao trên nắng và trên gió. Trong phút chốc, rừng cùng Tố bay cao, trở thành đám mây. Tiếng sáo của Tố như một chiếc ghe lớn chở bênh bồng cả

một mùa xuân trên trái đất. Tổ không còn biết là mình mù hai mắt. Tổ không còn nhớ là ba mình đã chết. Tổ trở về trạng thái nguyên sơ. Tổ như đang chạy chơi trên đồi, nắm tay ba nó, cười vang. Đây là tiếng suối reo như nắng mùa xuân; đây là tiếng chim ca như ngọc rơi bàn thạch; đây là tiếng gọi tha thiết của núi rừng, của đồi nương, quen thuộc như tiếng má của Tổ gọi Tổ về mỗi buổi chiều để đi rửa chân bên ảng nước trước khi thắp đèn ăn cơm tổ. Bên cạnh Tổ, Thạch Lang ngồi im lặng nghe. Nước mắt Tổ lại trào lên rồi, chắc Thạch Lang đã nhìn thấy. Tổ ngừng thổi. Tổ lại đặt ống sáo xuống đùi. Tổ lại lấy chéo áo bà ba lau nước mắt. Tổ lại nhoẻn cười. Thạch Lang vẫn không nói gì. Chắc Thạch Lang cũng vui như mình, Tổ nghĩ. Nhưng Tổ vẫn nói:

- Tổ khóc, nhưng Tổ không buồn đâu, anh Thạch Lang vui, Tổ vui lắm.

Thạch lên tiếng:

- Tại sao mấy hôm trước Tổ không thổi sáo vui như hôm nay? Mấy hôm trước Tổ thổi sáo buồn lắm.

Không trả lời Thạch, Tổ hỏi lại:

- Mấy hôm trước anh Thạch Lang ở đâu mà nghe được Tổ thổi sáo?
- Thì Thạch Lang ở trên đỉnh núi ấy. Tiếng sáo của Tổ hôm nào cũng lên tới đỉnh núi.
- Đỉnh núi xa không anh? Tiếng sáo của Tổ làm sao leo lên được tới đỉnh núi hả anh?
- Tiếng sáo của Tổ bay được cả lên mây nữa. Hôm nào anh Thạch Lang cũng nghe rất rõ.
- Anh Thạch Lang, anh gọi Tổ là em đi. Và xưng anh với Tổ đi.
- Từ, hôm nào anh cũng nghe tiếng sáo của Tổ rất rõ.

Tổ rất bằng lòng. Thạch Lang nói được thêm một câu thì hình ảnh của Thạch Lang trong trí tưởng của Tổ lại rõ ràng thêm lên một chút. Tại

trường học xóm Thượng, Tổ có nhiều người bạn, cả trai lẫn gái, nhưng chưa có ai lạ lẫm như người con trai ngồi bên Tổ lúc này. Thạch ít nói, nhưng không phải là người con trai nhút nhát. Thạch Lang không vồn vã, nhưng con người của Thạch chân thành và thuần hậu. Chắc là Thạch Lang chưa từng đi học. Chắc là Thạch Lang chưa từng có bạn. Chắc đây là lần đầu Thạch Lang bỏ nhà trên đỉnh cao mà xuống núi. Tổ vừa nghĩ tới đó thì Thạch nói:

- Thạch Lang nghe tiếng sáo của Tổ cho nên Thạch Lang tìm xuống với Tổ. Thạch Lang đã đi hai ngày mới xuống tới chỗ Tổ ngồi.

Đi hai ngày? Như vậy thì nhà của Thạch Lang xa lắm? Tổ không ngờ tiếng sáo của Tổ bay đi xa như thế. Tiếng sáo của Tổ đã gọi tới cho Tổ một người bạn. Người bạn mới của Tổ giống hệt như một tờ giấy trắng, một tờ giấy trắng tinh chưa có nét chữ nào, chưa có nét vẽ nào. Ngồi bên cạnh Thạch Lang, Tổ không dám cử động mạnh. Tổ cũng không dám nói cười vồn vã như là Tổ đã từng nói cười với mấy đứa bạn học ở xóm Thượng. Không phải là Tổ sợ Thạch Lang, không, Tổ không sợ Thạch Lang. Tổ chỉ kính trọng Thạch Lang thôi. Tổ kính trọng Thạch Lang như là kính trọng một tờ giấy trắng. Tổ không dám vạch lên tờ giấy đó những nét chữ hoặc những nét vẽ thiếu cân trọng. Tự nhiên Tổ thấy mình trở thành ít nói, giống như Thạch Lang. Hình như Thạch Lang cũng biết như vậy. Bởi vì sau đó, Tổ nghe Thạch Lang nói với Tổ:

- Tổ kể chuyện dưới này cho Thạch Lang nghe đi.

Tổ lại muốn được Thạch Lang gọi bằng em, nhưng mà Tổ không dám nhắc. Tổ bắt đầu kể chuyện ba má Tổ, đời sống của Tổ, những đứa bạn học của Tổ. Rồi kể đến chuyện trường học, cô giáo, chợ búa và dân cư xóm Hạ. Tổ kể thông thả, thỉnh thoảng dừng lại để cắt nghĩa những chữ mà Tổ có cảm tưởng là Thạch Lang chưa hiểu, hoặc không quen. Hình như Thạch Lang biết ít lắm. Cả chữ "chợ" mà Thạch Lang cũng không hiểu là gì. "Chợ là một khoảng đất rộng, nơi đó người ta tụ tập để mua bán. Ai có gì thì đem bán ở đó, như là rau, củ, cá, gạo,

vân vân. Ai thiếu gì thì tới đó để mua". Thỉnh thoảng, Thạch Lang cũng bảo Tổ ngừng lại để hỏi một vài điều chưa rõ. Tổ có cảm tưởng mình là cô giáo. Tổ dạy cho Thạch Lang được rất nhiều chuyện.

Trời đã trưa. Tổ hẹn chiều nay sẽ kể chuyện tiếp về xóm làng cho Thạch Lang nghe. Bây giờ Tổ mời Thạch Lang về nhà Tổ. Tổ còn phải làm cơm cho má. Tổ nắm tay Thạch Lang. Hai đứa đi ra khỏi rừng, tìm về căn nhà bên sườn đồi. Tổ lúi lo nói cho Thạch Lang nghe, chỉ cho Thạch thấy những cây cối và những dụng cụ quen thuộc ngoài sân và trong nhà. Tổ gọi tên những thứ ấy. Thạch Lang là một chú bé sáng dạ, Tổ nghĩ. Nghe qua một lần là Thạch Lang nhớ, không bao giờ Thạch Lang hỏi lại lần thứ hai.

Tổ hỏi bạn đã đói bụng chưa, Thạch Lang làm như không biết đói bụng là gì và ăn cơm là gì khiến cho Tổ bật cười. Nhưng mà Tổ đã dắt Thạch vào bếp. Tổ đi lấy nồi, vo gạo, nấu cơm. Rồi Tổ đi ra vườn hái rau. Tổ biết Thạch Lang đang quan sát mình. Lúc đầu, Tổ hơi mất tự nhiên. Thạch Lang tới giúp Tổ nhặt rau, rửa rau. Chẳng mấy chốc, cơm đã chín.

Hai đứa ra ngồi ngoài bậc cửa để đợi má của Tổ về. Thạch Lang bảo Tổ nói thêm cho mình nghe về chuyện ba Tổ đi lính và chuyện Tổ bị thuốc khai quang làm cho mù mắt.

Rồi má của Tổ về. Tổ đem Thạch Lang tới giới thiệu với má và nói hết cơ sự, thành ra Thạch Lang khỏi phải nói năng gì cả. Má của Tổ cũng có hỏi cậu bé sơ qua gốc tích của cậu, nhà cửa ở đâu và cha mẹ làm gì. Thấy cậu bé ngập ngừng, bà ngỡ là Thạch Lang cũng có một tâm trạng đau buồn như con mình, nên bà không hỏi nữa. Bà cho rằng gia đình cậu bé cũng từng là nạn nhân cho cuộc chiến tranh dai dẳng và tàn ác. Bà rửa tay và bảo hai trẻ vào ăn cơm.

Tổ biết là Thạch Lang ăn rất ít, và Thạch Lang nhìn mình để làm giống như mình. Tổ xin má cho Thạch Lang ở nhà mình. Má của Tổ rất hoan hỷ thấy con mình có được một đứa bạn hiền lành và dễ thương. Cơm nước xong, bà bảo hai trẻ xuống bờ suối chơi.

Ngồi bên bờ suối, Tổ bảo Thạch Lang nói cho mình nghe về những sự vật mà Thạch Lang nhìn thấy quanh mình. Ban đầu cậu bé ngập ngừng nhưng sau đó cũng thông thả nói. Cậu bắt đầu nói về màu trời, những đám mây, rồi cậu nói tới mảnh xanh đậm của khu rừng trước mặt. Mặt Tổ sáng rõ lên. Thạch Lang nói tới đâu thì Tổ hình dung sự vật rõ tới đó, giống hệt như Tổ đang nhìn ngắm cảnh vật bằng hai con mắt mượn của Thạch Lang. Mỗi khi cậu bé ngập ngừng tìm tiếng nói, Tổ lập tức nói lên đúng tiếng mà Thạch Lang muốn dùng. Cứ như vậy cho đến khi cậu bé tả được rành mạch những chi tiết của cảnh vật xung quanh. Tiếng nói của cậu bé có khi trong và vui như tiếng nói của loài chim, có khi trầm như tiếng của lòng đất, có khi lại bay bổng như ngọn gió, có khi lại phon phớt như sương mù. Hoàng hôn đã xuống. Thạch Lang ngồi lặng thinh. Tổ đem ống sáo ra thổi. Tổ nghĩ tới chim, tới đất, tới gió, tới sương mù. Tổ có cảm tưởng là mình đang ngồi với Thạch Lang trên một mỏm núi, lẫn khuất trong sương.

Má của Tổ ra gọi hai trẻ về. Bà thấp đèn, dọn cơm. Ăn cơm xong, bà thu xếp làm cho Thạch Lang một cái giường. Lần đầu tiên trong đời, Tổ có một người bạn ngủ lại nhà của Tổ.

Buổi sáng Tổ và Thạch Lang thức dậy như hai con chim non. Tổ rủ Thạch Lang ra vườn và dạy Thạch Lang chơi trò "đi trốn tìm". Cậu bé tham dự vào các trò chơi của Tổ với tất cả sự hồn nhiên. Rồi hai đứa nhào lặn trên cỏ, giữa muôn ngàn bông hoa vàng tím lấm tấm trên sườn đồi. Một lát sau, Thạch Lang rủ Tổ xuống đồi ngồi nghe tiếng suối. Hai đứa ngồi nghe suối nói rất lâu. Rồi Thạch Lang nhìn trời, nhìn đất và nói cho Tổ nghe những gì mình trông thấy trong buổi sáng mùa xuân tươi mát. Sáng nay cậu bé nói giỏi lắm rồi, không còn vấp vấp như ngày hôm qua nữa. Tổ sung sướng ngồi nghe. Nó rất ưa giọng nói của Thạch Lang. Nghe Thạch Lang nói, Tổ tưởng như đất trời trực tiếp nói chuyện với mình. Tổ nghĩ tiếng nói của Thạch Lang không còn là tiếng nói của một người nói với một người. Đó là tiếng của chim, của cây, của gió, của trời và của mây nói thẳng với Tổ. Thạch Lang im lặng lâu rồi mà Tổ vẫn còn nghe tiếng nói của đất trời tiếp tục bên tai. Có Thạch Lang bên mình thì Tổ tuy không có hai mắt mà cũng như là có hai mắt.

Trưa hôm ấy ăn cơm xong, má của Tổ đem vải nâu và kim chỉ ra may cho Thạch Lang một bộ đồ bà ba. Cậu bé đã có thể nói chuyện tự nhiên với mẹ của Tổ. Bắt chước Tổ, Thạch Lang cũng gọi bà Ba là má. Má của Tổ rất bằng lòng, và Tổ cảm nhận được điều này trong giọng nói của bà. Bà bảo sáng ngày mai ba mẹ con sẽ đi chợ bán củi và mua gạo. Vui quá, đi chợ thì Tổ sẽ có dịp chỉ cho Thạch Lang biết bao nhiêu là điều mới lạ. Thạch Lang sẽ nhìn cho cả hai người và Tổ sẽ nói cho bạn nghe những gì Thạch Lang trông thấy.

Sáng ngày mai, trên đường xuống chợ, Thạch Lang và Tổ đi sau để đẩy xe. Má Tổ đi phía trước. Hai tay bà vịn hai càng xe, vai bà quàng một cái đai buộc vào thành xe. Bà chúi mình về phía trước để kéo, chống chân mà bước để cho xe đi tới. Có hai đứa trẻ phía sau, xe củi hôm nay đi tới một cách nhẹ nhàng. Như kỳ trước không có Thạch Lang, Tổ luôn đi sau một mình để đẩy xe giúp má.

Trên con đường từ xóm Thượng xuống xóm Hạ, Tổ nói tíu tít. Tổ bảo Thạch Lang nhìn sang bên phải, rồi nhìn sang bên trái, rồi bên phải, và hỏi Thạch Lang xem cậu bé có thấy ngôi nhà này, cây mít kia và vườn dâu nọ hay không. Nhờ vậy mà đi đến đâu Tổ biết mình đi đến đó. Chẳng mấy chốc mà họ đến chợ xóm Hạ. Đây là một cái chợ xép, tuy vậy người mua bán khá đông, có cả trên một trăm người. Thạch Lang bận quan sát nên ít nói, làm Tổ nhắc mãi. Bán được củi, má của Tổ mua gạo, mua muối, một chai nước mắm và một mớ cá tương con còn sống. Mớ cá này được gói trong một tờ lá chuối. Má Tổ lại mua cho Thạch Lang và Tổ mỗi đứa một cái bánh cam và hai cái bánh ít. Bà bảo hai đứa trẻ chất tất cả những thứ ấy lên xe và đứng đợi bà trong khi bà đi mua một ít dầu hôi về thắp đèn. Rồi bà cầm cái chai đựng dầu đi về phía tiệm chạp phô.

Hai đứa trẻ ngồi dưới gốc cây điệp gần ngay chiếc xe bò chở củi. Chúng lấy bánh ra ăn, sung sướng được cùng ăn bánh với nhau tại ngoài chợ. Mới ăn được một cái bánh cam và bắt đầu ăn tới một cái bánh ít thì Tổ nghe tiếng súng nổ phía ngoài chợ và tiếng kêu “đánh nhau, đánh nhau”. Cả chợ náo động. Tiếng đạn bay vèo vèo. Thiên hạ bỏ gánh bỏ gồng chạy hỗn loạn. Tổ kéo Thạch Lang nép vào gốc cây

điệp. Hai đứa nằm sát xuống đất. Tiếng người lớn và trẻ con gọi nhau oi oi. Bỗng Tổ nghe một tiếng nổ ầm ngay phía giữa chợ. Tiếng nổ lớn quá làm rung chuyển cả trời đất. Tiếng gạch đất vang rào rào bốn phía. Gạch đất rơi ào ào cả trên cây điệp và trên đầu hai đứa. Có tiếng nhiều người kêu thét và rên la. Tổ biết là đạn biệt kích đã được bắn vào giữa chợ. Tiếng súng hai mặt rền lên. Chết rồi, má của Tổ bị kẹt rồi, có thể là má Tổ chết rồi. Tổ la lên: “Má ơi! Má ơi!” và run rẩy ôm chặt lấy Thạch Lang. Cậu bé hình như không biết sợ sệt là gì. Cậu ngồi dậy, đỡ Tổ ngồi dậy và nói: “Tổ đừng khóc, Tổ đừng la, má không sao đâu. Tổ ngồi yên đây để Thạch Lang đi tìm má”. Nói xong Thạch Lang đứng dậy định đi. Bỗng có tiếng đạn bay vèo vèo trên đầu, tiếp theo là một tiếng nổ kinh hoàng khác. Tổ vội kéo Thạch Lang ngã xuống, Tổ nằm nép sát đất và lấy tay dúi Thạch Lang nằm sát xuống đất. Tiếng nổ lần này cũng làm rung động cả đất trời như tiếng nổ lần trước. Tiếp đến là tiếng ào ào, loảng xoảng và gạch đất lại bay tung tóe. Tiếng người kêu thét lại nổi lên. Rồi tiếng chân người rầm rập chạy lại. Tiếng súng phía đồn im hẳn. Hai đứa bé nằm im như những khúc gỗ. Rồi Tổ nghe tiếng nổ lép bép và tiếng gió u u. Tổ hỏi nhỏ Thạch Lang xem cậu bé nhìn thấy gì. Thạch Lang bảo người ta đang đốt những dãy nhà hai bên chợ và lửa đang bốc cháy hùng hực. Thạch Lang lại cho Tổ biết có nhiều người cầm súng đang bắt trói những người không có súng và áp giải đi.

Hai đứa nằm im thin thít trong một lúc khá lâu. Bây giờ chúng nó chỉ nghe có tiếng tre nứa nổ lộp bộp, tiếng lửa cháy phần phật và tiếng rên la của những người trúng đạn. Thạch Lang bảo Tổ:

- Có những người kêu khóc tội nghiệp lắm, ta tới giúp gì cho họ đi.

Tổ nắm lấy tay Thạch Lang lại:

- Khoan đã, anh Thạch Lang. Anh nhìn xem những người cầm súng có còn đó hay không đã.

Thạch Lang nói:

- Họ đi hết rồi. Bây giờ trong chợ chỉ có những người bị thương chạy không được mà thôi.

Nghe cậu bé nói thế, Tổ vội chồm ngay dậy. Nó bảo cậu bé dắt tay nói đi tới nơi có những người đang kêu khóc. Vừa lúc đó, năm bảy người dân làng đã từ những nơi ẩn nấp khác trở lại. Họ tìm cách cứu chữa những người bị thương. Họ khiêng những người bị thương về trạm y tế xã. Thạch Lang cho Tổ biết có những người đứt tay, dập chân, bầm mặt hoặc nát đầu. Có những đứa trẻ con nằm trên vũng máu.

Người trong làng tìm ra chợ càng lúc càng đông hơn. Bây giờ đã có đến gần hai chục người. Trong khi họ chở những người chết và người bệnh về trạm y tế, hai đứa trẻ đi tìm má. Chúng nó tìm tới tiệm chạp phô ở cuối xóm. Tiệm chạp phô không còn nữa. Tiệm chạp phô bây giờ chỉ là một đồng tro âm ỉ cháy. Thạch Lang nói cho Tổ nghe những gì cậu trông thấy.

- Má ơi, má ơi - Tổ khóc rưng rức - ai có thấy má tui ở đâu không, chỉ giùm tui, tội nghiệp.

Mấy người đàn bà gần đó nhìn hai đứa trẻ, lắc đầu. Thạch Lang nói với Tổ:

- Máy bà này không thấy má. Hình như họ cũng đang đi tìm người quen. Thôi chúng ta đi nơi khác tìm má.

Tổ chỉ dẫn cho Thạch Lang đi vòng quanh xóm để tìm má. Thạch Lang dắt Tổ đi. Tổ không nhìn thấy cảnh vật xung quanh mình, nhưng Tổ nghe được tất cả những vẻ tiêu điều của thôn xóm. Trời mùa xuân mà ròi rã, âm đạm. Không có tiếng trẻ em chơi đùa, không có tiếng người lớn chuyện trò, thăm hỏi. Hễ nghe có tiếng chân người là Tổ ngừng lại, hỏi:

- Thưa bác, bác có thấy má cháy ở đâu không?

Ai cũng trả lời là không trông thấy. Trong số những người chết và bị thương ở ngoài chợ không có má Tổ. Vậy má Tổ ở đâu? Khi trở về tới

chợ, hai anh em đến hỏi thăm từng người. Tại đây một người nói có trông thấy má Tổ. Đó là một bà cụ trên bảy mươi. Bà nói:

- Tao thấy má con Tổ xách chai dầu hôi từ trong tiệm chạp phô đi ra. Nó chạy về phía chợ. Lúc đó đạn trái phá đã nổ rồi.

Đó là mảnh tin tức độc nhất mà hai đứa lượm được về má chúng. Những người đàn ông có mặt ở chợ lúc đó nói rằng những người cầm súng đã bắt và dẫn đi nhiều người đàn ông trong làng. Má của Tổ đâu phải là đàn ông, họ bắt bà đi làm chi? Hai đứa lại tiếp tục đi vòng trong xóm. Chúng tìm vào từng nhà để hỏi và để tìm má chúng. Chúng không bỏ qua hốc nào, kẹt nào trong xóm. Chúng vẫn không tìm ra được má chúng.

Trời đã tối rồi, bây giờ hai đứa phải đi ngủ lại. Tổ bảo Thạch Lang trở về gốc cây điệp tìm lại mấy cái bánh ít. Hai cái bánh ít chưa ăn vẫn còn nguyên vẹn trên chiếc xe củi. Ăn bánh xong hai đứa leo lên xe ngủ. Đêm đó trời lạnh. Có cây điệp che phía trên thành ra sương ít xuống, tuy vậy hai đứa vẫn cảm thấy lạnh quá. Chúng nằm co quắp bên nhau.

Sáng ngày mai, khi thức dậy, Tổ nghe có tiếng nhiều người ở chợ. Nó biết Thạch Lang đã thức dậy và ngồi trên chiếc xe quan sát. Thạch Lang cho nó biết là có rất nhiều người mang súng đang đứng nói chuyện với những người trong làng, hết chỉ trỏ cái này rồi chỉ trỏ cái khác. Tổ biết đó là quân đội từ trên quận đi xuống. Nó leo xuống xe và nói với cậu bé:

- Anh Thạch Lang, mình tới nhờ họ đi tìm má.

Thạch Lang leo xuống.

Hai đứa tìm tới một ông lính. Tổ thưa với người lính:

- Thưa ông, nhờ ông tìm má cháu giùm cho cháu.

Thạch Lang đỡ lời Tổ:

- Thừa ông, em cháu không thấy đường. Nó bị mù hai mắt. Hôm qua chúng cháu từ xóm Thượng xuống đi chợ với má. Trong khi hai bên đánh nhau, chúng cháu lạc mất má chúng cháu rồi.

Thạch Lang nói những lời trên rất trôi chảy và lễ phép, khiến cho cả Tổ cũng phải ngạc nhiên. Tổ không nghe người lính trả lời. Ông ta bước tới gần một người lính khác và thì thào. Người lính này có giọng nói oai vệ hơn. Ông ta hỏi tên của má Tổ. Tổ đáp:

- Thừa ông, má cháu tên là bà Ba Tý, làm nghề đồn củi, nhà ở gần rừng Đại Lão, thuộc xóm Thượng.

Người lính này, mà Tổ đoán là một vị chỉ huy trưởng, quay lại hỏi chuyện những người dân làng về má Tổ. Những người này nói rằng má Tổ không có trong số những người chết và bị thương trong trận đánh hôm qua. Chắc là má Tổ đã bị áp giải đi với quân tấn công rồi. Người lính quay lại khuyên hai đứa trở về nhà mà đợi má. Ông nói:

Hai đứa cứ về nhà đi. Khi nào có tin tức má thì các bác ở đây sẽ báo cho mà biết.

Ngoan ngoãn, Thạch Lang và Tổ đi về phía cây điệp. Cậu bé đi trước để kéo xe. Tổ đi sau để đẩy. Hai đứa tìm đường về xóm Thượng.

Xe không có củi nên nhẹ. Hai đứa không còn nói năng vui vẻ như khi đi. Chẳng mấy chốc chúng về tới xóm Thượng. Thạch Lang nhớ đường rất giỏi. Cậu bé không cần hỏi Tổ mà tìm đúng được con đường đi từ xóm Thượng về cánh đồi sát rừng Đại Lão.

Khi hai đứa về tới nhà thì trời đã đứng bóng. Thạch Lang ôm xuống những thứ mà bà Ba Tý đã mua hôm qua tại chợ và thông thả leo lên đồi vào nhà. Bé Tổ ủ rũ đi sau. Hai đứa vào tới nhà. Căn nhà vắng bóng bà Ba có vẻ trống lạnh quá đối với Tổ. Tổ hỏi Thạch Lang có đói bụng không để nó đi nấu cơm. Thạch Lang trả lời là không. Hai anh em ra ngồi ở bậc cửa, ngó mông lung ra ngoài. Hai đứa không nói với nhau lời nào.

Thạch Lang rủ Tổ xuống bờ suối chơi. Nó bảo Tổ đem cái ống sáo theo. Tổ không có lòng nào để thổi sáo nhưng nó chiều theo ý của cậu bé.

- Mấy con cá chắc chết hết rồi. Tổ nghe Thạch Lang nói như thế. Nó bảo Thạch Lang mở gói lá chuối ra xem. Cậu bé đi tìm một cái chậu, đổ đầy nước và bỏ mớ cá vào. Một lúc sau, nó nói với Tổ:
- Cá chết hết rồi Tổ ạ. Chỉ còn có hai con còn sống. Hai con nhỏ tí. Một con màu hồng, một con màu bạc. Chúng ta đem chúng nó ra sông suối mà thả, nhé Tổ.

Hai đứa đi xuống suối. Thạch Lang bưng chậu cá, còn Tổ xách ống sáo. Tới nơi, cậu bé bưng hai tay lại để bắt hai con cá còn sống. Nó quỳ xuống bên bờ cỏ và thả chúng xuống suối.

- Anh đã thả hai con cá xuống suối rồi, Tổ.

Tổ hình dung ra hai con cá nhỏ xíu, một con màu hồng, một con màu bạc, đang sung sướng lội đi. Mối nó thoáng một nụ cười nhưng mà nụ cười của nó tan biến ngay sau đó. Ngồi trên một tảng đá bên bờ suối, nó nghĩ tới những gì đã nghe trưa ngày hôm qua tại chợ xóm Hạ. Tiếng khóc thét của trẻ em, tiếng rên la của người lớn. Nó đã không nhìn bằng mắt nhưng nó thấy cảnh tượng những đứa bé như nó cụt tay, nát đầu, gãy chân, cảnh tượng những người lớn lòi ruột, nằm chết giữa chợ, cảnh tượng xóm làng tan hoang với những căn nhà bốc lửa. Nó nghĩ tới má nó bây giờ hai tay bị trói, đang bị những người cầm súng dẫn đi. Thạch Lang ngồi im trên bờ có lẽ cũng đang nghĩ tới những cảnh tượng đó. Bây giờ nó với Thạch Lang ngồi đây, không biết bao giờ mới có hy vọng gặp lại má. Có thể người ta sẽ giết má nó chẳng. Có thể má nó sẽ chết như ba nó chẳng, chết như một con chim nghèo đầu, hai chân chim co quắp như hai cánh tay người, bên cạnh một bụi cây gai nào đó trong rừng, như nó đã trông thấy? Nghĩ đến đó, Tổ cảm thấy có một cái gì đè nặng trên ngực nó khiến nó thở không nổi. Nó muốn òa lên khóc, nhưng mà nó không òa lên được.

Tảng đá trên chỗ nó ngồi bỗng nóng bỏng giống như một cục lửa. Nó thấy ngộp thở, giống hệt như mỗi khi nó lặn quá lâu dưới nước.

Vừa lúc đó, nó bỗng nghe Thạch Lang cất tiếng hát: tiếng hát của Thạch Lang thật là lạ kỳ, thật là vi diệu. Chưa bao giờ nó nghe một thứ tiếng trang nghiêm dường ấy. Tiếng hát ban đầu như một sợi khói mỏng bốc lên từ mái nhà tranh khi má nó nấu cơm chiều. Sợi khói này tỏa ra chiều ngang, lơ lửng trên không rồi đột nhiên xò cánh rộng như một con chim đại bàng bay liệng trong khoảng trời bát ngát, không có ngăn mé. Đột nhiên con chim đại bàng vỗ cánh; gió vi vút nảy sinh ở trên cao, gọi mây bốn phương về quy tụ lại trên đỉnh đầu. Những đám mây năm màu chói lọi đến chấp cánh với nhau, nhảy múa. Tổ nghe có tiếng vi vút như tiếng hàng vạn cây thông reo lên đỉnh núi, rồi tiếng thì thảo mơ hồ như tiếng mưa bụi theo gió Xuân về lất phất vào những cành tơ liễu bên bờ hồ. Rồi Tổ nghe tiếng rộn rịp của những bước chân trẻ em: một đoàn con nít mặc áo đủ màu cầm tay nhau nhảy múa trên đồi cỏ.

Cảm giác nặng nề trên ngực Tổ đã biến mất. Nó cảm thấy hơi thở của nó được khai thông. Nó cảm thấy tâm hồn nó êm dịu lại và tảng đá trên chỗ nó đang ngồi đã trở thành một đám mây, bay phiêu diêu trong không gian. Rồi bỗng nhiên nó có cảm tưởng một cái gì rất lạ lùng vừa xảy tới. Nó nghe như có tiếng hàng vạn cánh chim bay liệng trên trời. Đúng rồi, có tiếng chim kêu trên không gian, không phải tiếng kêu của một con chim hay năm bảy con chim mà là tiếng kêu của hàng vạn con chim cùng một lúc. Bây giờ cái âm thanh mà nó đang nghe không còn là tiếng hát của Thạch Lang nữa. Thạch Lang hình như đã lặng tiếng. Bây giờ Tổ chỉ nghe có tiếng chim kêu và tiếng cánh chim xôn xao. Theo nhận xét của Tổ thì bây giờ trên trời có đến hàng vạn con chim, và có lẽ là tất cả chim chóc trên rừng đã bay về rợp cả khung trời trên đầu hai đứa.

Chính vào lúc đó, nó nghe tiếng Thạch Lang:

- Tổ có biết là chim trên rừng bay về nhiều lắm không?

Tổ trả lời:

- Dạ biết. Chim ở đâu bay về nhiều thế hả anh Thạch Lang? Tại sao vậy anh?
- Anh cũng không biết tại sao chim bay về nhiều như vậy. Chắc là tất cả chim trên rừng đều bay về đây. Chim che kín cả trời. Anh đang hát thì chim đến.

Đột nhiên Tổ nghe một tiếng chim quen thuộc. Con chim hình như bay thấp lắm, ngay trên đầu hai đứa. Nó buông ra một tràng âm thanh như một chuỗi ngọc sáng ngời treo lơ lửng giữa không gian. Tổ nhận ra đó là con chim ngày trước đã từng trả lời tiếng sáo của mình. Nó nâng vọi ống sáo lên và gọi chim. Tiếng sáo của Tổ buồn như một buổi chiều tím. Tất cả đàn chim gồm hàng vạn con đều lặng lẽ lắng nghe, trong khi cánh vẫn không ngừng bay lượn. Tổ đem tất cả những đau buồn của mình, gửi vào tiếng sáo. Nó năn nỉ đàn chim đi bốn phương trời tìm giùm má nó. Tiếng sáo trở nên thiết tha, van lơn, khẩn cầu, bay vút lên cao rồi lại dập dùi trầm xuống. Bây giờ đàn chim bắt đầu bay tứ tán. Trong phút chốc, chỉ còn con chim màu vàng, đuôi dài và trên đầu có mấy cái lông trắng xòe ra là còn bay quanh quẩn. Sau khi trút ra một tràng âm thanh dòn dã nữa, nó liệng cánh vút theo những con chim khác vào rừng.

Bây giờ là khoảng hai giờ chiều. Thạch Lang và Tổ còn ngồi bên bờ suối. Đàn chim đã bay đi hết, hai đứa chỉ còn nghe được những âm thanh quen thuộc mọi ngày. Sau một lúc im lặng, Tổ lên tiếng hỏi Thạch:

- Anh Thạch Lang, anh có thấy con chim liệng gần trên đầu chúng mình hay không? Con chim nó trả lời lại tiếng sáo của Tổ đó, hả anh? Lông nó vàng mượt, có phải không?
- Đúng rồi, lông nó vàng mượt. Đuôi nó dài, xòe ra, và trên đầu có một túm lông trắng. Tổ có quen con chim đó hả?
- Tổ chưa từng thấy con chim đó. Tổ chỉ mới nói chuyện với nó trên rừng thôi, bằng ống sáo, cách đây chừng hơn một tháng. Tổ nói chuyện với nó đã chín lần rồi. Tổ chỉ nghe tiếng nó hót

nhưng Tổ đoán rằng nó có bộ lông màu vàng rất mượt, một cái đuôi dài, và khi đậu trên cành thì hai mắt nó lác liên hết nhìn bên này lại nhìn bên kia không ngớt. Anh Thạch Lang, anh hát hay quá. Tổ chưa bao giờ nghe ai hát như vậy. Hồi đó Tổ đã bắt đầu nghệt thờ rồi mà nghe tiếng anh hát Tổ thấy khỏe liền. Tiếng hát của anh như là có thể đuổi đi được một con giông bão đó anh. Hồi này nếu anh không hát thì có lẽ bây giờ Tổ đã chết rồi.

Tổ lặng yên. Thạch Lang cũng lặng yên. Một lúc sau, Tổ lại hỏi:

- Ai đã dạy cho anh hát vậy, hả anh Thạch Lang?
- Anh ở trên đỉnh núi, lâu lắm. Anh nghe tiếng gió, tiếng mây, tiếng sương, tiếng mưa và nhiều thứ tiếng khác nữa, rồi lâu ngày, tự nhiên anh hát được. Anh chỉ hát những lúc trời rất nặng và rất thấp, những lúc trời đất bức rứt khó chịu, những khi mây đen sa xuống thấp và trời đất như muốn nổ tung ra. Em nói đúng đó. Anh có thể hát để đuổi được một con giông tố. Còn em, ai dạy cho em thổi sáo mà em thổi hay như vậy, buồn như vậy? Có phải là má em dạy không?
- Không, má không dạy, má chỉ sanh ra em thôi. Ba thì ngày xưa có dạy, nhưng ba chỉ dạy Tổ thổi một ít bài dân ca đồng ruộng và núi đồi mà thôi. Tổ cũng như anh. Tổ thổi sáo được là vì Tổ đã từng ngồi lắng nghe các thứ tiếng: tiếng cây, tiếng gió, tiếng suối, tiếng chim. Nhưng mà tiếng hát của anh lạ lắm, anh Thạch Lang ơi. Nó làm cho Tổ khỏe trong người. Nó làm cho Tổ sống lại. Anh hát làm sao mà tất cả chim trên rừng đều bay về liệng trên đầu anh, lạ quá.

Thạch Lang lặng thinh. Một hồi sau cậu bé mới nói:

- Có phải là em đã nhờ bọn chim đi tìm má phải không? Chúng nó nghe lời em, nhưng chúng có biết mặt má đâu mà tìm? Em và anh phải đích thân đi tìm má mới được.

Tổ ngược mắt, lóng tai:

- Anh nói anh với em đi tìm má hả? Biết má ở đâu mà đi tìm bây giờ?
- Thì đi tìm như hôm qua mình đi tìm ở xóm Hạ đó. Chúng mình sẽ đi cùng khắp hết đất nước, ở đâu mình cũng phải tìm cho đến. Cuối cùng mình cũng sẽ tìm ra được má. Không lý chúng mình cứ ngồi chờ ở đây mãi mãi hay sao?

Tổ bỗng thấy Thạch Lang có lý. Mình phải đi tìm má. Mình phải lặn lội, dù phải vượt núi qua đèo. Một tháng tìm chưa ra thì hai tháng. Một năm tìm chưa ra thì hai năm. Phải tìm cho ra má. Tổ có cảm tưởng là tìm ra được má thì mọi chuyện đâu sẽ vào đấy hết. Tất cả những đau thương hãi hùng mà mấy hôm nay hai đứa phải chịu đựng đều là do không có má. Tìm được má thì mọi sự sẽ an lành, trẻ em sẽ không còn bị tan xương nát thịt, người lớn sẽ không còn bắn giết lẫn nhau, nhà cửa xóm làng sẽ không còn bị lửa đạn tàn phá. Đúng rồi, nó với anh Thạch Lang của nó sẽ lên đường đi tìm má. Nó hỏi:

- Bao giờ thì chúng mình đi hả anh?
- Chúng mình nên đi ngay bây giờ. Tổ biết không? Hai con cá hồi trưa, một con màu hồng, một con cá màu bạc, chúng đã đi tìm má của chúng rồi. Ta cũng phải đi tìm má của ta thôi.

Tổ đứng dậy. Thạch Lang đứng dậy. Hai đứa đi lên đồi, vào nhà. Tổ lấy một cái dây vải, bỏ vào đấy gạo, muối, hộp diêm, một cái nồi nhỏ, hai đôi đũa, hai cái chén, một cái ca múc nước. Nó đưa cái dây cho Thạch Lang vác trên vai. Nó lấy một sợi dây cột ống sáo vào ngang lưng. Nó lại mang theo cái áo mưa cũng bằng vải cao su mà ông Ba ngày xưa thường hay đem theo lên rừng. Hai đứa khép cửa nhà lại, và lên đường.

Thạch Lang và Tổ hướng về xóm Thượng. Ngừng lại trước trường học, chúng hỏi thăm về bà Ba Tý, nhưng ở đây không ai biết được tin tức gì của bà. Chúng lại đi về xóm Hạ. Ở đây có nhiều lính tráng đứng canh gác. Những đồng tro than ngày hôm qua giờ đây vẫn còn

ngón cháy. Cảnh tượng hoang tàn. Thạch Lang cho Tố biết là dân làng đang lo dọn dẹp những hỗn độn gây ra do trận đánh ngày hôm qua. Hai đứa dừng lại để hỏi han. Vẫn không có ai biết tin tức gì về má chúng. Hai đứa lại kiên nhẫn đi vòng trong vòng ngoài của cả xóm để tìm tòi và hỏi han. Cũng không có ai thấy gì hoặc nghe gì về ba Ba Tý. Cuối cùng hai đứa ra khỏi xóm Hạ.

Ra khỏi xóm Hạ, Tố không biết đường sẽ dẫn đi đâu. Thạch Lang cũng vậy. Hai đứa chỉ biết đi, không chú ý đi về phương nào. Có đường là đi. Đi để tìm má, vậy thôi. Chúng không biết là cái làng kế cận ở cách đó bao nhiêu dặm đường.

Hai đứa đi băng qua nhiều ngọn đồi và nhiều cụm rừng. Trời xẩm tối rồi mà chúng nó chưa thấy một cái nhà hoặc một cái quán nào. Phía trước còn là đồi và rừng. Hai đứa dừng chân trên một cái cầu gỗ bắc qua một con suối, và ngồi xuống thành cầu, đóng đưa hai chân cho đỡ mỏi. Tố bảo Thạch Lang đi kiếm ba cục đá và một nắm củi để nó nấu cơm. Nó mở đẫy, xúc gạo và nôi cho Thạch Lang đi vo ở dưới suối. Rồi nó lấy hộp diêm nhúm lửa.

Khi cơm chín thì trời đã tối hẳn. Một cái mặt trăng không đầy hiện ra ở trên trời. Đối với Tố, trời sáng hay trời tối cũng không khác nhau, nhưng đối với Thạch Lang ăn cơm trong bóng tối không dễ dàng gì. Hai đứa ăn cơm với muối hột. Đói bụng cho nên chúng nó ăn sạch hết nôi cơm. Sau khi dọn dẹp, Tố bảo Thạch Lang đi múc nước suối lên uống. Uống nước và súc miệng xong, hai đứa nằm co sát bên nhau trên cầu mà ngủ. Chúng đắp chung chiếc áo mưa bằng cao su.

Sáng hôm sau, hai đứa thức dậy khi mặt trời đã bắt đầu chiếu ấm. Chúng xuống suối rửa mặt trước khi lên đường. Tuy không thấy đường nhưng Tố đi rất tự nhiên. Nó đi bên cạnh Thạch Lang, tay trái của nó nắm lấy cánh tay mặt của cậu bé. Ngày hôm đó, chúng đi ngang một khu rừng lớn. Hai đứa tưởng rằng băng qua khu rừng là có thể thấy được xóm làng, ai ngờ chúng đi cho đến chiều tối mà đường rừng vẫn còn hun hút. Con đường rừng chật hẹp, không đủ để cho hai đứa đi ngang nhau. Thạch Lang phải đi trước, Tố để tay trái

lên cái đẫy gạo của Thạch Lang mà lần bước theo. Hai đứa đi chậm lại. Rừng càng lúc càng trở nên rậm rạp, nhưng không có đứa nào tỏ vẻ sợ hãi. Tổ biết là chiều đã xuống. Nghe tiếng suối róc rách, nó bàn với Thạch Lang nghỉ chân để nấu cơm ăn rồi tìm chỗ mà ngủ cho qua đêm. Hai đứa tìm được dòng suối. Thạch Lang lại đi xây bếp và kiếm củi.

Trong khi Tổ nấu cơm, cậu bé tìm được một chỗ mà hai đứa có thể nằm ngủ. Đó là một phiến đá lớn, nằm trên một cái dốc núi cheo leo, có cây cối um tùm bao phủ. Nó bẻ đi những cành gai cắm chung quanh tảng đá để ngừa các loài dã thú có thể bén mảng tới trong khi hai đứa nằm ngủ.

Trong rừng, trời tối rất mau. Sợ ăn cơm xong thì không còn thấy đường leo lên dốc núi, hai đứa bàn nhau đem cơm lên tảng đá ngồi ăn. Thạch Lang đưa Tổ lên trước rồi trở lại đem nồi cơm và những dụng cụ khác. Nó không quên xuống suối múc một ca nước để hai đứa cùng uống.

Nửa đêm hôm ấy, Tổ thức dậy vì tiếng nổ lộp bộp của một đồng lửa cháy đâu gần đấy. Nó đưa tay đi tìm Thạch Lang, định đánh thức cậu bé dậy, nhưng Thạch Lang đã thức tự lúc nào. Cậu bé nắm tay nó và thì thầm bảo nó nằm yên đừng lên tiếng. Cậu cho Tổ biết là phía dưới suối có rất nhiều người, hàng trăm người. Họ quây quần bên một đồng lửa lớn. Họ đã nấu cơm xong, bây giờ họ bắt đầu ăn. Thạch Lang nói với Tổ là những người này có súng. Không muốn cho họ biết tới mình, hai đứa nằm yên không cử động. Một lúc sau, những người cầm súng ăn cơm xong. Họ ngồi quây quần quanh đồng lửa và hát. Họ hát những bài rất lạ, nhịp điệu rất mạnh, âm thanh như sóng biển nổi tiếp xô nhau vào bờ. Họ hát như là họ đang muốn ào tới để đập phá một cái gì đó. Tổ có cảm tưởng là nếu họ muốn đập phá một cái núi đá lớn, họ cũng có thể đập phá được. Họ như đang giận dữ một điều gì.

Một lúc lâu sau đó, họ lại hát những bài hát êm dịu hơn. Rồi có người đứng lên kể những câu chuyện làm cho cả trăm người cùng cười.

Nghe những bài hát này, Tố thấy dễ chịu. Nghe tiếng cười của những người cầm súng, Tố lại cảm thấy có thân tình với họ. Bỗng Thạch Lang nắm tay Tố thì thầm. Dưới kia có một người đứng lên, đội một chiếc nón lá trên đầu. Chiếc nón lá được đan tạm bằng những chiếc lá kè mới hái còn xanh. Tay phải ông ta chống cây gậy dài như chiếc giáo, còn tay trái ông cầm một thanh củi lớn, đầu củi còn cháy. Ông ta huơ thanh củi lên như một bó đuốc soi đường và bắt đầu hát. Tố nghe tiếng hát rõ mồn một:

*Đất người đây thanh lịch, đất (có) hữu tình
Có đường vô sánh tới dinh quan lưu đồn
Ba năm bác còn đương trấn thủ (tình dẫu mà tình ơi)
Trấn thủ lưu đồn (ú ù u, ú ù u)
Ngày thì canh điểm, sớm thì đồn việc quan.
Anh chém cành tre, (còn như) ngả gổ (tình dẫu mà tình ơi)
Ngả gổ trên ngàn (ú ù u, ú ù u)
Than thân rằng khổ biết phàn nàn cùng ai
Anh hãy phàn nàn với những trúc cùng mai
Có cái cây măng nứa, có cái cây ngô đông
Xót (xót) xa còn như muỗi đở (tình dẫu mà tình ơi)
Muỗi đở trong lòng (ú ù u, ú ù u)*

Tiếng hát lạ tai nhưng đã làm cho Tố bồi hồi cảm động. Nó nghĩ tới ba nó những ngày còn làm lính sống ở chốn rừng sâu nước độc, ăn uống kham khổ, gối đất nằm sương, khi đau ốm không có má nó và nó sẵn sóc một bên... Nó biết những người có súng ở dưới suối kia cũng là lính, cũng đang sống trong cảnh rừng sâu nước độc như ba nó, và cũng sẽ có thể một ngày kia ngã chết như ba nó, chết vì bệnh tật hoặc vì bom đạn hoặc vì những người cầm súng khác giết. Chết như một con chim nghèo đầu, hai chân co rúm bên bụi gai. Tiếng hát của người lính cũng buồn như tiếng sáo của Tố một buổi chiều nào. Nó nói lên cả vừa sự nhớ thương vừa sự cam phận. Nó không giống tí nào với tiếng hát mà đoàn người vừa cất lên hồi nãy, những tiếng hát dồn dập như voi chạy, như ngựa phi, như gió gào mưa thét vào những ngày giông bão. Tố không hiểu sao một người mà có thể hát hai giọng khác nhau như thế.

Tiếng hát chấm dứt rồi nhưng không có ai vỗ tay, cũng không có ai reo hò tán thưởng. Đám người yên lặng. Sau đó, Tổ nghe có người lên tiếng trách móc. Tiếp theo đoàn người lại cất lên giọng hát hùng dũng lúc trước. Họ hát một hồi, rồi họ đi tìm chỗ ngã lưng để nghỉ ngơi.

Sau đó, Thạch Lang và Tổ không nghe họ nói gì nữa. Chỉ nghe tiếng nổ lép bép ròi rạc của đồng lửa đang cháy dở. Hai đứa nằm yên một hồi rồi thiếp đi. Đến khi chúng thức dậy thì trời đã sáng và đoàn người đã đi mất. Đoàn người không để lại dấu tích gì hết. Đồng lửa cũng không còn. Tro than bị xúc đổ vào nơi nào không biết. Đoàn người đã phủ lên chỗ họ đốt lửa một ít rong rêu mà họ lấy bên bờ suối.

Hai đứa lại lên đường. Cho mãi đến chiều hôm đó chúng mới ra khỏi khu rừng, và đến tối mịt chúng mới tới được một khu dân cư. Đây là một cái làng có hàng rào cây nhọn bao quanh rất kiên cố. Có những cái chòi canh thiết lập trên cao. Thạch Lang và Tổ vào tới khu chợ thì nhà cửa cũng bắt đầu lên đèn. Tổ bàn với Thạch Lang là nên ngủ nhờ tại một túp lều ngoài chợ, để sáng mai khi họp chợ thì chúng có thể hỏi thăm về bà Ba Tý.

Đêm đó, vào khoảng hai giờ khuya, làng bị tấn công. Tiếng pháo biệt kích ầm ầm vang dậy làm hai đứa tỉnh thức. Bốn mặt, tiếng súng nổ rền. Trong làng, tiếng phèng la báo động được đánh lên tới tấp. Từ túp lều ngoài chợ, hai đứa trẻ nghe tiếng chân rầm rập của từng đoàn người chạy qua chạy lại; có lẽ là dân quân và địa phương quân đang phối hợp với nhau để bảo vệ thôn làng và đẩy lui cuộc tấn công. Tiếng súng từ bên trong bắn ra như pháo. Thỉnh thoảng một trái hỏa châu nổ sáng trên trời, soi rạng bốn phía, tiếp đến là nhiều loạt súng đủ loại, âm thanh nổ dồn như sấm. Pháo biệt kích đã làm sập mái nhà trung ương chợ, các miếng gạch ngói và tre gỗ bay tới tấp vào túp lều trong trại nơi hai đứa bé nằm. Trận đánh kéo dài. Tổ và Thạch Lang nghe nhiều tiếng la của người lớn và trẻ em cùng tiếng hét gọi của những người lính. Lửa của căn nhà nào đó trong xóm đang bốc cháy, tiếng gọi nhau của dân làng vang lên ới ới. Có lẽ người ta đang chạy đi chữa lửa trong khi trận đánh kéo dài. Những người tấn công hình

như đã phá thùng được một mặt rào phòng thủ. Hai đứa bé nghe những tiếng hét to: “Xung phong” dữ dội. Tiếng súng lại nổ dồn. Đạn bay vèo vèo bên tai hai đứa. Tổ níu chặt lấy Thạch Lang, đề cậu bé xuống sát đất, bởi vì Thạch Lang cứ muốn lồm cồm đứng dậy. Người ta bắn nhau, giết nhau ngay giữa chợ, ngay bên cạnh hai đứa bé. Tổ nằm run rẩy như một con chim nhỏ. Nó không còn đủ sức kèm Thạch Lang nằm sát đất nữa. Nó biết xung quanh nó nhà cửa đang cháy, đàn ông, đàn bà và trẻ con đang chết hoặc bị thương và những người lính cầm súng của hai bên đang đâm chém nhau. Đột nhiên nó buột miệng kêu to lên “Má ơi! Má ơi!”, rồi như không còn biết sợ sệt là gì, nó ngồi dậy, cao tiếng gào khóc.

Gào thét được một lát, bỗng Tổ nghe tiếng Thạch Lang. Thạch Lang đang hát. Thạch Lang đã đứng dậy và ra đứng giữa trời cất giọng hát. Hoảng sợ, nó vội kêu lên:

- Thạch Lang! Nằm xuống đất! Thạch Lang, anh nằm ngay xuống đất!

Nhưng Thạch Lang không nghe nó. Tiếng hát của Thạch Lang cất lên càng lúc càng cao. Hình như bốn phía có tiếng gió thổi xôn xao, rồi tiếng cây rừng xa bắt đầu phụ họa vào giọng hát. Thạch Lang đứng hát, thản nhiên và ung dung như đang đứng hát trên một đồi cỏ mượt. Giọng Thạch Lang không chứa đựng một chút sợ hãi nào. Nghe tiếng hát của cậu bé, Tổ cảm thấy bao nhiêu sợ hãi và đau buồn của nó tan biến. Nó rút ống sáo của nó ra, phụ họa vào tiếng hát của Thạch Lang. Trên không, Tổ đã nghe tiếng của nhiều con chim bay lượn. Phút chốc, tiếng đập cánh của loài chim càng lúc càng lớn. Trận chiến ở dưới đất bỗng nhiên dịu lại, tiếng súng thưa dần, tiếng reo hò và la hét im bật. Tiếng sáo của Tổ vọng lên, nỉ non ai oán, khóc thương cho thân phận của những bác tiểu phu đi lính không về, của những bà bán củi ngoài chợ chạy loạn mất con, của những đứa trẻ bơ vơ không nơi nương tựa, của những người lính chết một thân một mình nơi chốn thâm sơn cùng cốc, của những bà cụ già, những em bé bỏ mình trong cơn lửa đạn. Trời đất đang lắng nghe Tổ, chim chóc đang lắng nghe Tổ, trẻ con và người lớn đang lắng nghe Tổ, những

người lính đang bắn giết nhau, hình như cũng đang ôm súng nằm yên để lắng nghe Tổ. Tổ đang than vãn với đất trời, với muôn loài, như ngày xưa Tổ đã than vãn với các loài côn trùng trên cây, dưới đất. Tiếng sáng của Tổ vừa dứt thì tiếng hát của Thạch Lang cũng vừa tái sinh; tiếng hát vút lên cao như một niềm hy vọng, như lòng tin tưởng ở tình thương yêu giữa muôn loài muôn vật. Tiếng hát êm ấm như gió Xuân xoa dịu niềm đau trong trái tim người; tiếng hát mát rượi như sương thu, làm nguôi lạnh lửa hận thù đang ngùn cháy; tiếng hát như những giọt nước cam lộ làm nảy chồi trên cây hy vọng đã sắp khô cạn.

Bây giờ tiếng súng đã im. Tổ có cảm tưởng là trận đánh chưa bao giờ xảy ra. Trận đánh như chỉ là một cơn ác mộng. Bầy chim đã ra đi. Tiếng gió xôn xao bốn bề đã bật. Thạch Lang và Tổ nắm tay nhau đứng yên lặng rất lâu, bởi vì xung quanh hai đứa, hình như vạn vật đều cùng im lặng. Chân trời phía đông đã rạng. Những người tấn công đã rút lui vào rừng sâu tự bao giờ, không ai hay biết.

Sự sống dần dần trở lại trong làng. Trời chưa sáng, và sương mù còn bao phủ. Người ta đốt đuốc gọi nhau, tìm nhau. Người ta lo cấp cứu những người bị thương. Người ta khiêng các xác chết dân sự và binh lính về trạm y tế. Người ta lo xây đắp lại những công sự vừa bị phá vỡ, sắp đặt lại sự phòng thủ và gửi người xin thêm quân tiếp viện.

Trời đã sáng rõ. Đám quân nhân đi tuần hành thấy hai đứa trẻ lạ liền bắt về đồn. Thạch Lang và Tổ bị tình nghi là giao liên đi do thám và liên lạc cho địch. Có nhiều người nét mặt hung dữ đề nghị bắn bỏ cả hai đứa. Trong số những người này, Thạch Lang thấy có cả nhà binh lẫn dân sự. Cậu bé giương mắt lên nhìn, không hiểu giao liên là gì, do thám là gì, liên lạc cho địch là gì. Nhưng Tổ sợ run. Nó òa khóc và kể hết câu chuyện của anh em nó. Ở đây không ai biết ông Ba Tý và bà Ba Tý là ai. Người ta nghi hai đứa bịa ra câu chuyện đi tìm má. Tuy nhiên, viên chỉ huy không đồng ý việc bắn bỏ hai đứa. Thấy Tổ là một đứa bé mù, ông nghĩ nó không thể làm giao liên được. Ông ra lệnh đưa hai đứa về quận lỵ, giao cho phía chính quyền dân sự của quận giải quyết.

Trưa hôm đó hai đứa được đưa lên xe nhà binh chở về quận lỵ. Tại đây Thạch Lang và Tố được người ta giao cho bót cảnh sát. Hai đứa được bót cảnh sát cho ăn cơm tối. Tối đến chúng được lãnh một chiếc chiếu và một cái mền để ngủ lại trong bót. Chúng ở lại đây được ba ngày thì người ta cho chúng về tỉnh lỵ giao cho Trung tâm Cải huấn Thiểu nhi.

Đây là một khu đất rộng có nhiều dãy nhà dài, xung quanh có tường thành bao bọc, trên thành có gắn miếng chai. Hai đứa được đưa vào một nơi có người đánh máy lóc cóc và có người ngồi hỏi họ, tên, lý lịch hai đứa. Tố lên tiếng thay cho cả hai đứa. Nó khai nó tên Hoàng Thị Tố, chín tuổi, học lớp năm, con của ông Hoàng Văn Tý và của bà Nguyễn Thị Cháu, làm nghề đốn củi ở xóm Thượng, xã An Lạc. Nó khai Thạch Lang là anh nó, tên Hoàng Thạch Lang, mười hai tuổi, ở nhà giúp má, không được đi học. Nó cũng khai ba nó là tử sĩ. Người kia lên tiếng hỏi Thạch Lang về vụ đụng độ tại xã Phước Bình bốn hôm về trước và bảo nó nói thiệt xem hai đứa có làm việc cho quân phiến loạn không. Cậu bé thẳng thắn kể lại mọi chi tiết chuyến đi tìm má của hai đứa, từ lúc lên đường tới lúc ngủ ở trong rừng gặp những người mang súng cho đến khi cả hai đứa bị bắt giam và chở về giam tại bót cảnh sát quận. Tố cho rằng chi tiết gặp một toán người cầm súng đốt lửa trong rừng mà Thạch Lang kể đã gọi lên những nghi ngờ trong óc người thẩm vấn. Ông ta trầm ngâm không nói gì, sau đó ra lệnh đưa tên Hoàng Thạch Lang về trại A và tên Hoàng Thị Tố về trại D. Một cô thư ký người ôm ồm cao đưa hai đứa ra khỏi văn phòng. Cô cầm tay Tố dắt đi và bảo Thạch Lang đi theo. Cô bảo rằng tuy hai đứa ở hai trại khác nhau, nhưng mỗi ngày có thể gặp nhau buổi trưa và buổi chiều sau giờ cơm. Cô lại còn dặn hai đứa mỗi khi có chuyện cần thiết cũng có thể đến trại của nhau để xin phép gặp mặt nhau.

Thạch Lang được ở chung phòng với một cậu con trai lớn hơn nó hai tuổi. Bên trại D, Tố được ở chung với một cô bé lớn hơn nó bốn tuổi nhưng chỉ cao hơn nó có một cái đầu. Cô bé tên là Lệ. Nó kêu Lệ là chị ngay từ khi mới gặp.

Trường hợp của Tổ rất đặc biệt vì Tổ là một đứa trẻ mù. Tuy nó được dự vào những lớp học, nhưng nó không thấy được những gì thầy giáo viết trên bảng đen và nó cũng không đọc được sách. Tuy vậy trong những giờ làm việc chân tay nó không thua ai. Chỉ năm hôm sau, nó đã có thể đi khắp Trung tâm Cải huấn một mình không cần ai đưa dắt. Lệ tuy hơi đánh đá nhưng Lệ không ghét Tổ bởi vì Tổ không bao giờ làm trái ý Lệ. Nó luôn luôn ngọt ngào với cô bạn cùng phòng.

Thạch Lang vào lớp nhưng không theo được bài giảng bởi vì cậu bé không biết chữ. Nó xin vào học trong lớp của Tổ và ngồi bên cạnh Tổ. Sau mỗi bữa cơm, Tổ dạy vần quốc ngữ cho Thạch Lang. Cậu bé học mau lạ thường. Chỉ trong vòng bảy hôm, cậu đã đọc được và viết được. Tổ chỉ cho Thạch Lang làm toán, Thạch Lang học trong vòng một ngày mà làm được bốn phép toán, kể cả những bài toán chia rắc rối nhất.

Trong Trung tâm Cải huấn có đứa dễ thương nhưng cũng có nhiều đứa lỗ mãng, kỳ cục, chuyên ăn hiếp và gây gỗ, mặc dù những hình phạt của ban Giám đốc rất gắt gao. Có lần Thạch Lang bị hai đứa lớn tuổi hơn nó đánh đến chảy máu đầu chỉ vì lý do duy nhất là Thạch Lang đã thản nhiên đứng cười, không tỏ vẻ sợ sệt khi chúng sấn lại định đánh cậu. Cậu bé bị đánh nhưng không chịu đánh trả, chỉ tỏ vẻ ngạc nhiên không hiểu tại sao mình không làm gì người khác mà người khác lại đánh mình. Hôm đó Tổ cũng có mặt nhưng nó có trông thấy gì đâu. Nó chỉ biết là Thạch Lang đang bị đánh. Nó chạy đi kêu cứu. Không người lớn đến thì Thạch Lang đã ngã ra bất tỉnh vì máu trên đầu đã chảy ra nhiều quá. Người ta đem cậu bé về phòng y tế để băng bó. Tổ xin phép ngồi bên giường của Thạch để săn sóc cho anh.

Từ hôm đó trở đi, bọn trẻ con Trung tâm Cải huấn gọi Thạch là thằng khờ và Tổ là con mù. Chúng gọi Thạch Lang là thằng khờ vì Thạch Lang bị người ta đánh mà không biết chống trả lại, cũng không tỏ vẻ giận hờn. Còn chúng gọi Tổ là con mù là để cho nhớ vậy thôi, chứ cũng không phải vì một ác tâm nào. Hai anh em Tổ cũng không vì những tên gọi ấy mà lấy làm phiền giận.

Cuối năm đó Thạch Lang được ra khỏi Trung tâm Cải huấn mà lại còn được gửi vào trường Quốc gia Nghĩa Tử ở thủ đô, bởi vì hạnh kiểm nó tốt và sức học nó khá. Tổ cũng được gửi về trường mù dành cho trẻ em tại Biên Hòa. Được tin này cả hai đứa đều hoảng hốt. Cả hai đứa đều nghĩ rằng nếu xa nhau, chúng không còn có hy vọng nào tìm ra được má. Lâu nay hai đứa đã nương tựa vào nhau; có Thạch Lang, Tổ như có thêm hai mắt và thiếu Tổ, Thạch Lang không biết sẽ phải làm gì và phải đi về đâu. Nhưng người lớn đã quyết định, trẻ con phải tuân theo. Ban Giám đốc Trung tâm Cải huấn hứa sẽ sắp xếp cho hai đứa liên lạc với nhau bằng thư từ và thỉnh thoảng Thạch Lang sẽ được phép về trường mù thăm Tổ.

* * *

Tổ thức dậy giữa đêm khuya. Nó lắng nghe tiếng súng nổ xa xa và lòng nó nặng đầy sầu thương. Nó vừa nằm mơ thấy Thạch Lang. Đó là một giấc mơ đầy gian truân nhưng mà cũng đầy hy vọng. Trong giấc mơ, Thạch Lang đã về với nó, đã đi bên cạnh nó. Nhưng đó chỉ là một giấc mơ. Nó nghĩ tới Thạch Lang một cách xót xa. Đã hơn sáu tháng nay nó không được tin tức gì của Thạch Lang. Nó đã lạc mất Thạch Lang như ngày xưa nó đã lạc mất má nó.

Trước kia, khi còn ở nội trú trong trường Quốc gia Nghĩa Tử ở Sài Gòn, Thạch Lang có viết cho nó bốn lá thư. Và khi Thạch Lang bị đưa về trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu, Thạch Lang chỉ viết được cho nó một lá. Thế rồi Thạch Lang bất tin luôn. Những lá thư này nó còn cất giữ, và lâu lâu nó lại nhờ chị Tám, một chị nhân công của trường mù đọc lại cho nó nghe. Năm lá thư của Thạch Lang được nó giữ gìn cẩn trọng trong một cái hộp thiếc mà nó để trong cái tráp áo quần của nó. Từ khi mất liên lạc với Thạch Lang, Tổ đã nhờ ban Giám đốc trường mù viết thư hỏi thăm về Thạch Lang. Trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu trả lời là Thạch Lang vì hạnh kiểm xấu đã được gửi về Trung tâm Cải huấn Chí Hòa ở Sài Gòn và sau đó trường không còn biết gì về cậu bé nữa. Ban Giám đốc đã viết thư cho Trung tâm Cải huấn Chí Hòa thì Trung tâm trả lời là Thạch Lang bị chuyển về một trại Cải huấn tại Vùng Một Chiến Thuật, không rõ là nơi nào.

Nghe nói vì hạnh kiểm xấu cho nên Thạch Lang bị tống về Trung tâm Cải huấn, Tố không tin. Nó chưa từng gặp hay chưa từng thấy một cậu con trai nào hiền lành và tốt bụng như Thạch Lang. Thạch Lang chỉ có một cái tính là không bao giờ biết sợ ai, dù đó là những người có nhiều quyền lực, như những người trong Ban Giám đốc chẳng hạn. Nhưng Thạch Lang không bao giờ khiêu khích ai hoặc tỏ vẻ khinh thường ai. Tố chảy nước mắt, nhớ tới Thạch Lang. Nếu có Tố một bên, có thể Thạch Lang đã không bị tai nạn như thế. Bây giờ nó lạc mất Thạch Lang rồi. Thân nó mù lòa, làm sao mà một mình tìm ra được hai người thân nhất trên đời của nó.

Trong hơn nửa năm ở trường mù, Tố đã học được rất nhiều. Trước hết nó đã học được cách đọc sách, đọc bằng những ngón tay của nó. Những cuốn sách nó đọc gồm những tờ cứng trên đó mẫu tự được thay thế bằng các dấu lồi lõm khắc thành từng hàng. Nó rất ham đọc sách. Ngón tay nó đi tới đâu là hình ảnh hiện ra trong trí nó tới đó và miệng nó mỉm cười thích thú. Chỉ tiếc là sách không có nhiều. Nó cũng đã học cách viết lách thứ chữ lồi lõm này bằng một thứ bút nhọn không cần mực. Nó cũng đã được bà Giám đốc cho phép học viết bằng một cái máy đánh chữ. Cái máy chữ này cũng viết ra thành hàng những dòng chữ có thể đọc được bằng những ngón tay.

Tố lại còn học tiểu công nghệ, đan rổ, đan giỏ và cả cắt may nữa. Nó có chân trong ban âm nhạc của trường bởi vì nó thổi sáo giỏi. Tuy vậy Ban Giám đốc chỉ cho phép nó thổi những bài dân ca ca ngợi sinh hoạt đồng ruộng những thời thanh bình. Nó cảm thấy ấm ức về chuyện này. Nếu nó được tự do, nó sẽ thổi những khúc sáo do chính nó chế tác, những khúc sáo nói được nỗi lòng của nó cũng như nỗi lòng của hàng vạn đứa trẻ như nó. Tố thấy xung quanh nó có bao nhiêu người có cảm nghĩ giống hệt như nó và nó nghĩ rằng họ sẽ rất hài lòng khi nghe Tố thổi những khúc sáo nói được tâm tình chân thực của nó. Người lớn ở đây hình như cố tình bưng bít sự thật. Họ muốn bày ra một khung cảnh giả tạo để mà sống cho yên ổn một cách giả tạo. Tố không biết tại sao mà họ phải che giấu. Ở miền quê, những nơi mà Thạch Lang và Tố đi qua, nơi đâu cũng có giặc giã, bom đạn, chết chóc. Tưởng rằng ở thành phố thì yên ổn hơn ai, ai dè Tết vừa

qua, dân chúng cũng đã sống trong cảnh bom đạn hãi hùng. Tổ nghe nói trong cuộc tấn công vừa qua tại Sài Gòn, có nhiều khu nhà cửa tan nát, xác chết đầy đường, hôi hám ghê rợn. Có người từ Sài Gòn về kể chuyện rằng người ta đã dùng xe ủi đất vào hàng trăm xác người chôn chung từng hố. Họ còn kể rằng các nhà thương đầy ứ những trẻ em và người lớn bị thương. Ngay tại Biên Hòa này, trường của Tổ cũng đã bị pháo kích và nhiều đứa bạn của Tổ đã chết. Đất nước loạn lạc khắp nơi như vậy, mà người ta còn ráng làm như không có chuyện gì xảy ra.

Tuy nhiên, Tổ biết rằng không ai có thể ngăn được tiếng nói của lòng người. Đó đây thỉnh thoảng nó đã nghe được những lời hát nói lên cái sầu đau của dân tộc nó, cái ước vọng xóa bỏ hận thù để mà xây dựng lại cuộc đời đã đổ nát. Mới hôm qua đây, khi xe trường mù dừng lại một lát trước cổng nhà thương thị xã, nó đã nghe một em bé gái hát theo tiếng đàn bầu bên vệ đường:

*Giọt nước mắt thương mây, mây hãy ngủ trên ngàn
Giọt nước mắt thương cây, cây ngã trên non
Giọt nước mắt thương anh, khô dòng máu châu thân
Giọt nước mắt thương quê hương, ôi còn chảy miên man.*

*Giọt nước mắt thương chim, chim bỏ xa rừng
Giọt nước mắt thương đêm, đêm đẩy xe tang
Giọt nước mắt thương em, trên vụn nước điêu linh
Giọt nước mắt không tên xin để lại quê hương.* ^[1]

Tổ biết em bé đang hát lên bài hát đó cũng chỉ độ vào trạc tuổi nó. Nghe tiếng hát, Tổ biết ngay là em bé kia cũng đang bị mù lòa như nó. Tiếng đàn bầu lại cho Tổ biết rằng người đàn cho em bé hát cũng là một người tàn phế vì chiến tranh, đành đưa em bé ra đường hát dạo để kiếm tiền độ nhật.

Em bé mù kia hát như là em thấy được hết sự thật đang xảy ra trên đất nước quê hương. Đâu cần tới hai con mắt mà những đứa trẻ như Tổ cũng thấy được tất cả những thống khổ điêu linh trên đất nước? Riết rồi Tổ không biết những người lớn có mắt để làm chi.

Vừa mới hồi nãy đây, Tổ nằm mơ một giấc mơ thật kỳ lạ. Trong giấc mơ ấy, Tổ thấy mình cùng Thạch Lang đi xông pha khắp nơi để tìm má. Trước hết nó thấy nó cùng Thạch Lang đứng chơi trên một cánh đồi buổi mai, ánh sáng đầu hè chói lọi. Trên trời có cả thấy bảy tám mặt trời và rất nhiều trăng sao. Đã có mặt trời, mà lại có trăng sao, Tổ không biết tại sao; nó chỉ biết là trời đất vui như một ngày hội. Bỗng nhiên nó nghe có những tiếng nổ lớn, rồi những cái mặt trời thay nhau rụng xuống, tắt lịm. Bầu trời bây giờ tối om. Trăng sao cũng mất dạng từ hồi nào. Tiếng khóc than vẫn lại tự bốn phía. Ngay lúc đó, Tổ đột nhiên nhớ lại rằng mình mất má: nó định ninh tất cả cơ sự ấy xảy ra chỉ tại vì nó lạc mất bà Ba Tý. Nếu nó tìm được má nó, tức khắc trời sẽ sáng trở lại, bảy cái mặt trời sẽ trở về chói lọi trên không trung, và trăng sao cũng lại hiện ra đầy đủ như những đêm rằm. Nó đang thất thểu một mình trong đêm đen giữa những tiếng kêu khóc của hàng vạn đứa trẻ khác chắc cũng vừa bị lạc má như nó, thì nó bỗng thấy Thạch Lang từ đâu chạy về bên nó, tay phải Thạch Lang cầm một bông hoa hướng dương. Bông hướng dương lớn bằng một trái bưởi Biên Hòa, nhưng mỏng manh hơn, đang tỏa ánh sáng. Cuống hoa dài lắm. Thạch Lang cầm cuống hoa đưa lên cao để soi đường. Nó gọi Tổ, Tổ mừng rỡ chạy tới. Thế là hai đứa cùng nhau lên đường đi tìm má dưới ánh sáng của bông hoa. Ánh sáng tuy không chói lọi như ánh đèn nhưng cũng đủ để soi đường cho hai đứa.

Tổ và Thạch Lang đi vào những xóm làng chìm đắm trong màn đêm u tịch. Thạch Lang dừng lại, đưa cao bông hướng dương, đứng hát. Thạch Lang hát một hồi lâu thì thấy một cái cửa hé mở, rồi có ánh đèn lọt ra ngoài. Một bóng người hiện ra trước cửa đưa tay vẫy chào hai đứa làm hiệu. Lúc đó tại sao nó và Thạch Lang không đi tới để hỏi thăm người kia về má nó, nó không hiểu. Nó chỉ nhớ là sau khi người kia vẫy tay chào, nó và Thạch Lang đưa tay vẫy đáp lại và tìm tới những khu làng khác. Rồi nó thấy hai đứa đứng trước những tòa nhà san sát nhau, sừng sững như những quả núi, lạnh lẽo và âm thầm trong bóng đêm, không mang một dấu hiệu nào của sự sống. Thạch Lang đưa bông hoa lên, và cất tiếng hát. Lâu, lâu lắm, nó thấy một cái cửa sổ mở ra, và một bóng người lại hiện trên cửa sổ, phía sau người

đó lại có ánh đèn. Rồi sau đó lại có những cái cửa sổ khác mở ra nữa, và những bóng người khác nữa hiện ra. Tới khi nhiều cửa sổ được mở và có nhiều người đưa tay ra vẫy chào hai đứa, thì Tổ nghe có tiếng gầm gừ của một đàn dã thú xông ra như để vồ lấy và cắn xé hai đứa. Nó kéo Thạch Lang chạy trốn.

Rồi Tổ thấy Thạch Lang và nó đi vào rừng cao, lấy bông hoa hướng dương soi trên từng thân cây, từng hốc đá. Nó lại thấy hai đứa đi xuống tận biển sâu, cầm bông hướng dương soi từng con cá, từng cọng rêu. Không nơi nào mà hai đứa không đi tới. Chúng đi cho tới khi gặp một ông già râu tóc bạc phơ. Ông già đưa cho Thạch Lang một khối tròn lớn như một trái bí rợ, màu sáng như vỏ ốc. Ông nói đó là một cái mặt trời dưới thủy cung, ông cho hai đứa mượn lên mặt đất để đi tìm má. Tổ vừa mới đưa hai tay đỡ lấy thì nó giật mình tỉnh thức.

Tổ muốn ngủ trở lại, hy vọng giấc mộng tiếp tục, nhưng nó không ngủ được nữa. Tiếng súng xa nghe buồn bã và xốn xang quá. Bây giờ có lẽ đã khuya lắm, và mọi người đều đang ngủ say. Nó ngồi dậy, mở rộng cửa sổ. Không khí mát lạnh bên ngoài ùa vào làm nó khoan khoái dễ chịu. Tổ lăn mẹp giường, lấy ống sáo đưa lên, nhè nhẹ thổi. Nó muốn liên lạc với đất trời bên ngoài. Nó định bụng thổi sáo rất nhẹ để không làm thức giấc một ai trong khu trường này hết.

Không biết Tổ thổi sáo như vậy trong bao lâu thì nó nghe có tiếng gọi quen thuộc. Tổ ngừng hơi sáo. Tiếng gọi đó là tiếng gọi của một con chim. Và con chim này rất quen. Tổ bỗng nhớ ra: đây là con chim đã từng đối đáp với Tổ nhiều lần trên rừng và một lần dưới suối. Nó mừng rỡ không khác được gặp lại Thạch Lang. Con chim chuyển cho nó một cách rõ ràng cái tin Thạch Lang đang tới gần bên nó. Tổ đưa ống sáo lên bảo con chim xác định lại điều mới nói. Đúng rồi, Tổ không thể nào nghe lầm được. Nó và con chim đã thông hiểu ngôn ngữ nhau một cách thấu triệt từ lâu rồi mà. Thạch Lang đã trở về. Thạch Lang đã trở về gần bên Tổ. Nó khoác thêm lên mình một cái áo cho ấm, và cầm ống sáo, mở cửa phòng đi ra sân. Con chim bay trên

đầu nó. Ra tới ngõ trường mù, Tổ tháo chốt, hé cánh cửa, lách ra ngoài. Nó nghe tiếng Thạch Lang gọi nó:

- Tổ!

Nó quay lại phía có tiếng Thạch Lang phát ra, thì vừa lúc đó, Thạch Lang đã tới ôm nó vào lòng. Tổ đứng yên trong vòng tay Thạch Lang, khóc thút thít.

Một lát sau, nghe tiếng chim bay gọi trên không, Thạch Lang bảo Tổ:

- Thôi, chúng ta nên mau đi khỏi nơi này kéo trời đã gần sáng.

Nói xong, nó nắm lấy tay của Tổ, dắt đi. Hai đứa theo con đường phía hông của trường mù, lần ra khỏi thành phố. Con chim vàng vẫn bay liệng trên cao, chỉ đường cho chúng.

- Chúng ta đi đâu đây, Tổ vừa lấy ché áo bà ba lau nước mắt vừa hỏi Thạch Lang. Nó biết bây giờ Thạch Lang đã lớn hơn trước và cũng đã rắn rỏi hơn trước. Nghe một câu nói của Thạch Lang và thấy cách hành động mau lẹ của Thạch Lang, Tổ cảm thấy ngay điều đó. Hai đứa mới xa nhau có chín tháng mà nó cảm thấy nó đã xa Thạch Lang có đến chín mười năm trời.
- Chúng ta đi ra khỏi thành phố rồi chúng ta tìm đường trở về rừng Đại Lão. Chúng ta về nhà xem má đã về tới đó hay không. Rồi anh lại sẽ phải trở về nhà cũ của anh trên đỉnh núi. Anh đã vắng nhà gần đúng mười hai lần trăng tròn rồi.
- Nhưng anh có biết đường về nhà không, anh Thạch Lang? Từ đây về nhà xa lắm, xa lắm. Chúng ta sẽ đi lạc.
- Em đừng lo, có con chim vàng sẽ đi dẫn đường cho chúng ta. Nó đã đưa anh từ miền rừng núi Lạng sơn vào đây tìm em rồi mà.

Thạch Lang từ miền rừng núi phía Bắc trở vào tận đây tìm nó! Tổ sung sướng quá. Thạch Lang tìm được nó thì thế nào Thạch Lang cũng tìm được má. Tổ nhớ lại giấc mơ hồi hôm, khi ông già râu bạc

dưới thủy cung trao cho hai anh em một cái mặt trời. Cái mặt trời lớn như một trái bí rợ, màu trắng đục như long não, và có khi lấp lánh như xa cừ. Có thể là giấc mộng đã báo trước sự thực. Vừa đi nó vừa kể lại chuyện giấc mộng cho Thạch Lang nghe. Nó vòng cánh tay phải của nó qua cánh tay trái của Thạch Lang và đi ngang một hàng với Thạch Lang. Cậu bé lắng tai nghe Tổ kể lại những gì đã xảy ra cho Tổ từ khi nó được gửi tới trường mù trẻ em tại Biên Hòa. Tổ kể cho Thạch Lang nghe đủ mọi chi tiết của cuộc đời nó trong trường. Nó nói về những đứa bạn nó, những đứa còn sống và những đứa đã chết trong trận tấn công Tết Mậu Thân vừa qua. Nó kể lể tất cả những nỗi nhớ thương, khổ đau, thất vọng và hy vọng của nó. Thạch Lang im lặng nghe; thỉnh thoảng nó lại ngắt lời Tổ để hỏi thêm một vài chi tiết. Chẳng mấy lúc mà hai đứa đã ra khỏi thành phố. Bây giờ hai đứa đã đang bắt đầu đi sâu vào một khu rừng trồng toàn cây cao su. Chúng đi suốt ngày hôm đó, thỉnh thoảng lại ngừng chân để nghỉ ngơi. Con chim vàng luôn luôn bay theo trên trời để hộ vệ cho chúng. Tối hôm đó hai đứa ngủ lại trên một chiếc xuống của ai bỏ hoang ở bên một con kênh mà nước gần cạn.

Chúng đi như thế trong nhiều ngày, vượt rừng, trèo núi, hướng về phía Tây Bắc. Có lúc hai đứa đi ngang một rừng chuối. Chúng bẻ chuối chín để ăn. Những trái chuối hoang nhỏ bé nhưng rất ngọt. Ăn chuối xong, chúng đi tìm suối để uống nước. Có lúc hai đứa đi ngang một khu rừng dày đặc những cây tre, chúng lại bẻ măng nướng trong một đồng lá để ăn thay cơm. Đi như vậy trong vòng bảy hôm thì chúng trở lại được khu rừng, nơi đó chúng từng gặp một đoàn quân cắm trại bên suối. Tổ còn nhớ mãi tới bài hát "trấn thủ lưu đồn" mà nó đã nghe lén được đêm ấy.

Trên con đường trèo non lội suối về nhà, Thạch Lang kể chuyện về bước đường phiêu lưu của nó cho Tổ nghe. Tại trường Quốc gia Nghĩa Tử, Thạch Lang đã kết thân với bao nhiêu đứa bạn, tất cả đều là những đứa con trai và con gái mà cha hoặc anh đã bỏ mình trên các chiến địa. Chúng thành lập một đoàn ca nhạc và hát lên nỗi lòng thù hận chiến tranh và ao ước hòa bình của chúng. Thạch Lang hát hay và làm cảm động tất cả những bạn đồng học khiến cả bọn bầu nó làm

trường đoàn văn nghệ. Đoàn của chúng trình diễn không những trong trường Quốc gia Nghĩa Tử mà còn ở các buổi tập hợp liên trường. Những bài hát của chúng nói lên được tâm sự của trẻ em lẫn người lớn, khiến ai nấy đều nức lòng hoan hô chúng. Nhưng đoàn văn nghệ của chúng chỉ hoạt động được khoảng một tháng thì Ban Giám đốc của trường chỉnh lý. Họ không cho phép chúng muốn hát gì thì hát. Họ phát cho chúng những bài hát do họ làm ra, và bảo chúng chỉ được hát những bài hát ấy. Thạch Lang ầm ức không chịu. Các bạn nó cũng ầm ức không chịu. Chúng không tuân lệnh Ban Giám đốc. Chúng bị Ban Giám đốc khủng bố. Sau nhiều lần dọa nạt Thạch Lang mà không khuất phục được nó, Ban Giám đốc trường Quốc gia Nghĩa Tử quyết định đuổi Thạch Lang vì "hạnh kiểm xấu". Nó bị gửi về trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu, ở đó họ biết kỷ luật sẽ không còn là kỷ luật của trường học nữa, mà là kỷ luật của quân đội.

Tại trường Thiếu Sinh Quân, Thạch Lang chinh phục nhiều bạn mới, Các bạn của Thạch Lang đông đến hơn một trăm đứa. Chúng làm kiến nghị xin Ban Giám đốc trường thay vì đào tạo lính thiếu niên để đưa vào chốn lửa đạn thì đào tạo những cán bộ trẻ đi hoạt động kiến thiết tại thôn xóm và vận động hòa bình. Vụ này xảy ra làm chấn động không những cả trường Thiếu Sinh Quân mà còn cả quân khu phụ trách về cơ sở này nữa. Thạch Lang bị khép vào tội "tuyên truyền cho địch" và bị đưa về giam tại khám Chí Hòa. Tại Chí Hòa, nó gặp một số các ông thầy tu bị còng tay. Hỏi tội gì, các vị nói rằng họ đã kêu gọi hai bên ngừng đánh nhau để mà thương thuyết. Nó ở Chí Hòa được nửa tháng thì ba trăm ông thầy tu cùng với gần hai trăm người trong khám Chí Hòa bắt đầu một cuộc nhịn ăn. Người ta tố cáo là nó đã xui khiến các ông thầy tu này bằng những bài hát tuyên truyền của nó.

Một đêm nọ, giữa lúc nó đang ngủ, có người vào tận khám còng tay nó và áp giải ra xe. Thạch Lang được chở ra miền Trung và đem giam tại một trại giam chính trị ở Vùng Một Chiến Thuật.

Tại đây nó gặp một ông Đạo tóc dài che cả hai tai, người ốm yếu nhưng hai mắt quắc thước. Ông Đạo mặc một bộ đồ bà ba màu nâu đã trở thành bạc thếp. Ông bị giam trong khám với một cái lồng, trong lồng có một con mèo và hai con chuột được nhốt chung. Chuyện lạ người ta bàn tán ở đây là con mèo không ăn thịt hai con chuột.

Ông Đạo kể rằng ông bị bắt vì ông đã tới trước tỉnh đường với cái lồng của ông để xin gặp đại tá tỉnh trưởng. Người ta không cho ông vào gặp, ông ngồi trước dinh đại tá, không chịu ra về.

Những người bộ hành xúm lại quan sát. Ông phân bua với mọi người: "Tôi đến đây cốt là để thưa với chính quyền rằng một con mèo và hai con chuột còn có thể ở chung với nhau, huống hồ là con người với con người. Tôi tin rằng là chúng ta có thể ngưng chém giết nhau để chung sống với nhau được".

Có người nghe ông nói thì bụng mặt khóc. Có người thì lên tiếng chửi rủa ông, bảo ông là khờ khạo. Họ nói là: "Làm sao mà mèo với chuột lại ở chung với nhau được. Đem cái ông Đạo khùng này mà bỏ tù đi". Vậy là người ta đem ông Đạo bỏ tù thực. Ông Đạo nhìn Thạch Lang nói như phân bua: "Đã hơn một tháng rồi, con mèo có ăn hai con chuột đâu?".

Thạch Lang rất ưa nghe ông Đạo già kể chuyện. Ông có kể cho Thạch Lang nghe việc ông đi lượm những viên đạn và những mảnh bom ở khắp các làng mạc miền Đông để đúc thành một cái chuông lớn. Ông bảo Thạch Lang rằng trong suốt mấy năm qua đêm nào ông cũng thức khuya để thỉnh chuông, hy vọng tiếng chuông sẽ thức tỉnh được những người cùng trong một nước. Ông nói: "Những mảnh thép giết người kia, qua đã bắt chúng đi tu". Thạch Lang nghe nói những mảnh thép đi tu thì mỉm cười thích chí, trong khi nó biết rằng khi nghe ông Đạo nói, có người sẽ cho là ông Đạo khùng.

Ông Đạo và Thạch Lang trở nên hai người bạn thân. Rồi cũng như ở khám Chí Hòa, hai người lại xin nhịn ăn để được trực tiếp bày tỏ nguyện vọng với nhà cầm quyền. Hàng trăm phạm nhân chính trị

tham dự vào cuộc nhịn ăn này. Một tuần lễ sau đó, ông Đạo và Thạch Lang bị chính quyền đem xe chở ra Quảng Trị, đẩy qua cầu Bến Hải: "Qua bên đó tha hồ mà nhịn đói" những người võ quan mặc áo rằn ri nói với họ như vậy.

Qua tới cầu bên kia, họ được dân chúng và chính quyền địa phương ra tiếp đón. Chính quyền hỏi họ về lý do tại sao họ bị nhà cầm quyền bên kia bắt bớ tù đày. Ông Đạo và Thạch Lang cứ sự thực mà nói ra. Chính quyền rất bằng lòng. Họ bảo hai người nên thuật lại tất cả những việc đó cho dân chúng nghe. Rồi họ dặn dò Thạch Lang: phải nói thêm cho dân chúng nghe là bên kia người ta sống cơ cực lắm, và người bên này cần phải cho con cái đi tòng quân qua bên ấy để mà cứu vớt người đồng hương, đuổi bọn xâm lăng về nước, không để cho họ đè đầu đè cổ dân ta. Thạch Lang lắng tai nghe. Nó biết đó không phải đúng với điều nó thấy. Ở bên kia có người ăn trên ngai trước, biết tránh né, không bị tổn thất một mảy may trong chiến tranh, mà còn làm giàu trong khi hàng vạn quân dân ngã chết mỗi ngày trong lửa đạn. Ở bên kia, giới cầm quyền bung bít sự thực về chiến tranh, cấm đoán và tù đày những người kêu gọi thương thuyết và ngưng chiến. Nhưng dân chúng bên kia cũng đau khổ, chết chóc vì những người bên này gửi qua. Bên kia, hàng vạn người đã tan nát cửa nhà, mất cha, mất mẹ, lạc con, gãy tay, nát đầu trong những cuộc chạm súng với những người phía bên này. Cái khổ thật sự là do người cùng một dòng giống không ngồi lại được với nhau chớ không phải do người ngoại quốc tới xâm lăng và cướp hết sự sống của dân. Điều mà Thạch Lang thấy rõ nhất là súng đạn mà cả hai bên giết nhau đều do người nước ngoài đưa cho cả.

Khi những người chính quyền đã đi. Thạch Lang đem những điều mình nghĩ trình bày với ông Đạo, ông Đạo gật đầu bảo những điều nó nghĩ là đúng với sự thật. Trong những ngày kế tiếp, hai người đi thăm dân chúng trong các làng mạc. Họ thấy xóm làng ở đây tuy không bị bom đạn tàn phá nhưng rất khốn khổ nghèo nàn. Hầu hết là người già và trẻ em. Mặt người nào người nấy buồn xo. Những người trẻ đều đã bị gọi đi bộ đội, hoặc để đánh giặc, hoặc để tải lương. Mọi người nghe Thạch Lang nói về tình trạng bên kia đều giật mình

chung hửng. Họ đã tưởng con em của họ đi qua bên kia là để đuổi giặc ngoại xâm. Ai ngờ lính ngoại quốc đã về nước hết rồi và bây giờ chỉ có người cùng một máu mủ giết nhau, bắn nhau. Dân làng bàn bạc với nhau rồi kéo đi tới Tỉnh Ủy để xin cho con em họ được về. Nhiều bà già ôm lấy Thạch Lang mà khóc bù lu bù loa. Họ bảo con trai của họ đã chết trong miền Nam, không biết gửi xương chôn nào.

Được cán bộ địa phương báo cáo về vụ này, chính quyền lấy làm tức giận. Ông Đạo và Thạch Lang lập tức bị đưa đi mỗi người một ngã. Trước lúc chia tay, ông Đạo nắm tay cậu bé, ông bảo Thạch Lang không nên nản chí. Ông cười ha hả và đọc cho Thạch Lang nghe mấy câu thơ của ông:

*Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có cách gì cũng chẳng làm sao.* [2]

Người ta đem Thạch Lang tới một trại Học tập Cải tạo, nơi đây nó bị bắt buộc làm việc tay chân rất nặng nhọc. Nó được ăn và ngủ rất ít. Ở đây ai cũng phải tuyệt đối nghe lời Ban Giám đốc của trại. Trong các buổi học tập lý thuyết, người ta chỉ biết nghe mà không có quyền đưa ra bất cứ một nhận xét nào trái chống với lý thuyết nhà nước. Thạch Lang ngạc nhiên thấy sự bùng bít ở đây giống hệt như sự bùng bít ở miền Nam. Có lẽ lại còn khắt khe hơn ở miền Nam nữa. Thạch Lang không bao giờ được mở miệng nói quá một lời. Nó biết nó có nói cũng vô ích. Ở đây, cũng như ở mọi cuộc họp của nhà nước mà Thạch Lang từng chứng kiến từ ngày vượt cầu Bến Hải sang đây, con người đưa tay lên đưa tay xuống để hoan hô và đả đảo những cái máy. Thạch Lang biết từ lâu họ đã tập quen thói ấy. Trong khi tay họ đưa lên đưa xuống và miệng họ hô lên những khẩu hiệu thì khuôn mặt họ chai lì, không biểu lộ một thứ tình cảm nào hết. Thạch Lang chỉ đọc thấy trên mặt họ một nỗi cam chịu số phận mà thôi.

Một hôm trong một buổi học tập mà không khí nặng nề như bầu trời trước cơn giông tố, tự nhiên Thạch Lang cất cao tiếng hát. Mọi người

hướng về nó. Không còn ai chịu lắng nghe vị thuyết trình nói gì nữa cả. Tiếng hát của nó chinh phục tất cả mọi người. Thuyết trình viên phải im tiếng. Trước hết ông ta tỏ vẻ giận dữ, nhưng cuối cùng, tiếng hát như một dòng nước mát, đã thấm sâu vào con người của ông và làm cho ông dịu lại. Ông ngồi đó, cúi đầu, lắng nghe Thạch Lang hát, mặt tỏ vẻ băn khoăn.

Sau buổi học tập này, Thạch Lang bị hình phạt nặng. Người ta buộc nó phải đi bộ từ Hà Tĩnh ra tới một trại học tập khác ở tận trên chốn rừng thiêng nước độc miền Lạng Sơn. Ở đây, cuộc sống kham khổ lạ lùng. Nhiều người bị tê bại. Nhiều người tay chân đã bầm đen lại. Nhiều người con mắt đục lờ. Nhiều người bị đui mù hẳn. Một hôm vào rừng đốn củi dưới sự canh gác của một cán bộ, Thạch Lang thấy rung động tâm hồn. Nó chợt nhớ rằng nó xuống núi đã gần mười hai mùa trăng, và đã đến lúc nó phải trở về nguyên quán. Nó nhớ tới Tổ giờ này chắc đang khổ đau vì bất tin nó. Tổ mù lòa làm sao có thể một mình đi tìm má? Nó phải tìm về với Tổ. Nó phải ở bên Tổ thì Tổ mới có hy vọng tìm ra được bà Ba Tỷ.

Nghĩ tới đó, Thạch Lang thấy hiện ra trước mắt một ngọn núi cao với một mỏm đá nằm cheo leo trên đỉnh lớn, in hình trên bầu trời xanh biếc. Nó nhớ lại một cái hốc đá, nhỏ bằng một bông hoa hướng dương, trong ấy sương khuya từ trời cao đêm nào cũng đọng lại đầy một nửa. Nước này là một thứ cam lộ: uống vào một hớp là hết khát cả một vạn năm. Uống một hớp nước này vào thì ưu phiền ngàn kiếp cũng tiêu tan theo mây khói. Nó nghĩ rằng nếu Tổ được lên tới đây, uống một hớp nước kia và lấy được nước kia rửa lên hai mắt thì Tổ sẽ có thể sáng mắt trở lại. Nghĩ tới đó, tự nhiên Thạch Lang cất cao tiếng hát. Người cán bộ còn đang trở mắt nhìn Thạch Lang thì bốn bên núi rừng đã có tiếng xào xạc. Chim chóc bay về trong phút chốc đã dày đặc cả bầu trời. Mặc cho người cán bộ ngơ ngác nhìn lên, Thạch Lang tiếp tục cất cao giọng hát. Một lát sau, Thạch Lang nghe thấy tiếng gọi của con chim vàng. Nó lên tiếng hát bảo chim đưa đường cho nó tìm về với Tổ.

Thạch Lang và con chim đi gần hai tuần lễ mới tìm về được tới Biên Hòa. Đến ngoài rào trường mù, nó thoáng nghe tiếng sáo của Tổ. Con chim vàng bay vào trong khuôn viên trường để gọi Tổ.

Thạch Lang nói cho Tổ nghe về ý định của nó muốn đưa Tổ lên núi cao để cho Tổ được uống nước sương cam lộ trên hốc đá đầu núi, và cũng để nó lấy nước này mà rửa mắt cho Tổ. Nghe Thạch Lang nói, Tổ thấy một niềm hy vọng nảy sinh trong lòng nó. Nó thấy niềm hy vọng đó như một cái chồi non nhú mọc lên trong trái tim. Nó có cảm tưởng như nước sương cam lộ đã được tưới lên trái tim nó rồi và vì vậy chồi non kia đã bắt đầu nhú mọc.

Mãi nói chuyện, hai đứa về tới xóm Thượng hồi nào mà không hay. Cảnh tượng ở đây tiêu điều. Dân cư thưa thớt hơn trước. Có những dấu tích của sự tàn phá, khiến cho Thạch Lang biết là chiến tranh cũng đã đi qua cả cái xóm nghèo nàn này. Một hồi sau, trông thấy ngôi nhà của bà Ba Tý hiện ra trên sườn đồi, nó reo lên. Tổ đưa tay lên ngực. Trái tim của nó đập mạnh. Nó hỏi:

- Nhà mình còn nguyên vẹn không anh? Có thể là có má trong đó không anh?

Thạch Lang nói với Tổ là ngôi nhà có vẻ còn lành lặn, nhưng nó bảo nó không thấy có dấu vết gì chứng tỏ bà Ba ở đó. Mặt Tổ buồn hiu. Vượt qua suối, hai đứa lần theo con đường đồi thoai thoải để lên nhà. Thạch Lang đẩy liếp cửa bước vào. Tổ theo sau. Nhà trống lạnh. Tổ đã thuộc từng tấc đất và từng tấc không gian trong ngôi nhà này rồi cho nên nó không cần Thạch Lang dẫn đi nữa. Nó vào phòng, xuống bếp, ra ảnh nước rồi ra vườn rau. Ở đâu nó cũng cảm thấy lạnh tanh. Thì ra má nó chưa từng trở về đây tìm nó. Buồn quá, Tổ ra ngồi trên bậc cửa.

Thạch Lang rủ Tổ xuống ngồi bên suối. Nơi đây Thạch Lang đã từng thả xuống nước hai con cá nhỏ, một con màu hồng, một con màu bạc. Nó nhắc chuyện này cho Tổ nghe. Nó nói:

- Hai con cá đã lên đường cùng một ngày với chúng mình. Không biết chúng đã tìm thấy má chúng hay chưa. Nếu chúng tìm được má chúng thì chưa chừng chúng đã rủ má chúng về đây chơi. Để anh nhìn kỹ xem có hai con cá nào quanh quẩn dưới nước không.

Tổ hình dung ra hai con cá nhỏ xíu bơi lội bên nhau. Nó ước ao rằng hai con cá trên đường đi tìm má sẽ không bị chia rẽ ha đường như nó và Thạch Lang. Nếu hai con cá có bị chia rẽ thì Tổ cầu mong cho chúng cũng được đoàn tụ như nó với Thạch Lang. Tổ bỗng mỉm cười. Ngày lên đường, hai con cá chắc chỉ nhỏ bằng cỡ ngón tay út của nó. Một năm trời đã trôi qua. Hai con cá bây giờ hẳn đã lớn bằng bàn tay.

Thạch Lang và Tổ ngủ lại nhà đêm hôm ấy. Sáng hôm sau, hai đứa dậy sớm, vào rừng Đại Lão để tìm lên đỉnh núi.

Chúng băng rừng được chừng nửa ngày thì con đường bắt đầu đi lên. Tuy con chim vàng đã mất dạng từ trưa hôm qua, nhưng bây giờ Thạch Lang đã biết đường lên núi. Gặp những con suối chắn ngang, Thạch Lang phải cõng Tổ trên lưng. Đường bắt đầu khó đi. Nhiều khi thấy con đường cheo leo có vẻ nguy hiểm cho một người không thấy đường như Tổ, Thạch Lang phải phá một con đường đi vòng ít nguy hiểm hơn để đưa Tổ qua. Chúng đi khó nhọc như vậy trong vòng ba hôm thì chạng vạng ngày hôm đó chúng tới được gần chót núi.

- Chỉ còn một quãng đường ngắn nữa thôi, chúng ta hãy dừng lại đây nghỉ chân chút đã.

Thạch Lang nói như vậy và dìu Tổ đến ngồi trên một phiến đá. Thấy trán Tổ lấm tấm mồ hôi, nó nhặt một tấm lá lớn và quạt cho Tổ.

Tổ ngồi thở một hồi và bắt đầu cảm thấy khoan khoái. Nó bỗng nhận ra không khí nơi đây trong mát quá chừng. Trong không gian, Tổ nghe phảng phất một thứ hương gì rất nhẹ, không biết là của hoa cỏ hay là của mây trời. Lòng nó lâng lâng. Đây là xứ của Thạch Lang. Thạch Lang đã được sinh ra nơi chốn này. Nó hỏi cậu bé:

- Trên này có nhà cửa hả anh Thạch Lang? Anh đưa Tổ về thăm nhà của anh nhé. Và cho Tổ được thăm ba má anh. Ba má anh gặp lại anh chắc là mừng lắm.

Thạch Lang nhớ ra rằng ngày xưa khi mới gặp nó, bà Ba Tý và Tổ có hỏi về nhà cửa của nó và ba má của nó. Nó đã ngập ngừng không trả lời, bởi vì nó không biết trả lời làm sao. Hai người đã nghĩ rằng sở dĩ nó không trả lời là vì nó đang mang trong lòng một nỗi thương tâm nào đó, cho nên họ đã không cố ép. Bây giờ nó cảm thấy nó phải nói cho Tổ biết sự thật. Bỏ cái lá xuống, Thạch Lang bảo Tổ:

- Anh chỉ biết rằng đây là chốn anh sinh ra, vậy thôi. Anh không có ba má giống như Tổ. Anh sinh ra hình như đã lâu lắm rồi. Không biết chính xác là bao lâu. Rất có thể là mặt trăng tròn đã một ngàn lần hoặc một vạn lần đi ngang qua ngọn núi này. Ở trên đây không có nhà cửa gì hết. Cả ngày, cả đêm, anh Thạch Lang ngồi thành thoi trên đầu núi, nghe tiếng hát của mây, của trời, của mưa, của gió, của hoa cỏ và chim chóc, và vì vậy lâu ngày tự nhiên anh biết hát.
- Nhưng mà bất cứ đứa trẻ nào sinh ra đời cũng có ba má như em vậy. Ba má anh là ai?
- Anh đã nói là anh không biết. Chắc trời đất đã sinh ra anh, hoặc đá đã sinh ra anh. Mà Tổ này, anh có má chớ sao lại không? Má anh là bà Ba Tý, cũng là má của Tổ đấy. Anh và em đều là con của má, chúng ta đã chẳng cùng nhau đi tìm má gần suốt một năm rồi sao?

Một giọt nước mắt đọng trên mi, Tổ cảm thấy Thạch Lang nói có lý. Khi má nó sinh ra nó thì cùng một lúc má nó cũng sinh ra đất trời nhà cửa cây cối cho nó. Không có má thì làm sao có trời xanh, mây trắng; làm sao có núi rừng, đồng ruộng và cỏ hoa? Nếu không có má nó thì làm sao có Thạch Lang? Vậy thì Thạch Lang cũng do má nó sinh ra, và vì lẽ đó hai đứa đã đi tìm má. Hai con cá nhỏ bé kia, một con hồng, một con bác, chắc cũng là do má sinh ra, và cũng đang đi tìm má. Không ngẩng đầu lên, nó hỏi:

- Anh Thạch Lang, anh nghĩ chúng ta sẽ tìm ra được má hay không, hả anh?

Giọng Thạch Lang vỗ về:

- Sao lại không, Tổ? Chắc chắn là chúng ta sẽ tìm ra được má. Má không thể chết được. Má đã sinh ra trời đất, má đã sinh ra rừng núi ruộng vườn. Trời đất, rừng núi và ruộng vườn còn đó thì má còn đó. Chỉ có một việc quan trọng là tìm cho được má. Tìm ra được má thì mọi chuyện sẽ yên lành: người lớn sẽ không còn giết nhau, nhà cửa sẽ không còn bị tàn phá, trẻ con sẽ không còn bị lưu lạc. Anh đi tìm má, Tổ đi tìm má. Mà anh chắc má cũng đang đi tìm chúng ta. Tổ, em có tin lời anh nói không? Má không bao giờ chết được, và một ngày kia, chắc chắn chúng ta sẽ tìm lại được má.

Tổ im lặng. Xưa nay, có lúc nào nó không tin ở lời Thạch Lang đâu. Từ khi nó biết Thạch Lang, Thạch Lang chưa hề nói gạt nó lần nào, dù là trong một trò chơi giữa hai đứa. Thạch Lang mà nói thì là có thật. Nó cảm thấy có nhiều tin tưởng. Thạch Lang nói tiếp:

- Ngày xưa anh ngồi trên này mà nghe được tiếng sáo của Tổ từ rừng dưới đưa lên, rõ như là Tổ ngồi ngay bên cạnh anh vậy. Nghe tiếng sáo của Tổ, anh biết Tổ đang đau buồn cho nên anh đã đi xuống tìm Tổ. Anh đã quen biết Tổ, Tổ đã dạy anh nói năng, đọc chữ, làm toán. Anh đã hát cho Tổ nghe và dẫn đường cho Tổ đi, anh đã làm hai con mắt cho Tổ. Hai đứa đi chung cũng như là một đứa. Sự thật thì anh và Tổ chỉ là một đứa mà thôi, bởi vì trong Tổ cũng có anh và trong anh cũng có Tổ. Điều này chắc bây giờ Tổ chưa thấy, nhưng mai một Tổ sẽ thấy. Mà khi Tổ thấy rồi thì đi đâu Tổ cũng thấy có anh một bên. À này, Tổ có biết bây giờ mặt trăng đã lên rồi hay không? Trời sáng lắm. Trăng rất tròn, có lẽ đêm nay là đêm trăng rằm tháng tư. Hôm anh xuống núi cũng là đêm trăng rằm tháng tư. Em khỏe chưa? Còn một đoạn đường ngắn nữa thôi là chúng mình lên tới chóp núi. Đường dễ đi lắm.

Tố đứng dậy; Thạch Lang đưa cánh tay trái cho nó. Hai đứa lần đi dưới ánh trăng vàng vạc.

Chỉ một lát sau là chúng lên tới chót núi. Thạch Lang tìm chỗ cho Tố ngồi, bảo Tố dựa lưng vào một vách đá. Tố im lặng nghe ngóng. Trời đất ở đây thanh tĩnh một cách kỳ lạ. Tố có cảm tưởng là rừng núi ở cách nơi nó ngồi rất xa, và nơi nó ngồi là một hòn đảo hoang xung quanh có đại dương bao bọc. Nó nghe tiếng gió thì thảo rất nhẹ. Nó đưa tay lên sờ mặt thì thấy hai gò má nó mát lạnh. Sương đã bắt đầu xuống. Tố nghe tiếng chân của Thạch Lang leo trèo một nơi cách đó không xa. Rồi có tiếng cậu bé vọng lại:

- Phải chờ đến nửa đêm thì mới có sương cam lộ trong hốc đá.

Thạch Lang quanh quẩn bên phía ấy một hồi rồi trở lại ngồi bên Tố. Nó nói:

- Trăng sáng lắm. Phía dưới kia, sương mù che lấp cả rừng cây. Phía trên này cũng có sương, nhưng còn nhẹ lắm. Anh trông thấy rất nhiều sao. Mau quá, mới đó mà đã mười hai mặt trăng tròn đi qua rồi.

Rồi quàng tay trên vai Tố, nó nói:

- Ngày mai, khi xuống núi, ta cứ đi theo hướng mặt trời mọc là tìm về được tới nhà. Thế nào Tố cũng phải nhớ ghé suối để nhìn xem mấy con cá đã trở về chưa, nghe Tố. Tố đang nghĩ gì vậy?
- Em đang nghĩ tới giấc mộng kỳ lạ hôm trước và nhớ lại lúc anh cầm cái bông hướng dương soi đường cho em đi tìm má. Em thấy cái bông hướng dương đó tỏa ra một thứ ánh sáng mờ nhạt, đủ để cho chúng ta thấy đường mà đi. Em nhớ lúc ấy em cũng thấy rõ đường đi như anh, giống hệt như hai mắt em không mù vậy. Nay anh Thạch Lang, có anh bên em thì em không còn thấy em mù nữa. Anh là con mắt của em.

Nói xong câu ấy, Tố cười lên khanh khách...

Mặt trăng tròn vành vạnh đã ra tới giữa bầu trời, chính chắn trên đầu hai đứa. Đúng là nửa đêm. Trời đất thanh tĩnh lạ thường. Thạch Lang rời chỗ ngồi tới thăm dò hốc đá. Nó kêu lên:

- Sương cam lộ đã chảy đầy hốc đá rồi, Tổ.

Nói xong, nó chạy về đỡ Tổ đứng dậy. Từng bước, từng bước, Tổ liền tới hốc đá, theo sự hướng dẫn của cánh tay Thạch Lang. Cuối cùng, Thạch Lang dừng lại.

- Đây là nước sương cam lộ mà anh đã nói với Tổ. Anh sẽ vốc nước này cho em uống và để cho em rửa mắt. Uống nước này vào em sẽ khỏe khoắn lắm. Không cần ăn uống gì trong nhiều tháng mà thân thể và tinh thần em vẫn khương kiện. Nhất là em sẽ không còn bị khát nước nữa. Anh cũng mong nước này sẽ rửa mắt của em sáng lại.

Trình trọng, Thạch Lang đưa hai tay lên vốc một ít nước cam lộ trong hốc đá. Tổ nghe như thời gian ngưng đọng xung quanh nó. Tổ có cảm tưởng rằng trên không trung, mặt trăng và tất cả mọi vì tinh tú đang chăm chú trang nghiêm nhìn về nó. Nó có cảm tưởng đứng bên cạnh Thạch Lang còn có ông già với bộ râu tuyết mà nó đã được gặp dưới thủy cung trong giấc mơ kỳ lạ đêm trước: ông ta hiện đang cầm một cái mặt trời, sắp sửa đưa cho nó. Hai chân run rẩy, Tổ quỳ xuống trên đá, và cảm thấy an lành hơn trong tư thế này. Trong lúc đó, Thạch Lang đưa vốc nước vào tận môi nó. Tổ cung kính uống. Nước đi vào tới đâu, Tổ thấy ruột gan mát rượi tới đó. Nó thở những hơi thở nhẹ và dài. Nó cảm thấy bao nhiêu ưu phiền và nhọc mệt tích tụ lại trong bấy lâu nay đã tan biến đi đâu mất hết. Nó yên lặng quỳ để cho Thạch Lang lấy nước rửa mắt cho nó.

Cậu bé vốc nước rửa mặt cho Tổ nhiều lần với thái độ rất kính cẩn. Rồi cậu dìu Tổ ngồi xuống.

- Ở đây có mặt đá bằng phẳng, chúng ta có thể nằm nghỉ. Tổ nằm xuống đây, gối đầu lên chỗ này. Được rồi. Để anh cởi bớt một chiếc áo ngoài phủ lên trán cho Tổ, cho sương đêm đừng làm Tổ

nhức đầu vì lạnh. Anh cũng nằm xuống đây để nghỉ ngơi một lát.

Tổ nằm yên, lắng nghe. Nó cảm nhận được sự yên tĩnh sâu xa của cảnh vật xung quanh nó. Một lần nữa nó có cảm tưởng đang ở trên một cái đảo nhỏ giữa đại dương mênh mông. Có tiếng gió thì thào ở đâu xa lắm. Thỉnh thoảng lại có những giọt sương từ trên đá rơi nhẹ xuống đất. Nó còn nghe tiếng thở rất đều đặn và êm ái của Thạch Lang. Thạch Lang chắc đã ngủ rồi. Có lẽ nó cũng phải ngủ một chút mới được. Tổ theo dõi tiếng thở của Thạch Lang. Dần dần tiếng thở ấy hòa lẫn với tiếng gió thì thào ở xa xa. Một lát sau, nó ngủ thiếp đi.

* * *

Tiếng chim hót buổi sáng líu lo khiến Tổ tỉnh dậy. Nó đưa tay lên che mắt, đồng thời có một cảm giác vừa quen vừa lạ. Thôi đứng rồi, cái cảm giác chói chang khiến nó đưa tay lên che mắt là do ánh sáng gây ra. Mắt nó đã sáng trở lại; Thạch Lang đã làm cho mắt nó sáng trở lại. Vẫn giữ hai bàn tay che trên mắt cho khỏi chói, nó liếc nhìn cảnh vật qua những kẽ hở nhỏ giữa những ngón tay. Thấp thoáng nó thấy đá, thấy trời. Một lát sau, nó buông hai bàn tay xuống.

Hình ảnh mà nó trông thấy trước nhất là một khối đá lớn, lớn bằng ba lần cái nhà của ba má nó, dựng đứng trên một khung trời xanh biếc không một gợn mây. Trời lớn quá, rộng quá, dàn trải xuống cả phía dưới chân núi. Chỗ nó đứng quả giống như một hòn đảo độc lập. Quay lưng nhìn về phía sau, nó thấy núi rừng phía dưới còn mờ ảo trong sương mù buổi sáng. Hồi hôm, nó và Thạch Lang đã từ phía ấy đi lên. Ở đây, nó có cảm tưởng gần với trời mây hơn là gần với rừng núi. Cảnh tượng vĩ đại quá khiến nó có cảm tưởng là nó đã thoát ra khỏi cuộc đời đầy đau thương và tang tóc rồi.

Đưa mắt nhìn quanh, nó không trông thấy Thạch Lang. Có lẽ cậu bé còn đang đi chơi đâu đó. Nó lên tiếng gọi:

- Anh Thạch Lang!

Tiếng gọi của nó phát ra như một làn sóng gợn. Từng âm thanh được truyền đi, thấm vào không gian, rừng cây, sương mù, vách đá và dội lại, âm nào rành rọt hướng ấy. Nhưng không có tiếng Thạch Lang trả lời. Tổ bùm tay lên miệng, gọi Thạch Lang lần nữa. Tiếng gọi của nó nghe như tiếng gọi của một vị nữ chúa rừng xanh có đủ uy quyền, vang dội khắp dưới trên.

Nhưng vẫn không có tiếng Thạch Lang trả lời.

Tổ bắt đầu hoảng. Nó leo lên mô đá trước mặt, phóng tầm mắt nhìn về phía mặt trời đang mọc. Không có một hình bóng nào lay động có thể cho là dấu hiệu của Thạch Lang. Thất vọng, nó ngược nhìn lên phía mô đá. Bỗng nhiên nó giật bắn mình như có điện giật. Mỏm đá trên cheo leo cao nhất ở chót núi trông giống hệt như Thạch Lang đang ngồi, đưa tay vẫy nó.

Thật cũng lạ lùng. Từ khi biết Thạch Lang, Tổ chưa từng trông thấy hình dáng của Thạch Lang bao giờ, vậy mà bây giờ nó nhận ra được hình dáng ấy nơi mỏm đá. Hình dáng ấy trước đây nó đã hình dung ra từ những âm thanh mà nó đã tiếp nhận được bằng tai và từ những đường nét mà nó đã tiếp nhận được bằng hai bàn tay của nó. Đây là lần đầu tiên Tổ thấy được hình dáng Thạch Lang bằng hai mắt nó. Lần đầu tiên mà cũng là mãi mãi.

Tổ dụi mắt nhìn kỹ lại mỏm đá. Lần này nó không thấy bàn tay Thạch Lang đưa lên vẫy nó nhưng nó vẫn thấy rõ ràng là mỏm đá có dáng điệu y hệt như Thạch Lang đang ngồi.

Nó biết Thạch Lang đã lui về nơi sinh thành của Thạch Lang, và đã trở lại thành mỏm đá.

"Cả ngày cả đêm anh thanh thoi trên đầu núi, nghe tiếng hát của mây, của trời, của mưa, của gió, của hoa cỏ và chim chóc, và vì vậy lâu ngày tự nhiên anh biết hát". Tổ nhớ lại lời của Thạch Lang nói với nó hôm qua. "Anh sinh ra hình như đã lâu lắm rồi. Không biết chính xác là bao lâu. Rất có thể là mặt trăng tròn đã một ngàn lần hoặc một vạn lần đi ngang qua ngọn núi này".

Thôi, Thạch Lang đã bỏ Tổ lại một mình trên cõi đời này, Thạch Lang đã về với Tổ, tại sao Thạch Lang không ở mãi bên mình Tổ? "Sự thật thì anh và Tổ chỉ là một đứa mà thôi, bởi vì trong Tổ cũng có anh và trong anh cũng có Tổ. Điều này chắc bây giờ Tổ chưa thấy, nhưng mai một Tổ sẽ thấy. Mà khi Tổ thấy rồi thì đi đâu Tổ cũng thấy có anh một bên". Giọng nói của Thạch Lang như đang văng vẳng bên tai Tổ.

Tổ khóc suốt暮, bởi vì Tổ chỉ là một đứa trẻ con. Tổ khóc rất lâu cho đến khi mặt trời lên cao, cho đến khi mặt trời đã ngự trên đỉnh đầu Tổ. Thạch Lang đã bỏ Tổ đi rồi. Thạch Lang không thương Tổ. Má Tổ đã bỏ Tổ rồi, bây giờ Thạch Lang lại cũng bỏ Tổ nữa sao? Một mình, Tổ làm sao đi tìm má? Thạch Lang ơi!

Tổ bỗng ước ao hai mắt nó mù trở lại để Thạch Lang có thể trở về ngồi bên nó, để nó có thể nói chuyện với Thạch Lang, nắm lấy tay Thạch Lang và đưa những ngón tay sờ lên mặt Thạch Lang.

Lòng thổn thức, nó lau khô nước mắt, và nâng ống sáo lên. Bao nhiêu thương nhớ trong lòng, nó truyền hết vào tiếng sáo. Tiếng sáo của nó làm cho những đám mây bay ngang phải dừng lại và quy tụ quanh đỉnh núi.

Con chim vàng đã bay đến đậu trên mỏm đá từ lúc nào Tổ không hay biết. Con chim lên tiếng trong trẻo khiến Tổ chú ý và dừng ngay tiếng sáo. Nó lắng nghe xem con chim muốn nói với nó điều gì. Từng âm, từng ý rõ ràng, rành mạch, con chim chuyển cho Tổ những lời sau đây:

*“em còn nhớ ngày đầu tiên khi mẹ đưa tôi về
nhờ năm nhóm nhiệm mầu, em mới trông thấy
bóng hình tôi hiển lộ?
ngày mai bóng hình mất đi
em hãy mỉm cười
và bình thản tìm tôi trở lại
tìm tôi qua thanh sắc đã sinh và đã mất
để thấy rằng tôi vẫn còn chân thực
chưa bao giờ đi*

*chưa bao giờ đến
qua thời gian, qua nhận thức
qua chủ khách tồn sinh..."* ^[3]

Tố nhận được rành mạch những lời của con chim truyền lại, những lời mà nó biết rằng Thạch Lang muốn truyền cho nó. Tố không hiểu những lời trên, nhưng nó cố ghi vào tâm nó để có thể thuộc lòng. Rồi nó nâng ống sáo lên, hỏi chim là tại sao Thạch Lang đi đâu và vì sao Thạch Lang không chịu về cùng nó. Con chim khởi sự lặp lại những lời thơ mà nó đã truyền cho Tố một lần. Nó không thêm thắt một âm nào, một ý nào của riêng nó.

Biết là cố nài nỉ thêm cũng vô ích, Tố chậm rãi đặt ống sáo xuống. Không có Thạch Lang, làm sao nó xuống núi một mình? Bỗng Tố giật mình. Nó biết có một cái gì rất trọng đại đã xảy ra trong nó. Đúng rồi, bây giờ nó đã có hai mắt sáng như xưa và nó có thể đi xuống núi một mình. Nó nhớ lại hôm qua chính nó đã nói với Thạch Lang: "Này anh Thạch Lang, có anh bên em thì em không còn thấy em nữa. Anh là hai con mắt của em". Ô hay, bây giờ nó đã thực sự không em nữa rồi, thì cũng như là Thạch Lang từ lúc này sẽ luôn luôn có mặt bên nó. Tới đây, Tố cảm thấy như có một luồng ánh sáng đi xẹt qua tâm trí nó. Nó có cảm tưởng nó hiểu câu nói của Thạch Lang hôm qua: "Sự thật thì anh và Tố chỉ là một đứa mà thôi, bởi vì trong Tố cũng có anh và trong anh cũng có Tố. Điều này chắc bây giờ Tố chưa thấy, nhưng mai một Tố sẽ thấy. Mà khi Tố thấy rồi thì đi đâu Tố cũng thấy có anh một bên."

Một giọt nước mắt ấm từ từ lăn trên gò má cô bé. Giọt nước mắt tuy chảy từ một trái tim buồn đã làm êm dịu lại tâm hồn bé bỏng của nó. Hèn gì hôm qua Thạch Lang đã nói: "Ngày mai, khi xuống núi, ta cứ đi theo hướng mặt trời mọc thì tìm về được tới nhà". "Ta cứ đi theo" có nghĩa là Thạch Lang cũng cùng đi với Tố.

Tố ngược mắt nhìn trời xanh, mây trắng, mỏm đá và rừng cây. Nó cảm thấy là chính Thạch Lang đang nhìn, đang thấy và đang chuyển những hình ảnh kia cho nó. Tố lắng tai nghe. Những âm thanh vi vu

của gió, của cây mà nó đang nghe kia, nó nghĩ là tiếng nói của Thạch Lang. Nó có cảm tưởng rằng hễ nó chú ý lắng tai là nó có thể nghe tiếng Thạch Lang. Thạch Lang bây giờ không những là ở trong nó mà còn là ở khắp nơi.

Tổ ngược nhìn mỏm đá trên cao. Dáng đá in trên trời xanh đúng là dáng điệu thanh tú, thơ đại và can trường của Thạch Lang. Tổ không xuống núi ngay bây giờ đâu. Nó còn muốn ở lại đỉnh núi cho hết hôm nay. Sáng mai nó xuống núi cũng còn kịp. Nó đã đặt niềm tin nơi Thạch Lang. Má nó không thể chết được, nhất định là nó sẽ tìm ra má nó. Nó đi tìm cũng như là cả hai đứa đi tìm. Và còn hai con cá nữa, và còn ông Đạo kia nữa. Một ngày nào đó, gặp được má, nó sẽ kể hết cho má nghe về Thạch Lang. Đến ngày ấy, chắc chắn là người lớn sẽ không còn giết nhau, nhà cửa sẽ không còn bị tàn phá, và trẻ con sẽ không còn bị bơ vơ như bây giờ nữa.

Để xác định niềm tin đo với Thạch Lang, nó nâng ống sáo lên thổi. Trời, mây, đá, núi và rừng cây lắng nghe.

[1]. Giọt nước mắt cho quê hương, nhạc Trịnh Công Sơn.

[2]. Thơ của Phan Khôi.

[3]. Trích trong bài Một mũi tên, rồi hai cò ảo tượng thơ của Nhất Hạnh. Sau đây là nguyên bản bài thơ, trích trong tập Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện, Lá Bối, Sài Gòn, 1965:

"Cũng như dòng suối về gặp đại dương
Ngày mai ra đi anh nhớ hát lên khúc ca mùa mới
Tiếng hát kia vắng lại sẽ đủ sức tiễn tôi trên một đoạn đường"

Tôi sẽ không ra đi, hoặc sẽ ra đi nhưng không bao giờ tôi đến, nơi khởi hành có trăng mây gió nước, và nơi tôi đến, đón chờ cũng sẽ có hoa vàng trúc tím

Là lá là hoa, em đã có tôi từ vô thi

Và màu xanh trời cao trong mắt em sẽ còn mãi mãi, nhưng vì không thấy, thương tôi, em đã bao lần nhắc chuyện ra đi.

Sáng nay sau giấc ngủ của trăng sao, vũ trụ làm rơi những giọt nước
mắt trong như pha lê,
Êm dịu sương khuya, hãy khóc cho hồn người thêm đẹp
Nước mắt sẽ biến hồn hoang vu thành nơi vườn quê tươi sáng, thanh
lương thấm lòng trái đất, nâng niu lộc mướt chồi non,
Ngày xưa những khi ngồi nhìn em khóc, tôi cũng đã ung khóc để được
đỡ dành
Ôi thiên nhiên
Bà mẹ tóc xanh, xanh mượt đất trời, nụ cười đem về đầy bướm chim,
hoa lá,
Là lá là hoa, em đã có tôi từ vô thi
Và trong nhận thức mong manh em, tôi thực chưa bao giờ từng hiện
hữu tử sinh.

Em có nhớ ngày đầu tiên khi mẹ đưa tôi về, nhờ năm nhóm nhiệm
màu, em mới trông thấy bóng hình tôi hiển lộ?
Ngày mai bóng hình mất đi
Em hãy mỉm cười
Và bình thản tìm tôi trở lại
Tìm tôi qua thanh sắc đã sinh và đã mất
Để thấy rằng tôi vẫn còn chân thực
Chưa bao giờ đi
Chưa bao giờ đến
Qua thời gian, qua nhận thức qua chủ khách tồn sinh.

Tìm tôi và tiện dịp em tìm em
Nét khám phá nguyên sơ
Chỉ cho em thấy rằng em là bất diệt
Em sẽ thấy
Không có gì đi, mất
Và với một mũi tên thôi, em bắn rơi một lần hai lá cờ huyền tượng
Chân như sẽ xuất hiện màu nhiệm nơi tử sinh
Tôi đang mỉm cười an nhiên trong phút giây hiện tại
Nụ cười nở mãi trong bài ca mùa xuân bất tận
Trong nụ cười kia em cũng sẽ thấy em còn mãi
Bởi vì em quả thực chưa từng bao giờ hiện hữu trong ảo tưởng tồn sinh
Nụ cười hôm nay, ta sẽ nhìn thấy ngày mai
Tận cuối đường ảo tưởng

Không có gì đã qua và đã mất
Không có gì sẽ qua và sẽ mất
Và tuổi chim khuyên em hôm nay
"Hãy vẫn cứ là bông hoa hát ca"

Thiều

Tấn bấm chuông, đợi bé Thiều ra mở cổng. Sáng thứ bảy nào Tấn cũng đến thăm anh chị Đoàn và lần nào người ra mở cổng cho chàng cũng là đứa cháu trai kháu khỉnh ấy của Tấn. Thiều năm nay tám tuổi. Hai mắt nó to và đen. Nước da nó trắng xanh. Dáng người nó mảnh khảnh. Thiều rất yêu cậu Tấn của nó. Lần nào cậu Tấn đến nhà, nó cũng kéo nài cậu Tấn đi chơi một vòng trong vườn với nó. Hai cậu cháu đi chơi trong vườn, la cà ít nhất cũng đến nửa giờ, trong thời gian ấy Thiều bắt cậu nó trả lời không biết bao nhiêu là câu hỏi. Anh chị Đoàn ở trong một ngôi nhà xinh xắn, xung quanh là một vườn cây khá rộng khoảng sáu ngàn thước vuông. Gần thành phố Montpellier này mà có được một ngôi nhà và một mảnh vườn như thế, thật anh chị Đoàn thuộc về số những người may mắn nhất. Anh Đoàn làm việc tại Viện Nghiên cứu Vật lý học và cũng là giáo sư dạy tại trường Đại học Montpellier.

Tấn ngạc nhiên thấy người ra mở cổng cho chàng sáng nay không phải là bé Thiều mà là chị của chàng.

- Cháu ốm từ hôm qua, chị Tuyết nói, giọng nhỏ nhẹ và hơi đượm lo âu.

Hai chị em đi theo con đường trái sỏi trắng vào nhà. Chị Tuyết đưa Tấn vào phòng Thiều. Cậu bé nằm nhắm mắt như ngủ. Có lẽ Thiều đã ngủ, vì nếu không thì cậu bé đã mở mắt và cười với cậu Tấn của nó rồi. Tuyết nhẹ nhàng đến đặt tay lên trán con, kéo cái chăn lại cho ngay ngắn trên ngực Thiều, rồi trở ra thăm thì với Tấn.

- Nó mới vừa thiếp đi đấy. Thôi chúng ta ra ngoài này chơi.

Tại phòng khách, chị của Tấn kể cho chàng nghe về bệnh tình của đứa bé. Sáng hôm qua, thứ sáu, Thiều không đi học. Nó than nhức đầu. Tuyết cho nó uống một viên Aspirine bọc đường, và ép nó uống được một tách sữa. Trưa đó Thiều không ăn cơm, nó bắt đầu lên cơn sốt. Tuyết gọi điện thoại cho bác sĩ Peltier. Ba giờ chiều bác sĩ đến. Sau khi

xem mạch cho Thiều, ông bảo đưa bé chỉ cảm sốt thường. Ông cho nó vài thứ thuốc, vừa thuốc nước ngọt vừa viên bọc đường. Vào khoảng sáu giờ chiều, nó có vẻ khá hơn và chịu xuống phòng ăn, ăn được vài muỗng súp. Nhưng đến chín giờ tối thì nó lên cơn sốt trở lại. Người nó nóng hầm. Lấy thủy đo thì tới hơn ba mươi chín độ. Tuyết hoảng kinh, điện thoại cho bác sĩ. Ông Peltier tới ngay nửa giờ sau đó. Sau khi khám xét trở lại, ông chính Thiều một mũi thuốc và bảo rằng tình trạng của cháu không có gì đáng lo ngại. Ông bảo ngủ một đêm, sáng mai Thiều sẽ khoẻ. Ông ra về, bảo sẽ trở lại chiều mai, tức là chiều hôm nay. Đêm ấy Thiều không ngủ. Nó hành mẹ nó cả đêm. Tuyết định gọi ông Peltier nhưng sợ phiền ông ta quá, lại thôi. Dù sao chiều hôm nay ông cũng sẽ đến kia mà. Buổi sáng, sau khi ngồi với con một lát. Tuyết ra dọn dẹp ngoài phòng khách. Một lát sau, Tấn tới. Khi hai chị em đi vào phòng Thiều thì đứa bé đã thiếp đi.

- Cầu Phật cho nó ngủ yên được một giấc.

Tấn cũng nghĩ là Thiều chỉ cảm sốt xoàng, nên bảo với chị đừng lo. Hai chị em ngồi nói chuyện về tin tức quê nhà một hồi thì Đoàn từ trong thư phòng đi ra. Đoàn tiến tới bắt tay Tấn, hỏi thăm sức khỏe của chàng, rồi nói:

- Hôm nay tôi bận đi họp trong trường tới chiều mới về. Tấn ở lại chơi ăn cơm trưa với chị nhé. Cháu Thiều ốm, chị có vẻ hơi lo.

Nói được từng ấy câu, Đoàn xin lỗi vào trong thay áo để đi họp. Chị Tuyết nói:

- Phải đấy Tấn, Tấn ở lại đây ăn cơm trưa với chị. Để chị đi vào xem tình trạng bếp núc ra sao, chị ra ngay bây giờ,

Tấn nói:

- Chị cứ thông thả. Em đi ra sau vườn chơi một lát. Lúc em trở vào, chị cho uống nước cũng không muộn.

Nói xong, Tấn đứng dậy, mở cửa đi ra vườn.

Khu vườn nhà Đoàn rất thịnh vượng. Bây giờ đầu tháng năm, lá còn xanh non. Các cây tilleul đã đầy lá. Chừng ba tuần lễ nữa mình đã có thể tới hái hình ảnh tilleul về uống nước rồi đây, Tấn nghĩ. Vào những đêm làm việc khuya, Tấn thường pha tilleul uống cho khỏe người và cũng cho dễ ngủ. Đã hai năm nay, đến mùa xuân nào Tấn cũng tới đây để hái tilleul. Cũng lạ, người Trung Hoa gọi tilleul là cây bồ đề, và hoa tilleul là bồ đề hoa.

Tấn tới ngồi trên một cái băng gỗ bên gốc cây châtaigner. Hoa châtaigner đã ra. Các cành cây nâng những chùm hoa lên như những chân đèn cắm đầy hồng lạp. Tấn rất ưa hình dáng những cây châtaigner này. Nó gợi lên cho Tấn hình ảnh một cây đèn Dược sư mà chàng trông thấy ở chùa.

Có Thiều đi bên cạnh thì Tấn đâu được tự do một mình để quan sát cảnh vật xung quanh như thế này. Thiều hỏi Tấn một trăm chuyện, có chuyện Tấn không biết làm sao trả lời.

Có một lần Thiều chỉ vào một thân cây và hỏi Tấn cái thân cây chỗ đó màu gì. Noi ngón tay Thiều chỉ là một thứ rêu màu giữa lục, giữa tím nhưng không phải xanh, một màu mà Tấn rất quen thuộc, nhưng Tấn không biết gọi là màu gì. Bí quá, Tấn nói liều:

- Thì đó là cái màu cháu đang thấy đấy, cái màu này này.

Tấn vừa nói vừa lấy ngón tay chỉ vào chỗ Thiều đang chỉ, nghĩ bụng rằng Thiều sẽ không bằng lòng cái kiểu trả lời của Tấn.

Tại sao Tấn không nói với Thiều: "Câu không biết người ta gọi màu này là màu gì". Trả lời như vậy có phải giản tiện hơn không, và Thiều sẽ không thể nói là Tấn né tránh không muốn thú nhận cái không biết của mình. Nhưng lạ quá, cậu bé đã rất bằng lòng câu trả lời của Tấn. Nó gật đầu tán đồng với Tấn cho rằng cái màu đó là cái màu đó, còn cái tên của nó, mình biết hay không biết cũng không quan hệ gì.

Cái gật đầu thỏa mãn của Thiều làm cho Tấn thấy mình gần gũi đứa cháu không biết ngần nào. Tấn là họa sĩ. Cái màu giữa lục và tím ấy, chàng thường hay dùng trong các tranh sơn dầu của chàng; chàng

quen thân với nó đến nỗi không cần biết tên của nó là gì nữa. Tấn nhận ra rằng ở đất nước chàng, sự giao tiếp giữa con người với nhau có khác sự giao tiếp ở xã hội Tây phương. Ở bên này, gặp nhau mà quên tên nhau thì người ta cho đó là một sự ơ hờ, thiếu sót. Còn ở bên nhà, cái tên không quan trọng. Gặp nhau hễ tay bắt mặt mừng nhận ra nhau là đủ. Người ta là anh Ba mà mình gọi lầm là anh Năm thì cũng không sao. Cái thiết yếu là sự nhớ mặt người mà không phải là sự thuộc lòng tên tuổi của nhau.

Thằng cháu Thiều của Tấn rất yêu mến Tấn bởi hai cậu cháu rất hợp ý nhau. Thiều ít khi thân cận với ba nó, bởi vì Đoàn hầu như để hết thì giờ vào công việc dạy học và nghiên cứu của mình. Thiều kể là rất ít khi bố nó chịu đi chơi trong vườn với nó. Đầu óc của bố nó cứ để ở đâu đâu ấy. Không phải là Đoàn không thương mến vợ con. Đoàn rất quý chuộng Tuyết và rất nâng niu Tuyết. Đoàn có thể chiều vợ và con trong mọi chuyện, nhưng Đoàn không thể để nhiều thì giờ cho họ, có thể thôi. Vật lý học là cái say mê của Đoàn. Đoàn say mê Vật lý như người ta say mê cờ tướng.

Tấn hiểu Đoàn, bởi Tấn là một nghệ sĩ. Khoa học, đối với Đoàn, là một sự theo đuổi có thể làm cho người ta say mê không kém gì nghệ thuật. Đi vào thế giới nghệ thuật, mình có thể trở nên thờ ơ với cái thế giới hiện thực. Có điều Tấn nhận ra là đối với chàng, cái thế giới nghệ thuật của chàng không bao giờ bị biệt lập với cái thế giới hiện thực. Tấn nghĩ là nếu Tấn có vợ con thì vợ con của Tấn cũng vẫn còn nằm trong thế giới nghệ thuật của chàng.

Tấn mỉm cười khi nghĩ đến những liên hệ giữa cái thế giới của những phương thức toán học của Đoàn với cái vầng trán rộng và hai con mắt tinh anh của Thiều, Đoàn có thể dùng toán học để miêu tả những định luật chi phối thế giới vật lý trong các hiện tượng phản xạ và sự truyền đi của ánh sáng, nhưng Đoàn chưa chắc thấy được ước mơ đơn giản mỗi sáng thứ bảy của đứa con trai mình.

Cái thế giới vật thể cực vi của Đoàn đôi khi có thể thực với Đoàn hơn là cái thế giới cảm giác.

Tấn nhớ lại có hôm giữa bàn ăn, trong giờ ăn tráng miệng, mẹ Thiều đưa cho Thiều một trái đào. Thiều mân mê mãi trái đào trong tay mà chưa chịu ăn. Nó ngắm nghía trái đào, đưa trái đào lên mũi ngửi rồi lại áp trái đào vào má nó. Tuyết nói:

- Con muốn có một trái đào để dành thì cứ ăn trái đào đó đi, mẹ sẽ cho con một trái đào khác. Cậu Tấn đem đến cho mình cả hai cân đào kia mà.

Thiều lắc đầu. Nó không muốn một trái đào khác. Nó chỉ muốn có một trái đào ấy mà thôi. Một lát sau, nó ăn trái đào.

Tấn nghĩ rằng thằng bé "cư xử" với trái đào không phải chỉ như một thức ăn mà là một hiện tượng gọi lên được sự chú ý của nó. Chiều hôm ấy đi chơi ngoài vườn với Thiều, Tấn hỏi nó tại sao trong bữa ăn nó không ăn trái đào sau khi mẹ nó trao cho nó. Thằng bé ngạc nhiên không nhớ là nó đã làm như vậy. Một lát sau nhớ ra, nó cười lên khanh khách, đưa hai tay làm hiệu cho Tấn cúi xuống để nó bá cổ, rồi nó nói:

- Cháu cầm trái đào lên rồi cháu nghĩ: cây đào phải để ra không biết là mấy tháng mới làm được thành một trái đào. Rồi cháu nhìn trái đào cho kỹ để thấy nó mấy tuổi, và để hỏi xem nó có bao nhiêu anh em.

Tấn ngạc nhiên thích thú, nhìn thằng cháu như nhìn một tác phẩm hội họa. Đúng rồi, ban đầu thằng bé đã không "cư xử" với trái đào như một miếng ăn, mà như một hiện tượng nó mới thấy lần đầu, tuy rằng nó đã được ăn đào nhiều lần rồi. Trái đào có thể như một đứa bạn mới mà nó gặp ngày tựu trường trong lớp học: nó quan sát, ngắm nghía xem thằng bạn chừng mấy tuổi, con mắt và cái mũi ra sao, bố mẹ nó có thể giống như bố mẹ mình hay không, v.v... Thiều có thể đã coi trái đào như một "nhân vật" ngang hàng với nó, đưa trái đào áp vào má như là ôm hôn một đứa bạn, nhưng rồi Tấn cũng cười lên khanh khách khi nhớ là thằng cháu đã cắn trái đào, ăn trái đào và nuốt trái đào vào bụng nó. Đi đòi "đứa bạn" của Thiều rồi.

Thiều thấy cậu cười cũng cười theo. Hai cậu cháu tiếp tục đi chơi trong vườn.

Bây giờ thì Thiều ốm nằm trong phòng nó, Tấn ngồi một mình trên một tảng đá dưới gốc cây châtaigner. Chàng lại nghĩ đến cái khác nhau giữa thế giới vật thể cực vi của Đoàn và thế giới cảm giác của Thiều. Tấn không có toán học cao cấp nên không "đối thoại" được với Đoàn bằng thứ ngôn ngữ ấy. Nhưng dù những công thức toán học của Đoàn chính xác đến mấy đi nữa thì cũng không chắc rằng cái thế giới vật lý cực vi của Đoàn hiện thực với Đoàn hơn cái thế giới cảm giác của những người thường như Tấn và Thiều. Có lần, ngồi uống cà phê với Đoàn sau bữa cơm, Tấn cười bảo Đoàn:

- Cái thế giới vật thể cực vi của anh có thể chỉ là một thế giới ma quái mà thôi, anh Đoàn.

Đoàn cười:

- Có khi tôi cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn tin là những con ma trong thế giới đó có thực cho nên tôi mới can đảm tiếp tục đi tìm, mong thấy rõ thêm phần nào mặt mũi của chúng. Tấn xem, cái thời người ta cứ cho rằng nguyên tử là những đơn vị bất di bất dịch cấu tạo thành vật chất, cái thời ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ thì người ta không thể hình dung được các nguyên tử và các điện tử như những hòn bi có vị trí nhất định trong không gian và trong thời gian nữa. Càng tới gần chúng thì chúng càng trở nên mờ ảo. Cái tính chất đồng nhất và thường tại mà ta thấy trong thế giới hàng ngày của ta, ta không thể thấy trong thế giới vật thể cực vi.

Tấn cười:

- Như vậy là trong thế giới vật thể cực vi của anh, người ta có thể chứng nghiệm cái lý vô thường và vô dễ dàng hơn là trong cái thế giới sinh hoạt hàng ngày của mình.

Đoàn gật đầu:

- Chứ sao, Tấn cứ nghĩ xem. Trong cái thế giới cảm quan của mình, cái tách cà phê là cái tách cà phê, chứ không thể vừa là cái tách cà phê vừa là cái ly rượu, và cậu Tấn là cậu Tấn chứ không phải vừa là cậu Tấn vừa là bố Đoàn. Vậy mà trong thế giới vật thể cực vi những điện tử ma quái kia có khi ló đầu ra như những cái hạt (particule - chất điểm), có khi lại ló đầu ra như một làn sóng (onde). Là cái gì thì đúng ra phải là một cái thôi chứ, đằng này nó là một lần cả hai cái, khiến thiên hạ điên đầu trong suốt mấy chục năm.
- Và bây giờ thiên hạ chịu thua rồi nên gọi các ông điện tử ấy là những hạt sóng (onduscule) phải không?
- Nói chịu thua thì không đúng. Bởi vì cái mâu thuẫn hạt và sóng ấy đã dạy cho người ta một bài học quý giá: người ta bắt buộc phải chấp nhận rằng không thể mượn những phạm trù hoặc hình ảnh quen thuộc trong thế giới con người để hình dung những vật thể cực vi được, bởi vì những vật thể này không có thường cũng không có ngã. Này nhé, cậu xem làm sao mà ta gọi một điện tử là thường được khi nó chỉ là một ba động; người ta cũng không thể theo dõi nó trên một đường đi nhất định (trajectoire définie) nào cả. Mà đã không thường thì làm gì có ngã. Người ta có thể phân biệt được cậu Tấn với bố Đoàn, phát hai thẻ căn cước khác nhau cho hai người, nhưng người ta không thể phân biệt được hai điện tử. Ta không thể nào "nhận diện" được một điện tử vì không thể nắm được đồng nhất tính của nó.

Tấn biết rằng những vật thể cực vi không có tính cách thường ngã mà cũng không chịu tuân theo những quy luật nhân quả và quy luật thống kê học cổ điển. Chàng nghĩ tới nhà bác học với những dụng cụ đo lường của ông ta mà thương hại. Tới với các vật thể cực vi, nhà bác học không những phải quăng bỏ hết mọi thứ thước đo, căn lường và đồng hồ mà ông ta dùng trong thế giới hàng ngày, mà trái lại, còn phải quăng bỏ luôn những lề lối suy tư và khái niệm thực dụng tức là

cái "tâm hàng ngày" của ông ta nữa. Vậy ông ta tới với vật thể cực vi bằng cái tâm nào? Toán học có phải là một cái tâm hay không?

Đoàn cũng ưa đàm luận với Tấn về khoa học và Phật học. Hơn một năm nay, đã có nhiều đêm Tấn thức với Đoàn tới hai ba giờ khuya. Tấn ưa sự cởi mở của Đoàn và chàng đã tiện dịp nói cho Đoàn nghe những điều căn bản về nhận thức luận trong giáo lý Duy thức và Trung luận. Tấn biết Đoàn say mê công việc nghiên cứu của Đoàn và trong khi đàm luận với Đoàn, chàng biết được một ít những sự khó khăn mà những người như Đoàn đang gặp phải trong công cuộc nghiên cứu của họ.

Tấn suy nghĩ tới đó thì chị Tuyết ra tìm chàng, bảo rằng cháu Thiều đã tỉnh ngủ và đang đòi để được gặp cậu nó. Tấn đi vào nhà tới Tuyết. Tuyết nói:

- Cháu nó có vẻ khoẻ. Cậu vào chơi với nó một lát để chị đi làm cơm. Hôm nay Tấn ở lại chơi với chị đến chiều nhé.

Tấn gật đầu.

Thiều nằm trên giường, đưa hai cánh tay ra. Tấn đến cúi xuống sát giường cho Thiều bá cổ một lát. Tấn nói:

- Hôm nay Thiều ốm nên cậu đi chơi ngoài vườn có một mình.

Mắt Thiều sáng lên khi nghe tới chuyện đi chơi vườn. Nó nói:

- Lần sau cậu đến thế nào cháu cũng đi chơi vườn với cậu. Mấy bụi pivaines nở rồi, đẹp lắm. Cậu thấy chưa?
- Chưa, cậu mới đi tới cây châtaignier thôi, chưa đi tới bụi pivaines. Hay là để lần sau cậu tới rồi hai cậu cháu mình cùng đi thăm hoa pivaines. Hoa pivaines gọi tiếng Việt là hoa mẫu đơn, cháu biết chứ?

Thiều học ở trường tiểu học Pháp cho nên nó nói tiếng Pháp giỏi hơn tiếng Việt. Một đôi khi Tấn cũng nói tiếng Pháp với cháu cho có vẻ "copain", nhưng chàng thường tập cho Thiều diễn tả bằng tiếng Việt.

Tấn rất kiên nhẫn trong công việc này và chị của Tấn cũng rất sung sướng khi thấy hai cậu cháu Tấn nói chuyện với nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Bây giờ Thiều đã nói tiếng Việt giỏi không kém gì tiếp Pháp. Tấn có cảm tưởng là khi thằng Thiều nói tiếng Pháp, nó không phải là “một” với thằng Thiều nói tiếng Việt, giống như nó có hai linh hồn khác nhau. Tấn lại mỉm cười nhớ lại hai cái tác dụng hạt và sóng của một điện tử.

Nói chuyện chơi với Thiều được mấy phút, Tấn để cho Thiều nằm nghỉ. Chàng ra phòng khách với Tuyết. Chị chàng hỏi thăm về công việc sáng tác của chàng. Tấn nói với chị là cả mấy tháng nay Tấn không có vẽ.

- Em không vẽ là tại trong người em có một sự thay đổi nào đó mà em biết là quan trọng. Em đang theo dõi sự thay đổi đó mà không muốn can thiệp vào.

Chị Tuyết thường hay tỏ vẻ lo ngại về sự sống của Tấn. “Sự sống” nơi đây không phải là sự sống tâm linh hay nghệ thuật mà là tiền bán tranh của Tấn. Tấn là một họa sĩ không chịu chiều theo thị hiếu của người mua tranh. Chàng rất ghét vẽ phụ nữ và trẻ em Đông Phương với những nét dịu dàng bụ bẫm để cho bọn nhà giàu mua trang trí trong phòng khách của họ. Chàng cũng không chịu để thì giờ bươi móc và tìm tòi những thủ thuật tân kỳ để mong khoác lên cho tranh chàng những hình thức mới lạ. Theo Tấn, cái mà chàng đi tìm không phải là phương tiện diễn tả. Dụng cụ ngôn ngữ của hội họa, Tấn nghĩ, chỉ là đường nét, màu sắc, sự sáng tối và chất liệu dùng dưới cây cọ. Ngôn ngữ hội họa giàu sang không kém ngôn ngữ của nhà thơ hoặc nhà văn. Người ta không cần dùng một lượt tất cả chữ nghĩa trong từ điển để làm thơ hay viết văn: người ta chỉ cần chọn một số chữ cần dùng mà thôi. Trong hội họa cũng vậy, Tấn không bao giờ cảm thấy lúng túng vì phương tiện diễn tả. Sự lúng túng về phương diện diễn tả chẳng qua chỉ là những biến hình của sự trống rỗng về phương diện sinh hoạt nội tâm.

Có nhiều khi Tấn cảm nhận được sự có mặt của những bản khoả, thao thức và sôi động trong nội tâm, nhưng Tấn không cầm cọ. Chàng không cầm cọ bởi vì nếu cầm cọ, Tấn sẽ có một cảm giác tương tự như cảm giác lúng túng về phương tiện diễn tả. Tấn biết rằng đó không phải là sự thiếu thốn phương tiện diễn tả mà chỉ là sự “chưa chín” của chất liệu nội tâm. Công việc hội họa, theo Tấn, phải được bắt đầu ngay từ sự nhận diện những biến cố lớn trong tâm hồn. Những khổ đau, bản khoả và thao thức của nội tâm cũng trải qua những tiến trình phát sinh, triển khai và biến động như bất cứ những hiện tượng nào khác của cuộc sống. Người nghệ sĩ phải quan sát chúng một cách thường trực, theo dõi chúng và chấp nhận chúng. Đến khi những nỗi đau, niềm thương hoặc sự phẫn nộ kia dâng lên như sóng cuộn và hình thành trong nội tâm mình thì người nghệ sĩ đã trở thành một với chúng: sự diễn tả trở nên cấp bách, cầm đến cây cọ là phương tiện diễn tả tự nhiên tìm đến, mình không cần phải đi lục lọi tìm kiếm nó. Kỹ thuật không phải chỉ là kỹ thuật pha màu và sử dụng cây cọ. Kỹ thuật còn là cách thức quan sát, theo dõi và thể nhập vào sự sống – sự sống ở nội tâm cũng như sự sống xảy ra từng giây từng phút quanh mình. Do đó kỹ thuật nằm ở sự tu luyện nội tâm mà không phải là ở sự tìm kiếm những thủ thuật mới lạ.

Tấn nghĩ như vậy cho nên Tấn không cho thì giờ ở không của chàng là thì giờ uổng phí. Không có tranh để bán thì Tấn đi làm việc trang trí cho các cửa tiệm để sống qua ngày. Tấn nói với chị Tuyết đừng lo Tấn chết đói:

- Khi nào đói thì em đến đây ăn cơm chực của anh chị, chị đừng lo.

Chị Tuyết cười:

- Em đến chơi thì trong nhà này ai cũng mừng, nhất là bé Thiều. Thôi, chị không lo Tấn thất nghiệp nữa. Em cứ lại đây ở luôn với anh chị và cháu Thiều cũng được. Có một cái phòng để riêng cho em đó. Chỉ tiếc ở đây không có chỗ rộng làm xưởng vẽ cho em. Mà tại sao lại không có? Có cave rộng lắm, có thể làm thành

xưởng vẽ được. Như vậy em khỏi phải trả tiền nhà đằng đó, có phải hơn không?

Tấn cười:

- Căn nhà và cái xưởng vẽ của em đằng ấy khá tiện lợi và cũng rất thích hợp với em. Giá thuê lại rất rẻ. Chị cứ để em ở đằng đó, như vậy em có hai nhà, đi lại vui hơn.
- Chị nói thế nhưng tùy Tấn chứ. Có thể em ở đằng ấy một mình tự do hơn. Thôi để chị vào dọn cơm kéo trời đã trưa rồi.

* * *

Tấn thức giấc, nhìn đồng hồ trên mặt bàn thì thấy chỉ mới hai giờ sáng. Chàng vừa nằm mơ một giấc mơ quái lạ. Giấc mơ chưa tan biến hẳn. Những hình ảnh trong giấc mơ còn lảng vảng trong đầu óc chàng, và mồ hôi còn lấm tấm trên trán. Tấn vội lấy chiếc khăn lau mồ hôi rồi nằm buông xuôi hai tay hai chân, bắt đầu thở những hơi thở nhẹ và dài để lấy lại sự thư thái cho thân tâm mình.

Trong giấc mơ, Tấn thấy mình nắm tay bé Thiều đi chơi trong một khu rừng đầy hoa thơm cỏ lạ. Hai cậu cháu đang bẻ lá bẻ cành để xây dựng một tòa lâu đài, thì tự nhiên trời tối sầm lại và hai người không còn trông thấy nhau nữa.

Tấn lên tiếng gọi bé Thiều nhưng không nghe tiếng bé Thiều đáp lại. Trời bây giờ hoàn toàn tối đen như mực. Tấn đưa tay ra sờ soạng tìm bé Thiều, nhưng tay Tấn chỉ chạm tới khoảng không. Lạ quá, cây lá trong rừng hình như cũng đã biến đi đâu mất hết. Tấn đưa tay sờ mặt đất, thì lạ quá, mặt đất đã trở thành một chất loãng như nước. Tiếp theo đó, Tấn mất thăng bằng. Chàng ngã xuống.

Đang chơi với trong nước thì Tấn nắm được cánh tay của bé Thiều. Hai cậu cháu ngoi ngóp hồi lâu thì vịn được một cành cây, leo lên. Bây giờ trời đã sáng trở lại, nhưng rừng cây không còn nữa. Tấn thấy Tấn đang nắm tay Thiều chạy qua một vùng đất hoang vu lỏm chỏm những tảng đá nhọn, những miếng chai và những bụi cây cháy xém

hết cành lá, chỉ còn trơ lại những thân cây đen đúa và nhọn hoắt. Trên đầu hai người, hình như có giông bão sắp trút xuống, và phía sau hai người có tiếng reo hò của những đoàn người đang đuổi theo. Tấn có tìm một nơi kín đáo nào để hai cậu cháu có thể ẩn nấp, nhưng khắp chốn chỉ là cảnh tượng hoang tàn của rừng núi tàn phá. Nhìn tới phía trước, Tấn thấy ngả nào cũng đầy chông nhọn và gai góc, biết rằng có chạy trốn nữa thì cũng không đi đến đâu. Nghĩ tới đó Tấn liền nắm tay bé Thiều đứng lại, sẵn sàng chờ đón những đoàn người rầm rộ đuổi theo mà Tấn biết là rất hung dữ. Nhưng khi hai cậu cháu vừa dừng lại thì tiếng reo hò phía sau im bặt và giông tố trên đầu cũng lặng thinh. Vừa lúc đó, Tấn giật mình tỉnh dậy.

Một cơn ác mộng như thế, ít khi Tấn nằm thấy lắm. Chàng tiếp tục thở những hơi thở nhẹ, tập trung tâm ý vào hơi thở, và chờ đợi một vài ý tưởng có thể bắt ngò đến soi sáng về ý nghĩa của giấc mộng.

Một hồi lâu sau đó, Tấn vẫn không thấy có tư tưởng nào tự nhiên tìm đến để giải đáp về giấc mộng cho chàng. Tấn không muốn dùng trí năng để phân tích giấc mộng, bởi vì Tấn không tin tưởng ở phương pháp đó. Đối với những vấn đề thuộc tiềm thức và tâm linh, Tấn thường tin cậy ở tác động trực giác tự nhiên hơn là ở khả năng phân tích của lý trí.

Bây giờ Tấn đã khỏe khoắn trở lại. Không muốn tiếp tục ngủ nữa, chàng choàng dậy, đi tắm. Nước ấm trên gương sen tuôn xuống ào ào như tiếng mưa làm Tấn dễ chịu, chàng lau mình thật khô, lấy một bộ đồ bà ba trong tủ còn thơm mùi long não ra mặc. Xong xuôi, Tấn ra thư phòng, đốt một cây hương bạch mai cho thơm và đến ngồi tĩnh tọa trên một chiếc chăn gấp tư để ở giữa phòng. Tĩnh tọa là một phần quan trọng trong nghề hội họa của Tấn.

Tấn tập trung tâm ý vào hơi thở như thường lệ. Khoảng hai mươi phút sau, chàng buông hơi thở và thả lỏng cho tâm ý muốn đi hướng nào thì đi trong khi chàng vẫn để ý theo dõi như một đứa bé chăn trâu để trâu tự do đi ăn trên đồng cỏ nhưng vẫn không rời mắt khỏi

trâu. Đột nhiên Tấn thấy được mình đang trở về bến sông nơi quê hương chàng sinh trưởng.

Nơi sinh trưởng của chàng là một thôn xã thuộc tỉnh Long Xuyên, nơi có con sông Hậu Giang chảy qua. Dọc bờ sông là những thửa ruộng phì nhiêu. Trên những bờ ruộng này ngày xưa Tấn đã từng chạy chơi, đào trùng, câu cá, bắt dế, đặt lờ với những đứa bạn trong làng. Những đứa bạn ấy bây giờ đứa thì đã chết ở chiến trường, đứa còn đang học trong trại học tập, đứa thì biệt tích. Thằng Quế, bạn thân nhất của Tấn từ ngày học lớp nhất, chết ở chiến trường Pleime, bây giờ chắc đã thành đất. Con cháu của thế hệ Tấn cũng đã có nhiều đứa chết vì đạn lạc, bom rơi. Thằng Thiều là một đứa trẻ may mắn. Nó là một đứa trẻ cha Việt mẹ Việt nhưng sinh ra ở đất Pháp. Nó có cộng nghiệp với những đứa trẻ Việt Nam cùng tuổi với nó, nhưng nó lại có cái biệt nghiệp may mắn của nó mà phần lớn trẻ em xứ nó không được thọ hưởng.

Từ khi qua Pháp tới nay, hễ khi nào nhìn thấy trẻ em nô đùa ở sân trường hoặc bên đường phố là Tấn nghĩ đến trẻ em xứ nó không được thọ hưởng.

Từ khi qua Pháp tới nay, hễ khi nào nhìn thấy trẻ em nô đùa ở sân trường hoặc bên đường phố là Tấn nghĩ đến trẻ em xứ Tấn. Ngày còn ở Việt Nam, Tấn đã nhiều lần ôm trong tay những thân hình trẻ em bị thương vì viên đạn, mảnh bom, và có khi chàng cũng đã đem chôn những thân hình bé bỏng kia trong lòng đất. Hồi ấy Tấn làm việc trong ban cứu thương của tổ chức Gia đình Phật tử Quy Nhơn. Trong những trận đánh lớn, đoàn của Tấn đã xông pha đi tải thương dân sự, bất chấp lửa đạn. Một đoàn sinh trong đoàn của Tấn đã bị tử thương trong công tác cứu trợ năm 1974.

Không bao giờ, có lẽ không bao giờ Tấn quên được giây phút chàng nâng một xác em bé đồng nữ bốn tuổi trên tay, biết rằng em bé đã chết thật rồi, không có cách nào cứu chữa được nữa. Trong hai tay Tấn, em bé nằm buông xuôi như một con chim trúng đạn. Đầu của nó ngả về một bên, tóc của nó bê bết máu. Tấn có khóc được đâu lúc đó.

Thì giờ đâu mà khóc, tâm sự đâu mà khóc. Còn có hàng trăm trường hợp nguy cấp đang đợi Tấn và các bạn Tấn. Tấn không có thì giờ nhìn em bé lâu. Chỉ chừng một phút thôi. Một phút, nhưng ngàn đời không quên.

Cái ngày bước lên máy bay đi Paris để “đoàn tụ gia đình” cách đây gần bốn năm. Tấn cảm thấy đau xót một cách lạ lùng. Đất nước đang đau khổ từng nào, tâm hồn chàng càng mọc rễ sâu vào đất nước từng ấy. Đi như thế sao lành? Nhưng chàng đã đi. Không phải vì tương lai chàng. Không phải vì nghệ thuật. Không phải vì cơm áo. Vì cái gì? Có thực sự vì tự do không? Cái tự do riêng cho một cá nhân mình, một cá nhân mà gốc rễ đã ăn sâu vào đất nước đến mức độ của chàng, cái tự do ấy có thể có hay không? Tấn lắc đầu hoài nghi. Chàng không muốn nghĩ tiếp.

Xương cốt của thằng Quế bây giờ có thể đã hoàn toàn mục nát thành đất. Xương của anh Trúc, anh cả của Tấn, chắc cũng đã mục nát hết rồi trong miền rừng núi nào ở biên giới Lào Việt. Anh Trúc là sĩ quan truyền tin trong quân đội. Anh chết từ năm 1972 trên chiến trường rừng núi, không tìm ra được thân xác. Còn xương cốt của em bé gái bốn tuổi kia bây giờ đã mục nát hết hay chưa? Tấn còn nhớ vị trí ngôi mộ con con trong cái phần đất nghĩa địa của Giáo hội Bình Định ấy, nhớ rất rõ ràng. Con chim con đã hoàn toàn biến thành đất hay chưa? Tấn đã tự tay chôn em bé, chôn sâu xuống lòng đất, không có hòm gỗ, không có tang lễ. Tấn không biết đưa bé tên gì, con ai. Chàng nhớ là khi lấp đất, chàng đã không ngót niệm “Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật”.

Gia đình Tấn chỉ có một người chết ở chiến trận là anh Trúc. Ba má Tấn qua đời năm Tấn mười chín tuổi. Ông bà chết trong ngôi nhà do tổ tiên mấy đời để lại. Khi ngôi nhà này bị bom dội sập. Tấn được ông chú của chàng nuôi cho ăn học tiếp tục cho đến khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật. Ông chú đã chạy lo cho chàng được hoãn dịch suốt trong sáu năm liên tiếp.

Ngôi nhà của cha mẹ chàng tại Long Xuyên từ khi bị sập đã không được ai xây dựng lại. Vôi, gạch, gỗ và ngói chõng chất hoang tàn. Có một lần về thăm quê Tấn ngồi trên một tảng đá ở bên đồng vôi gạch để chiêm nghiệm. Chàng chợt thấy một bông hoa nhỏ, năm cánh, màu tím, gọi chàng. Bông hoa từ dưới kẹt đá chui lên, năm cánh mỏng mỏng của nó bất giác làm cho lòng Tấn rung động. Bông hoa mảnh mai nhưng không nề hà gì về sự sụp đổ hoang tàn trong cảnh vật cũng như trong lòng Tấn. Tấn cảm nhận được, qua sự có mặt của bông hoa, sức sống mãnh liệt và màu nhiệm đang vươn lên, bất chấp tang tóc, đổ nát, uất hận và căm thù.

Từ ngày ấy trở đi, Tấn có cảm tưởng mình hiểu được ông Toàn, vị giáo sư lớn tuổi dạy trong trường Cao đẳng Mỹ thuật. Ông Toàn là người điềm đạm, ít nói. Kiến thức về lịch sử mỹ thuật Đông phương cũng như Tây phương rất vững vàng nơi con người có dáng điệu gầy gầy ấy. Hai bàn tay ông trong khi cầm dùi đục hoặc nắn chất đất dẻo, có dáng điệu của những bàn tay đang bắt ấn quyết, vừa dịu dàng, vừa vững mạnh, vừa trang trọng. Ông sáng tác rất ít, nhưng các tác phẩm của ông, những tác phẩm mà Tấn được nhìn ngắm, đều tràn đầy tính cách sinh động. Có lần ông đưa Tấn lên chùa Ấn Quang để nhìn bức tượng Bồ Tát Văn Thù chạm nổi của ông gắn trên chánh điện. Tấn đã trở lại chùa nhiều lần sau đó, không phải để gặp chư tăng trong chùa, mà là để nhìn ngắm lại pho tượng. Một nghệ sĩ chưa từng đau khổ và thương yêu đến mức thấm thiết thì không thể nào tạo dựng được một bức tượng như thế, Tấn nghĩ. Trên nét mặt của bức tượng, Tấn không thấy một nét ước lệ nào. Những nét lông mày, mí mắt, và cả nét trán nữa, tất cả đều phụ họa lại với nhau để diễn tả một cái thấy sâu sắc về cuộc đời, một cái thấy đi sâu vào lòng muôn vật, một cái thấy quán xuyên hết những trầm luân cũng như những thăng hoa của con người. Trước một cái nhìn như vậy, không có vật gì có thể che dấu được chân tướng nữa cả. Tất cả đều phải tự cởi mở ra, tự trình bày ra, như khi ánh sáng mặt trời chiếu đến thì tất cả các loài hoa đều xòe cánh để làm cho đài hoa hiển lộ. Cái nhìn không phải là một cái nhìn soi mói mà là một cái nhìn trầm tĩnh và cảm thông, thấm nhuần chất lượng từ bi. Nụ cười trên môi pho tượng Bồ Tát chứng thực một cách

hùng hồn điều đó. Một kẻ đã không từng đau khổ cùng cực thì không thể cười một cái cười hiền dịu đến thế, và không thể nhìn bằng cái nhìn bao dung đến thế.

Những nét về tư thế ngồi của bức tượng và về dáng điệu của hai bàn tay cũng không hề phảng phất tính cách ước lệ của nghệ thuật tạo tượng, trong sách vở cũng như ở nhân gian. Nhìn bức tượng, người ta không nhìn thấy Phật mà chỉ thấy người, một con người rất người và do đó đã thành Phật. Bồ Tát ngồi an ổn trong vị thế của mình, không xa cách cuộc đời. Bồ Tát có những cánh tay như cánh tay của thường nhân, nhưng những cánh tay ấy đã ở vào vị trí biết mình đang cần làm gì và phải làm gì.

Tấn thường đến chơi nhà ông Toàn và bắt đầu học ngồi thiền từ độ ấy. Ngồi thiền, ông Toàn nói, là để làm hiển lộ cảm hứng, đưa chất liệu nghệ thuật đến chỗ chín muồi trước khi nghệ thuật đầu thai vào tác phẩm.

Dân tộc nào cũng có những giai đoạn thăng trầm vinh nhục, những thất vọng và những ao ước cũng như những đau khổ và những niềm kiêu hãnh của mình. Mỗi dân tộc đi tìm những phương cách để tự thể hiện và con người nghệ sĩ trong khi diễn tả những nỗi niềm của tâm tư mình cũng nói lên được những ước vọng và những đau khổ của dân tộc mình. Tấn thấy nỗi khổ đau và niềm hoan lạc không phải là những hiện tượng trái chống nhau mà lại là những yếu tố bổ sung cho nhau, cũng như sự sinh thành và sự hoại diệt, cũng như sự tan rã và sự tập hợp.

Khổ đau của cuộc đời là hiện thực, bởi vì bản chất của sự sống là vô thường vô ngã. Nếu không có vô thường và vô ngã thì cuộc sống không còn là cuộc sống, nghĩa là một thực tại sinh diệt biến động không ngừng. Cái bông hoa mong manh từ kẽ đá đó ló ra gọi Tấn là chỉ để nói với chàng điều đó.

Hình ảnh của đứa cháu trai sống an lành trên một đất nước không có chiến tranh, vây bọc bởi những săn sóc của người lớn và những tiện nghi của một xã hội tương đối khéo tổ chức lâu nay đã thường xuyên

gợi lại hình ảnh của những đứa trẻ thân hình dập nát vì bom đạn hoặc thiếu ăn thiếu mặc, hoặc lạc lõng trong thế giới hận thù, không nhìn thấy con đường trước mắt. Tấn bàng hoàng sức nhớ lại con ác mộng. Tấn đã nắm tay bé Thiều chạy trong một cơn bão lửa. Chiến tranh đã chấm dứt từ năm năm nay, bé Thiều và Tấn sống an toàn trong một xứ tương đối có hòa bình và dân chủ, vậy mà thực tại Việt Nam vẫn hiện thực từng giây từng phút trong lòng Tấn, trong từng tế bào, trong từng kẽ tóc, chân lông của Tấn. Giấc mộng kia không phải là một cái bóng. Nó là một sự thật xác thực như bất cứ hiện tượng vật chất nào chung quanh Tấn lúc này. Tấn đã lên máy bay qua Pháp, nhưng rồi cuộc, Tấn vẫn không đi khỏi đất nước chàng. Chính Tấn là đất nước của chàng. Chạy trốn cái chết, chạy trốn sự thất vọng. Chạy trốn vô thường vô ngã.

Tấn chợt nhớ lại đoạn cuối của giấc mơ, khi chàng biết không chạy trốn vào đâu được nữa và nhất quyết cùng bé Thiều đứng lại, thì tiếng hò reo theo đuổi dữ dội phía sau lưng chàng đột nhiên bật mất. Có phải tất cả những lo âu sợ hãi và đau buồn của chúng ta đều phát xuất từ ước mơ thường ngã của chúng ta không? Cuộc sống như một bà mẹ: bà sanh ra chúng ta để rồi bà cũng vui dập chúng ta; sinh và diệt nối tiếp không ngừng; không có diệt thì không có sinh, không có sinh thì không có diệt. Chấp nhận sự sống là chấp nhận cả hai mặt sinh diệt của cuộc đời.

Chiêm nghiệm đến đây, Tấn bỗng thấy em bé đồng nữ bốn tuổi mà mình đã ôm trong lòng hai tay bảy năm về trước nhoẻn miệng mỉm cười. Ôi, cái nụ cười huyền diệu quá. Đó là nụ cười của bé Thiều. Đúng rồi, em bé đó với bé Thiều là một.

Tấn nhẹ nhàng xuất thần, đứng dậy, bắt đầu đi bách bộ trong thư phòng. Chàng đặt những bước chân chậm rãi trên bức thảm lót, từng bước chân trang nghiêm trân trọng như muốn in hình dấu chân dày đặc trên mặt đất.

Buổi sáng đó, Tấn khởi sự vẽ Thiều bên cạnh một khóm mẫu đơn với những bông hoa mãn khai rực rỡ.

Chàng làm việc suốt ngày và suốt đêm hôm đó, chỉ dừng lại để ăn một miếng bánh mì phết bơ, một trái cam và uống một ly nước lọc. Buổi tối đó chàng ngủ được chừng bốn giờ đồng hồ. Sáng lại, sau nửa giờ thiền tọa, chàng xuống xưởng vẽ bật đèn tiếp tục công việc. Nhiều lần nghe tiếng chuông cổng reo, chàng làm lơ. Chàng không muốn tiếp ai, không muốn nói chuyện với ai trong khi chàng vẽ bé Thiều.

Cho đến trưa ngày thứ năm.

Trưa ngày thứ năm, bức tranh được xem như gần hoàn tất. Chỉ còn một vài chi tiết nhỏ cần phải chỉnh lại mà thôi. Tấn dọn dẹp xưởng vẽ của chàng cho gọn gàng, quang đãng. Chàng đi lấy thêm một bóng đèn nữa gắn vào phía tường bên trái để soi sáng bức họa, và lùi xa, bắc một chiếc ghế, ngồi ngắm.

Nụ cười của Thiều rạng rỡ không thua gì bông hoa mẫu đơn nó đang mân mê trong hai tay. Nụ cười đó chính là nụ cười Tấn trông thấy trên môi em bé đồng nữ trong giờ thiền định. Tấn đã vẽ bé Thiều trong một bộ đồ bà ba trẻ em, thay vì trong bộ y phục trẻ em Tây phương. Em bé đồng nữ ngày xưa cũng mặc bộ đồ như thế. Em bé đã sống dậy rồi, nơi Thiều và nơi bao nhiêu em bé khác trên đất nước chàng. Nay hồi tất cả các em bé đang đi về tương lai, hãy mang theo với các em những em bé đã từng ngã gục trong suốt cuộc chiến tranh thảm khốc. Và những người lớn si mê kia, hãy đứng qua một bên, để đường cho các em bước tới. Đừng có cản đường bít lối các em.

Một bé Thiều như bé Thiều trong tranh không bao giờ chết được. Nó không phải là của riêng hiện tại. Nó chuyên chở quá khứ, và nó thể hiện tương lai.

Tấn tắt mấy ngọn đèn, khép cửa xưởng vẽ, đi lên. Lòng chàng thoải mái. Chàng định lên phòng nghỉ ngơi chốc lát, làm một vài thức ăn để ăn trưa rồi sẽ xuống xưởng vẽ hoàn tất những chi tiết còn lại của bức tranh. Nhưng khi đi ngang qua hộp thư mình, Tấn thấy một dấu hiệu đỏ, một mẫu giấy báo pli urgent. Chàng móc túi quần lấy chìa khóa mở hộp thư. Có một điện tín của chị Tuyết. Nội dung: “Chị rất cần em, đến ngay. Tuyết”.

Tấn lập tức lên thay áo rồi ra trạm xe buýt.

* * *

Con bệnh của bé Thiều trở nặng vào ngày thứ tư. Vào khoảng một giờ rưỡi trưa, Thiều bỗng trở nóng trên 40 độ và bắt đầu nôn ọe. Sau đó nó ôm đầu hét lên những tiếng hét kinh khủng làm chấn động cả tâm can của Đoàn. Trong khi Tuyết cuống cuồng ôm chặt lấy Thiều thì Đoàn đi gọi điện thoại cho bác sĩ Peltier. Bác sĩ bảo chàng lấy xe chở ngay Thiều vào bệnh viện nhi đồng. Ông bảo ông cũng sẽ đến bệnh viện này và sẽ đứng chờ ngoài cổng chính bệnh viện. Lập tức hai vợ chồng đưa Thiều đi. Vào tới bệnh viện Thiều đã bắt đầu hôn mê. Sau khi xem xét và làm electro-encéphalographie, các bác sĩ đề nghị giải phẫu cho Thiều ngay lập tức. Thiều vừa bị tumeur cérébral vừa bị méningite. Sự nhiễm độc đã đưa tới giai đoạn nguy hiểm.

May mắn cho Đoàn là vị bác sĩ chuyên môn giải phẫu óc giỏi nhất bệnh viện hôm ấy có mặt. Các bác sĩ chuẩn bị ba giờ đồng hồ mới bắt đầu sẵn sàng đi vào công việc giải phẫu. Thiều được đem đặt nằm sấp trên một chiếc bàn đặc biệt. Tuyết và Đoàn không được phép vào phòng. Nghe nói phòng giải phẫu thần kinh này rất tối tân vào được trang bị một hệ thống ánh sáng rất đặc biệt.

Cuộc giải phẫu kéo dài, Đoàn và Tuyết ngồi ở phòng ngoài chờ đợi. Tuyết thầm niệm đức Quan Âm không ngớt. Đoàn không biết niệm Phật. Lòng chàng nóng như lửa đốt. Càng nghĩ, chàng càng giận bác sĩ Peltier. Ông này đã quá dễ người và đã ba lần liên tiếp chẩn đoán bệnh trạng của Thiều một cách hời hợt quá. Một bác sĩ như thế, Đoàn nghĩ, không thể tin cậy được. Mặt chàng nóng bừng.

* * *

Các bác sĩ giải phẫu cho Thiều xong thì đêm đã xuống. Thiều vẫn còn bất tỉnh. Bác sĩ nói cho Đoàn biết rằng cuộc giải phẫu đã được thực hiện, tình trạng của Thiều vẫn còn nguy hiểm nhiều. Phải tiếp tục chữa trị cho Thiều bằng các loại serum, trụ sinh và corticoides. Nếu

trong vòng sáu tiếng đồng hồ nữa mà Thiều tỉnh được thì tình trạng mới thật có nhiều hy vọng.

Nhà thương chỉ cho phép một trong hai người ở lại túc trực. Tuyệt ở lại. Đoàn dặn Tuyệt hễ có tin gì mới thì gọi điện thoại ngay về cho chàng, nhất là khi biết tin Thiều tỉnh dậy. Hai người dặn nhau là hễ tình trạng vẫn y nguyên thì Tuyệt không cần điện thoại. Trước khi Đoàn ra về, Tuyệt còn dặn chàng niệm Phật cầu nguyện cho con. Tuyệt lại dặn chàng đánh điện tín cho Tấn.

* * *

Tối hôm đó, Đoàn không ăn cơm; chàng chỉ uống một cốc sữa và ngồi chờ điện thoại của Tuyệt. Bắt đầu từ lúc đó, Đoàn mới từ từ cảm nhận thấy cái dung tích của sự bất an trong lòng mình. Cái ghế dựa trên đó chàng ngồi hình như có lửa ở dưới. Đoàn không ngồi yên được. Chàng đứng dậy đi bách bộ, từ phòng khách sang nhà bếp, từ nhà bếp sang phòng khách, từ phòng khách sang phòng đọc sách, từ phòng đọc sách sang phòng ngủ của Thiều, rồi từ phòng ngủ của Thiều sang phòng ngủ của mình. Sàn nhà hình như cũng có lửa. Chân chàng bước trên than hồng. Chàng bước vội về phòng khác, ngồi xuống trên chiếc ghế dựa quen thuộc. Chỉ mấy phút sau, chàng lại đứng dậy. Lòng ghế cũng như đầy lửa.

Mười một giờ khuya, vẫn không có điện thoại của Tuyệt. Thiều vẫn còn bất tỉnh. Sự bất an trong lòng chàng lớn quá. Đoàn muốn trấn áp nó, nhưng Đoàn không biết làm thế nào để trấn áp. Đoàn biết giờ này Tuyệt đang niệm Phật. Đoàn cũng muốn niệm Phật cho tâm hồn lắng dịu xuống nhưng chàng tự cho là mình “không biết niệm Phật”. Đoàn cho rằng niệm Phật không thể có ảnh hưởng tốt đến tình trạng cho bé Thiều. Và trong thâm tâm, chàng cho rằng chỉ có khi nào tình trạng của Thiều khả quan thì chàng mới có được sự an tâm mà thôi. Đoàn ao ước giờ này chàng có được niềm tin đơn thuần của Tuyệt để chàng có thể niệm Phật, và để tâm chàng được an. Tuyệt đã dặn chàng niệm Phật cho Thiều. Ít khi nào chàng không chiều Tuyệt. Nhưng chàng

không niệm Phật, và chàng cho rằng đó là vì chàng “không biết” niệm Phật, chớ không phải vì chàng “không muốn” niệm.

Chuông đồng hồ báo nửa đêm. Đoàn thay áo ngủ, lên giường nằm, hy vọng chớp mắt đi được để có thể quên đi sự lo âu. Nhưng chàng không sao ngủ được. Niềm lo âu lớn quá. Hình ảnh bé Thiều luôn luôn hiện ra trước mắt. Đoàn rùng mình mỗi khi nghĩ tới cái chết của bé Thiều. Đoàn trăn trở, tìm một tư thế nằm có thể cho chàng một sự an ổn. Nhưng tư thế đó, chàng tìm mãi không ra. Giường chàng cũng như có lửa. Đoàn có cảm tưởng rằng chàng, Tuyết và Thiều cùng cả ngôi nhà của chàng đang trôi bèo bọt trên đại dương, và có thể bị sóng gió làm chìm đắm bất cứ lúc nào. Chưa bao giờ Đoàn thấy rõ sinh mạng của Thiều liên hệ tới sinh mạng của mình một cách lạ lùng như thế. Đoàn thấy rằng nếu Thiều chết thì chàng không còn là chàng nữa, nói một cách khác hơn là chàng cũng chết. Chàng thấy Thiều là chính chàng. Lâu nay, Đoàn cứ có cảm tưởng là Thiều đang ở vào một vị trí rất an ninh. Đất nước này không có chiến tranh. Thiều được bao bọc bởi sự săn sóc của gia đình, của học đường, của quỹ bảo hiểm xã hội. Lâu nay, Đoàn cứ yên trí rằng mình đã làm hết bốn phận của mình đối với Thiều, cũng như sau khi đã trồng trọt một cái cây mạnh khỏe vào một khu vườn đất tốt, có dậu che gió bốn bề, người làm vườn có thể an tâm phó mặc cây kia cho đất vườn để đi lo làm những công việc khác. Bây giờ thì Đoàn thấy rõ là Thiều không phải là cái cây nữa mà chính là người làm vườn, là trái tim hoặc lá gan của người làm vườn. Trái tim ấy hoặc lá gan ấy mà khô héo thì người làm vườn cũng khô héo. Trong suốt mấy năm qua, Đoàn thường nghe nói đến những người tị nạn bằng đường biển và những nguy hiểm họ gặp trên biển cả: nào sóng gió, nào hải tặc. Mới tháng trước đây chàng có được đọc lá tâm thư của nữ Tu sĩ Xavier hiện đang phục vụ đồng bào tị nạn tại các đảo Bidong và Tengah. Soeur Xavier nói rằng số người sống sót tới được các trại tị nạn có thể ít hơn 50 phần trăm tổng số những người ra đi tị nạn. Mỗi khi nghĩ đến nỗi gian nguy trên biển cả của đồng bào tị nạn, Đoàn lại thấy được sự may mắn của gia đình chàng. Chàng thấy gia đình mình ở trên đất liền, trong một quốc gia không có chiến tranh, tại một thành phố nơi đó chàng có thể thi thố

khả năng nghiên cứu học hỏi của mình, trong một ngôi nhà xinh xắn có vườn cây xanh um, bên cạnh những người chàng thương yêu nhất trên đời. Ấy vậy mà thoát một cái, chàng thấy tất cả những an ninh ấy biến mất. Chàng cảm thấy rất rõ là giờ này mình cũng đang lênh đênh trên biển cả; số phận chàng không khác gì số phận của những “thuyền nhân”.

Cái điều phát kiến lớn nhất của Đoàn trong lúc đó là Thiều không phải chỉ là đứa con của chàng; nó chính là chàng. Nó mà chết thì chàng cũng chết. Nếu chàng có sống đi nữa thì chàng cũng sẽ chỉ là một bóng ma mà thôi. Chàng giật mình khi tìm ra sự thật kia. Với một niềm thao thức lớn lao như thế, làm sao người ta có thể ngủ thiếp đi được, chàng nghĩ. Đoàn có cảm tưởng là mình đang mang một mũi tên bên bả vai; mũi tên cắm sâu, nhức nhối, và người mang tên không thể nào thiếp ngủ. Đoàn từ bỏ hy vọng ngủ để quên, biết rằng hy vọng đó rất hão huyền. Chàng đi xuống bếp, pha cho mình một tách cà phê khá đậm.

Đoàn biết mình đang đối diện với một thực tại, và chàng phải chiến đấu. Chàng chiến đấu như một thuyền nhân chiến đấu với biển cả. Chàng chiến đấu để không bị chìm đắm trong sự lo âu, cũng to lớn, cũng mê mông, cũng nguy hiểm như biển cả. Tuyết vẫn chưa điện thoại về, mà nếu Tuyết điện thoại về thì chưa chắc là để báo tin rằng Thiều đã tỉnh. Rất có thể là điện thoại sẽ báo hung tin. Từ đầu hôm đến giờ, Đoàn trông điện thoại reo. Bây giờ chàng lại bắt đầu e ngại điện thoại. Đoàn biết chàng phải đứng vững trước cơn bão tố đe dọa. Cơn bão tố có thể kéo cả Thiều, cả chàng và cả Tuyết xuống biển sâu. Nội một sự lo sợ của chàng cũng đã có thể làm chàng phát điên lên được rồi. Mới có nửa đêm thôi mà Đoàn có cảm tưởng là tóc mình sắp bạc. Chàng biết chàng phải chiến đấu. Nhưng chiến đấu với thứ vũ khí nào đây? Tuyết còn có đức tin của nàng, Tuyết niệm Phật. Tuyết treo tất cả hy vọng của nàng vào đức Phật. Cậu Tấn cũng là Phật tử, nhưng chắc cậu Tấn không chiến đấu theo kiểu Tuyết. Cậu Tấn có phương pháp tọa thiền. Đoàn không có đức tin của Tuyết, không có thiền pháp của Tấn, Đoàn biết chiến đấu bằng gì bây giờ? Cái mớ kiến thức khoa học của Đoàn hay chăng? Cái mớ kiến thức ấy của Đoàn

trong tình cảnh nguy nan này, có thể dùng vào việc gì? Nó có thể giúp Đoàn trấn áp được nỗi lo sợ như đang chực làm nổ tung Đoàn ra từng mảnh hay không?

Bây giờ đã hai giờ rưỡi khuya. Đoàn đã đi bách bộ không biết mấy trăm lần từ phòng này qua phòng khác. Đoàn đã trăn trở hàng trăm cách trên giường chàng. Đoàn đã ngồi xuống, đứng dậy hàng trăm lần từ chiếc ghế dựa quen thuộc ngoài phòng khác. Chàng đã thử đọc báo, đọc sách, nhưng mỗi lần cầm cuốn sách hay tờ báo lên, chàng chỉ đọc được nhiều nhất là hai dòng. Chàng biết giờ này Tuyết cũng còn thức và Tuyết chắc chắn đang niệm Phật. Chàng thử hỏi xem giờ này chàng muốn có ai ngồi bên cạnh chàng để có thể chia xẻ một ít lo âu. Chàng nghĩ tới các bạn bè của mình, và cảm thấy không ai có thể chia xẻ được cái lo âu hiện tại của mình. Không ai có thể đi vào thế giới cô đơn của Đoàn được. Chàng có cảm tưởng làngồi đối diện với chính mình còn dễ chịu hơn ngồi với một người không thể chia xẻ nỗi cô đơn và lo sợ của mình. Bỗng chàng nhớ đến Tấn. Có thể là chàng sẽ cảm thấy ít cô đơn hơn khi có Tấn ngồi đó, đối diện chàng, dù Tấn không nói lời nào. Cái gì đã khiến Đoàn có cảm giác thân thiết đó đối với Tấn? Chàng nghĩ đó là sự kiện Tấn yêu bé Thiều không kém Tuyết và chàng.

Nếu nhà Tấn có điện thoại thì có thể chàng đã gọi điện thoại cho Tấn ngay lúc này. Tấn hay đi lông bông lắm, có thể là đêm nay chàng không có nhà. Đoàn chợt nhớ mình chưa đánh điện cho Tấn theo lời dặn của Tuyết. Chàng đến máy điện thoại, gọi số, và gửi một message téléphone cho Tấn, ký tên Tuyết, yêu cầu Tấn đến gấp.

Bỏ ống điện thoại xuống, Đoàn đi bật hết đèn phòng khách cho thật sáng, và ngồi xuống chiếc ghế dựa. Message téléphone chắc là tám giờ mới đến và nếu Tấn có nhà, Tấn sẽ đến và khoảng mười giờ. Biết được tin Thiều chắc Tấn cũng hoảng gần như mình. Nhưng chắc chắn phản ứng của Tấn không giống phản ứng của mình. Dù yêu Thiều đến mấy Tấn cũng không thể có phản ứng giống mình được, Đoàn nghĩ.

Đồng hồ treo điểm ba giờ một khắc. Như vậy là giờ này Thiều còn mê man bất tỉnh. Tình trạng Thiều thật là nguy kịch. Một thân hình bé bỏng như thế mà vừa có tumeur cérébral lại vừa méningites, không nguy sao được. Có Peltier ở đây, có thể là Tấn đã chửi vào mặt ông ta như tát nước rồi.

Đoàn tin vào khả năng khoa học, nhưng chàng cũng biết rằng bệnh trạng của con chàng rất trầm trọng. Mới hồi tháng giêng, Bính, bạn chàng đã mất tại bệnh viện Lariboisière ở Paris mặc dù cuộc giải phẫu óc đã thành công. Tin ở khoa học thì tin, nhưng có lẽ phải trông chờ vào một phép lạ nào đó nữa. Tuyết đang khẩn cầu phép lạ đó. Nàng đang niệm đức Quan Âm và đức Dược Sư. Đoàn muốn có một đức tin để có thể bám víu vào trong những trường hợp như đêm nay. Đoàn đã nghe Tấn nói về đạo Phật và thấy được chiều sâu của nếp sống tâm linh này. Nhưng lòng mến chuộng đạo Phật của chàng không phải là niềm tin ngưỡng của Tuyết.

Thần kinh của Đoàn căng thẳng quá, và chàng có cảm tưởng rằng nếu không có gì xảy ra thì trong một vài giờ đồng hồ nữa chàng sẽ nổ tung ra như một trái tạc đạn. Chàng nhìn máy điện thoại. Chàng muốn gọi vào nhà thương. Nhưng chàng biết làm như thế là vô ích. Tuyết đang ngồi ở đó và đang chờ đợi Thiều tỉnh dậy. Nếu Thiều tỉnh dậy thì tức khắc nàng chạy đi gọi điện thoại cho chàng.

Đã bốn giờ sáng rồi. Đoàn nằm buông duỗi tay trên giường như một cái xác chết, nhưng hệ thống thần kinh của chàng không buông duỗi chút nào hết. Nó căng thẳng đến tột độ. Chàng bật dậy đi lấy hai viên Séresta. Chàng chiêu hai viên thuốc an thần với một hớp nước lạnh, rồi trở về giường nằm nhắm mắt, buông duỗi hai chân hai tay, hy vọng thần kinh sẽ bớt căng thẳng. Vào lúc bốn giờ rưỡi sáng, chàng nhận ra rằng hai viên thuốc không có hiệu lực gì hết. Đầu chàng nóng bừng. Sau khi bừng đầu trong hai tay một lúc lâu, chàng chặc lưỡi, buông mình theo sự cảm dỗ. Chàng vào lục tủ lấy hai viên Imménocet, loại thuốc ngủ khá mạnh. Uống xong hai viên thuốc, chàng đi tắt hết đèn trong phòng khách, nhà bếp, và vào nằm trên giường, tắt đèn đầu giường và đắp chăn cẩn thận. Năm giờ sáng rồi,

chàng vẫn không ngủ. Vào khoảng năm giờ một khắc, Đoàn thiếp đi. Chàng rơi vào một loạt nhiều cơn ác mộng. Trong cơn ác mộng cuối cùng, chàng thấy Thiều, Tuyết và chàng đi trên một chiếc thuyền con trên biển, và bão tố đã làm lật ngửa chiếc thuyền, cả ba người chìm xuống đáy biển. Chàng hét lên và tỉnh dậy.

Đoàn sờ tay lên trán thấy mồ hôi mình lấm tấm. Đồng hồ đeo tay của chàng chỉ tám giờ mười lăm. Như vậy là chàng đã ngủ mê khoảng ba giờ đồng hồ. Người chàng nhọc mệt hơn trước và những dây thần kinh của chàng vẫn còn căng thẳng. Chàng biết càng bị đàn áp nỗi lo âu của chàng càng tàn phá con người của chàng. Vừa thức dậy được chừng năm phút, Đoàn nghe chuông điện thoại reo. Trái tim chàng đập thành thịch. Chàng chạy vào phòng khách. Ở đầu dây bên kia quả là Tuyết. Tuyết cho chàng biết Thiều vẫn chưa tỉnh; các bác sĩ túc trực bảo tình trạng của Thiều chưa thấy khả quan hơn và trong lúc này nếu Thiều tỉnh dậy thì cũng phải chích các loại sédatifs vào cho Thiều tiếp tục ngủ. Giọng nói của Tuyết đầy nước mắt. Đoàn bảo Tuyết là chàng đã gửi điện cho Tấn và có lẽ khoảng mười giờ trưa nay thì Tấn đến. Tuyết bảo Đoàn chờ Tấn đến rồi hai người sẽ vào nhà thương một lượt. Nàng hứa là từ đây đến đó sẽ có tin tức gì mới về tình trạng của Thiều thì nàng sẽ gọi trở lại.

Buông ống điện thoại xuống, Đoàn mới thấy là bệnh tình của Thiều có vẻ nguy kịch hơn là mình đã tưởng từ tối hôm qua tới giờ. Sau khi nói chuyện với Tuyết, Đoàn thấy niềm lo lắng của chàng tăng thêm cường độ. Biết đến lúc nào bệnh tình của Thiều mới có dấu hiệu thuyên giảm? Chiều nay, ngày mai, hoặc ngày mốt? Thần kinh của Đoàn có thể chịu đựng được tới ngày mốt không?

Đoàn ngồi thừ trong chiếc ghế dựa. Chàng thấy giờ này đây Thiều đang chiến đấu với tử thần. "Gắng lên con, gắng lên con", chàng nói nhỏ. Tuyết cũng đang chiến đấu. Chàng cũng đang chiến đấu. Chàng nhớ lại hôm qua chàng đã đặt vấn đề về vũ khí chiến đấu. Tuyết được vũ trang bằng đức tin. Tấn được vũ trang bằng phép tu thiền. Chàng không được vũ trang bằng cái gì hết. Chàng không thể mượn khí cụ chiến đấu của kẻ khác. Khí cụ chiến đấu phải do chính mình tạo ra

cho mình. Như con ốc hoặc con sò. Cái vỏ ốc hoặc vỏ sò là do chính con ốc hay con sò tạo ra để tự bảo vệ mình. Đức tin của Tuyết cũng từ lòng Tuyết phát sinh, phép thần của Tấn cũng do sự sống của Tấn đúc kết mà thành. Chàng không thể mượn của họ. Chàng chỉ có sự theo đuổi khoa học vật lý. Cái khí cụ mà chàng đang cần đến có thể là cái môn khảo cứu mà chàng đã để vào thật nhiều tâm huyết từ bao nhiêu năm nay hay không? Nó có thể là cái vỏ ốc của chàng hay không?

Nghĩ đến đây, Đoàn bỗng thấy nhu yếu muốn đi vào ngòi trong phòng làm việc của mình. Chàng đi rửa mặt, thay áo và vào phòng làm việc. Sáng nay thứ năm, đáng lý chàng phải có mặt tại sở vào lúc mười giờ. Chàng biết là chàng sẽ không thể vào sở sáng nay. Nếu vào sở sáng nay chàng sẽ tham dự vào một cuộc hội thảo có sinh viên tham dự, về tính chất bất chính xác của thời gian và không gian trong những lãnh vực vô hạn tiểu của các vị trần như điện tử và trung hòa điện tử. *L'imprécision de l'espace du temps dans les domaines infinitésimaux de l'ordre des corpuscules.*

Cảm giác đầu tiên mà Đoàn nhận thấy khi ngồi xuống trước cái bàn giấy làm việc của chàng là một cảm giác dễ chịu. Thần kinh chàng có vẻ như dịu xuống; chàng như bước vào trong một môi trường quen thuộc. Chàng như tự khép vào trong cái vỏ ốc của chính chàng. Hoặc như con nhện nằm đúng giữa trung tâm của cái lưới mà nó vừa dày công bủa giăng. Có phải là mình đang chui vào trốn trong chiếc tháp ngã của mình chẳng, Đoàn tự hỏi. Niềm lo âu của chàng to lớn quá, cảm giác về sự hiểm nguy của chàng mệnh mang quá, cái tháp ngã của chàng làm sao đủ sức dung chứa được chàng lúc này? Mới có một đêm trôi qua thôi mà Đoàn thấy như là một thế kỷ. Thời gian, thời gian. Thời gian của chàng, thời gian của Thiều, thời gian của những điện tử (électrons) và những giới tử (mésons). Thời gian của vật lý có độc lập với thời gian của tâm người hay không?

Đoàn đã từng suy tư chung với Tấn về vấn đề thời gian. Đoàn với Tấn cũng đã đề cập đến quan niệm thời gian của thuyết Tương đối trong đó thời gian không phải là một thực tại phổ quát và độc lập ngoài

không gian. Tấn từng nói rằng thời gian cũng như không gian và mọi hiện tượng khác mà ta gọi là hiện tượng vật lý có liên hệ mật thiết đến nhận thức con người và chỉ qua tâm trí con người nó mới có được cái hình thức và bản chất mà con người nhận biết. Điều mà Tấn nói đó, Đoàn thấy gần như chàng có thể chấp nhận hoàn toàn được. Những khám phá trong mấy mươi năm qua trong lĩnh vực vật lý cực vi đã làm sụp đổ nền vật lý học duy vật. Cái mà người ta tưởng là nền tảng của hiện hữu, kể từ Démocrite đến nay, tự nhiên đã mất hết bản chất. Các nhà khoa học không tìm thấy một cái gì có thể gọi là bản chất tự thân của các vật thể cực vi cả. Khi người ta thực hiện những cuộc thí nghiệm trên các vật thể cực vi, người ta chỉ được các vật thể này phản ứng khi thì như là một làn sóng, khi thì như một hạt... Đối tượng mà ta quan sát có vẻ không phải là tự thân của các vật thể cực vi, mà là khái niệm của ta về các vật thể cực vi. Đoàn biết rằng vật chất, không gian và thời gian liên hệ với nhau một cách mật thiết không thể tách rời ra khỏi nhau, và chàng tin rằng hình thái hiện hữu của chúng được quy định nhiều bởi nhận thức của con người. Ai cũng nghĩ rằng giữa quá khứ và tương lai có một lần phân biệt: lần phân biệt đó là hiện tại. Theo thuyết Tương đối của Einstein, hiện tại dài hay ngắn là tùy theo khoảng cách không gian giữa người quan sát và sự kiện xảy ra. Hiện tại do đó không nhất định phải là một khoảng thời gian ngắn ngủi của một phần trăm giây (hoặc một niệm hay một sát na theo danh từ của Tấn thường dùng) mà có thể kéo dài cả hàng năm, hàng chục năm hoặc hàng chục triệu năm. Đứng trên trái đất này ta thấy ngôi sao kia đang băng, nhưng đứng ở một nơi khác có thể là ngôi sao kia chưa băng hoặc đã băng từ hàng chục triệu năm rồi. Như vậy là cái hiện tại không những đã không có tính cách phổ quát mà lại còn có thể được đồng nhất với cái quá khứ hoặc cái tương lai nữa. Lĩnh vực nghiên cứu lâu nay của Đoàn là lĩnh vực lực học lượng tử (mécanique quantique). Chàng thấy trong thế giới vật thể cực vi, mỗi khi người ta cố mình định đích xác vị trí của một điện tử hoặc phân rạn không gian một cách chính xác thì người ta vấp ngay vào một sự bất định vô cùng tận về tốc độ cũng như về năng lượng. La théorie des quanta a montré que quand on précise la position et qu'on délimite strictement l'espace, il en résulte une indétermination infinie de la

vitesse ainsi que de l'impulsion et de l'énergie ^[4]. Điều đó khiến cho người ta không thể diễn tả được bằng toán học một cách thỏa đáng những tác động hỗ tương của các vật thể cực vi. Trong lĩnh vực vật lý cực vi, tính cách của thời gian và không gian trở thành không chính xác, và lắm khi ta không thể phân định được đâu là quá khứ, đâu là vị lai nữa cả. Pour l'instant il faut se contenter de l'hypothèse que dans les domaines infinitésimaux de l'ordre de grandeurs des corpuscules, l'espace et le temps ont une imprécision particulière, ce qui veut dire que même les concepts d'avant et d'après deviennent indéfinissable pour des intervalles de temps aussi réduits ^[4]. Các khoa học gia lại còn nói rằng lắm khi trong địa vực không - thời - gian của các vật thể cực vi, sự vật lại còn như đi ngược chiều thời gian, nghĩa là đi ngược cả tiến trình nhân quả nữa. Il faudrait compter avec la possibilité que des expériences concernant des processus dans des domaines infinitésimaux de l'espace-temps montrent que certains d'entre eux se déroulent apparemment en sens inverse de l'ordre causal ^[4].

Đoàn có cảm tưởng mình vừa từ một giấc mơ này đi qua một giấc mơ khác. Trong gần tám năm trời, Thiều có mặt đó nhưng chưa bao giờ đưa con trai yêu quý của Đoàn trở nên hiện thực một cách thấm thía như bây giờ. Trong giờ phút này đây, Thiều không còn là đứa con của chàng nữa, mà là chính chàng. Đoàn thấy Thiều rõ hơn và do đó chàng cũng thấy mình rõ hơn. Những ảo tưởng về an ninh và thường còn chợt tan biến; hiện hữu và sinh mạng con người trở nên mong manh như sợi chỉ mảnh treo chuông. Quá khứ quả như một giấc mộng. Nhưng cái hiện tại phập phồng mà Đoàn đang sống đây sao lại không có thể là một giấc mơ?

Trong lòng Đoàn chợt nảy sinh một thứ ước muốn mới mẻ và kỳ lạ: làm sao rũ bỏ được cảnh giới một để thoát được ra đến cõi thức tỉnh. Lần đầu tiên chàng nhìn thời gian và không gian như một cái lưới bủa vây và giam giữ lấy chàng. Tình trạng nguy kịch của Thiều từ trưa hôm qua đã làm cho Đoàn lo lắng khốn đốn đến phát điên. Nhưng cũng chính biến cố này đã mở toang được một cánh cửa mà từ lâu nay Đoàn chỉ thấy hé hé khép. Biến cố tới giáng trên đầu chàng một đòn chí mạng: nó chỉ cho Đoàn thấy rằng cái thế giới của những khám phá

khoa học mà chàng hé thấy trong sự nghiên tầm và quan sát có thể là hiện thực không kém cái thế giới sinh hoạt ăn ngủ giao tiếp hàng ngày của chàng. Lâu nay Đoàn tưởng mình mê mê những khám phá khoa học của chàng như người sưu tầm tem thư chơi với tem thư, như người họa sĩ chơi với màu sắc, như người thi sĩ chơi với hình ảnh và âm vận. Nhưng công trình nghiên cứu và hội thảo của chàng không hoặc chưa có ảnh hưởng thực sự nào đến đời sống thường nhật: ăn, ngủ, giải trí, giao tiếp, hạnh phúc gia đình, v.v... Trong khi đó Đoàn thấy rằng cái mà người ta thường gọi là "nhận thức thông thường" (le bon sens), cái nhận thức căn bản của đời sống giao tiếp hàng ngày, so với những nhận thức khoa học, đã chứng tỏ chứa đựng đầy dẫy những sai lầm và ảo tưởng. Những sự vật mà ta thấy, nghe, cảm, nắm hàng ngày, những sự vật mà ta cho là hiện thực một cách chắc chắn, tự nhiên trở thành những ảo tưởng khi ta đi sâu vào bản chất cực vi của chúng. Một khi đã vào thế giới cực vi và quan sát vật chất qua hai biểu tượng sóng và hạt của nó rồi thì ta không còn có thể nhìn sự vật hàng ngày như bình trà và trái cam như trước nữa. Chúng ta đã mất đi tính cách hiện thực tuyệt đối mà trước ta tưởng chúng có. Il faut considérer la matière sous ses deux aspects complémentaires, onde et particule, et renoncer à ces objets ou à ces choses don't était constituée pour nous depuis toujours la nature. Câu nói đó của Alfred Kastler cũng là câu nói chung của người đã từng làm quen với phép lực học lượng tử.^[5]

Đi xa vào thế giới tinh tú, người ta cũng khám phá được tính cách ảo tưởng của nhận thức thông thường. Cái mặt trời đỏ chói kia sáng lạn trên đầu núi, ánh sáng của nó còn làm cho da mặt ta ấm áp thế này, ai ngờ nó đã lặn cách đây tám phút rồi. Mặt trời ta đang thấy không bao giờ là mặt trời của hiện tại cả. Ngôi sao kia mà nhà thi sĩ muốn gõ ra để cài vào tóc người yêu có thể đã tắt ngấm hàng triệu năm về trước. Và dù nếu ngôi sao đó chưa tắt thì đầu tóc người yêu của thi sĩ cũng làm sao chịu nổi một khối lượng nặng và to lớn bằng mấy triệu lần trái đất? Thi sĩ mang đôi găng tay nào để gõ ngôi sao ra khỏi nền trời mà không bị cháy tay? Thiều sanh năm 1972. Đứng tại thời điểm nào đó trong vũ trụ để quan sát thì có thể thấy rằng Thiều chưa sanh. Một

ngàn năm sau đứng tại một địa điểm khác thì vẫn có thể thấy Thiều đang cười nói. Những điều đó có thể là những điều ngộ nghĩnh mà người khác có thể lặp lại trong lúc trà dư tửu hậu, nhưng đối với Đoàn, đó là những sự thực quan trọng phải được xác nhận. Những phát kiến lớn lao trong lĩnh vực các vật thể cực vi cũng như trong lĩnh vực thế giới thiên tượng đã làm cho những con người như Đoàn nhận thức được tính cách mê vọng của cái mà ta gọi là "nhận thức thông thường" trong cuộc sống thường nhật. Tuy vậy cuộc sống của nhân loại vẫn tiếp diễn trên căn bản cái "nhận thức thông thường" kia, và mọi khổ đau, mọi dằn vặt của kiếp người vẫn tiếp tục phát sinh trên cái căn bản nhận thức này.

Đạo Phật thường nói con người sống trong vô minh hoặc trong mê vọng, và phần lớn khổ đau đã phát sinh từ những vô minh và mê vọng đó. Đối với chân lý của vũ trụ, những khám phá của khoa học còn thật là nhỏ bé và khiêm nhượng. Tuy vậy những khám phá này cũng đủ để hé cho con người thấy được tính cách vô minh và mê vọng đó. Liệu khoa học có thể thực sự lay tỉnh được con người ra khỏi giấc mơ mê vọng không? Đoàn tin rằng khoa học có thể đóng góp rất nhiều trong nỗ lực đạt đến một cái nhìn càng lúc càng gần với thực tại, càng lúc càng xa mê vọng, cái nhìn mà Tấn ưa gọi là chính kiến. Đoàn chợt thấy rằng ước vọng của mình không khác mấy với ước vọng của Tấn: rũ bỏ được nhận thức mê vọng để được thăng thang tự do đi vào thế giới thực tại. Tấn thường nói đến giải thoát như là một trạng thái tâm linh. "Mình bị ràng buộc bởi chính nhận thức của mình". Là khoa học gia, Đoàn rất ưa cái ý niệm sở tri chướng của đạo Phật. Cái sở tri của mình chính là chướng ngại cho sự tiến bộ của mình. Mỗi một phát minh mới trong lĩnh vực khoa học là một sự giải phóng của nhà khoa học đối với cái kiến thức khoa học cũ. Không có nấc thang này thì không thể leo lên nấc thang khác. Cái thế giới kỹ hà học của Euclide đã giam hãm bao nhiêu thế hệ học giả?

Giờ đây, Đoàn ngồi im lặng trong thư phòng nhà chàng như một đạo sĩ ngồi tĩnh tọa trên bồ đoàn. Nếu ai hỏi ước ao thâm trầm nhất của chàng lúc này là gì, có lẽ chàng sẽ nói rằng đó là một sự thức tỉnh. Tại sao không ước mong trở lại giấc mơ đầu tiên, tức là giấc mơ trong đó

con chàng không có bệnh hoạn và chàng tiếp tục cuộc sống hàng ngày, chia thì giờ của mình cho sở làm và gia đình? Có thể đó là một giấc mơ êm đẹp, nhưng vẫn là một giấc mơ. Một giấc mơ được xây dựng trên "nhận thức thông thường". Mà hễ có giấc mơ thứ nhất đó thì có giấc mơ hãi hùng thứ hai mà chàng đang trải qua, một cơn ác mộng mà cường độ đã suýt làm nổ tung cả bản thể chàng.

Đoàn chợt cảm thấy thần kinh mình êm dịu lại và chàng không khỏi lấy làm lạ. Suốt thời gian ngồi ở phòng sách, chàng vẫn có ý thức mình mẫn về tình trạng nguy cấp của đứa con mình, nhưng chàng thấy chàng không còn hoảng hốt như trước. Chàng biết rằng thần kinh chàng êm dịu lại không phải là vì chàng đã trốn vào tháp ngà của những suy tư về khoa học để tìm sự lãng quên, như chàng đã thử tìm sự lãng quên trong hai viên thuốc ngủ. Chàng biết niềm lo âu của chàng lớn lao quá và chàng không thể nào đàn áp nó hoặc ru ngủ nó. Nó hung bạo như mặt biển trong một cơn phong vũ điên cuồng, không có gì để trấn áp. Vấn đề không phải là trấn áp mà là thắng vượt. Đột nhiên Đoàn nhận ra rằng những điều chàng phát kiến trong lĩnh vực nghiên cứu của chàng không phải chỉ là những ý tưởng. Chúng đã trở thành một phần của tâm não chàng. Chúng đã ăn sâu vào tim óc chàng và chính tim óc chàng đã dự phần vào sự đúc kết nên chúng. Đúng rồi, chúng đã trở nên cái vỏ ốc và cái lưới nhện của chàng. Chúng là thứ khí giới chiến đấu duy nhất mà chàng có thể có. Chính chúng đã đứng dậy với chàng trong cơn sóng gió. Sự phát kiến này đến với Đoàn nhanh như một làn chớp giật.

Đột nhiên, Đoàn ngồi ngay ngắn lại. Chàng bắt đầu thở những hơi thở thật dài và thật nhẹ. Chàng khao khát buông bỏ mọi kiến thức, mọi quan niệm để có thể được thực sự tự do. Chàng nhớ lại rằng đã nhiều lần chàng suy tư về cái chết, và chàng đã không xua đuổi ý niệm về cái chết khi nó lảng vảng trở về trong tâm trí, như nhiều người khác đã làm. Là người nghiên cứu về khoa Vật lý học nhưng Đoàn không thờ ơ về khoa Sinh vật học. Chàng chấp nhận dễ dàng thuyết tiến hóa và không hề thấy có một mặc cảm nào khi biết rằng loài người đã tiến hóa từ những loài sinh vật đơn tế bào như loại a-míp. Tiến hóa là sinh diệt nhưng đồng thời cũng là bất sinh bất diệt.

Chàng mỉm cười nghĩ rằng từ con a-míp đến chàng, sự sống đã luôn luôn liên tục. Con a-míp kia chưa bao giờ chết, cũng như chàng, chàng chưa bao giờ chết. Chàng đã sinh ra từ lúc nào? Có phải là chàng đã bắt đầu hiện hữu cả trước những con a-míp đầu tiên trên trái đất, hiện hữu trong những điều kiện đã đưa đến sự tiến hóa thành những con a-míp. Chàng chưa bao giờ chết, từ hồi vô thi, thì làm sao một ngày kia chàng sẽ chết được. Có một lần Tấn nói với chàng rằng "sinh diệt là họa đốm giữa hư không", chàng đã không hiểu Tấn nói gì. "Rien ne se crée, rien ne se perd". Lavoisier nói về tính cách bất sinh bất diệt của các vật thể vô cơ, của vật chất và năng lực. Định luật của Lavoisier chàng thấy có thể áp dụng vào địa vực sinh vật hữu cơ: tất cả mọi loại hữu tình đều bất sinh bất diệt. Những biểu tượng sinh diệt của vật thể vô cơ nếu đã là "hoa đốm giữa hư không" thì tại sao những biểu tượng sinh diệt của các vật thể hữu cơ lại không là "hoa đốm giữa hư không"? Sự sống nơi chàng và nơi Thiều sẽ truyền đi, bất diệt. Dòng sông mãi mãi còn đó và những biểu tượng sinh diệt có tính cách "không hoa" của những giọt nước không hề làm suy yếu đến tính cách bất sinh bất diệt của dòng sông. "Không có gì sinh ra, không có gì diệt đi". Lại thay, ngôn ngữ của một nhà khoa học và ngôn ngữ của một nhà đạo học tại sao lại trùng nhau từng chữ như vậy? Bất Nhã Tâm Kinh đã chẳng nói "thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt đó hay sao?".

Tới đây Đoàn chột nhớ đã từng nghe một triết gia hiện đại nào đó khuyên người đừng nên thắc mắc rằng "ngày mai mình sẽ chết". Triết gia kia nói: "Đời người được giới hạn trong không gian cũng như trong thời gian. Tôi không thể sống một lần ở khắp nơi trong vũ trụ được, tôi không biết đến thành phố Bắc Kinh nhưng tôi vẫn sống, và chấp nhận giới hạn của đời sống tôi trong không gian. Như vậy tại sao tôi lại không chấp nhận giới hạn của tôi trong thời gian? Đến năm 2000 thì trong tổng số những người hiện đang sống trên mặt đất sẽ chỉ còn một số người còn sống, và chẳng có ai đang sống bây giờ có thể sống tới năm 3000". Đoàn không chấp nhận được sự cắt xén đó. Không có Bắc Kinh thì làm sao có được Princeton, bởi vì mọi hiện tượng liên hệ nhau mà hiện hữu, "cái này có cho nên cái kia có" [6]. Ta

liên hệ tới tất cả vũ trụ, có ta là có cả vũ trụ, ta sống với toàn thể vũ trụ, tại sao có thể cắt xén đi được? Ai bảo là trong mỗi hơi thở vào của tôi không có một vài phần tử không khí mà ngày xưa Jules César đã thở?

Về phương diện thời gian cũng thế, Đoàn thấy là mình cũng không thể giới hạn và cắt xén được thời gian. Đã sống, là sống tốt cùng với thời gian vô thủy vô chung. Không có quá khứ thì làm gì có vị lai và hiện tại; không có vị lai thì làm gì có hiện tại và quá khứ? Hiện tại có phải là một cái móc giả tạo để chia cắt thời gian làm hai phần quá khứ và vị lai? Chỉ vì ta vạch một đường phân chia trước mắt cho nên ta mới có hai bên tả hữu. Xóa bỏ đường phân chia thì làm sao còn tả và còn hữu? Tả hữu và trung ương, cũng như quá khứ, vị lai và hiện tại, có thể cũng chỉ là những biểu tượng sinh diệt che lấp thực tại bất sinh bất diệt. Đoàn chợt thấy là một khi mình đã hiện thể, mình chỉ có thể hiện thể cùng không gian vô cùng và thời gian vô tận mà thôi. Có phải ngục tù giam hãm nhận thức con người là những biểu tượng sinh diệt do chính nhận thức con người sáng tạo?

Những điều mà từ hơn một năm nay Đoàn đàm luận với Tấn đột nhiên mang lại một tầm quan trọng lớn lao vô cùng. Đoàn nhớ tới những điều Tấn nói liên hệ với óc "phân biệt biến kế". Tấn nói chính nhận thức của mình cắt xén thực tại và phân chia thực tại thành sinh và diệt, một và nhiều, thường và đoạn, quá khứ và vị lai. Tấn đã nói với chàng về triết gia Long Thọ ^[7] với tác phẩm Trung Quán Luận của người, một tác phẩm chuyên sử dụng phép biện chứng để chỉ rõ sự vô lý của những quan niệm sinh và diệt, thường và đoạn, quá khứ và vị lai. Einstein trong thuyết Tương đối của ông đã chứng minh rằng quán tính (inertie) và trọng lực (pesanteur) là một. Thời gian và không gian cũng đã được xem như không phải là hai. Vật chất và năng lượng cũng không phải là hai. Và Đoàn hiện có khuynh hướng cho rằng sóng và hạt rối cuộc cũng không phải là hai. Chương ngại trên đường đi, theo chàng, là cái biến kế phân biệt của nhận thức. Nó cắt xén thực tại, tạo ra ảo tưởng về sinh diệt trên bình diện biểu tượng.

Có lần Tấn đã vừa cười vừa nói với Đoàn rằng cái thế giới vật thể cực vi của Đoàn chỉ là một thế giới ma quái. Đoàn đã trả lời rằng chàng tin những "con ma" trong thế giới đó có thực. Dù sao cũng nhờ đi vào thế giới đó mà những nhà khoa học như Đoàn phát giác ra được tính cách ảo hóa của thế giới vật thể mà con người tiếp xúc bằng cảm quan trong đời sống thường nhật. Nhờ đi vào thế giới đó mà chàng mới biết được rằng cái "nhận thức thông thường" của con người đầy đầy ảo tưởng. Những khám phá của khoa học vật lý trong vòng năm mươi năm nay đã đủ để cho ta thấy được điều đó. Đi vào thế giới vật lý cực vi mà còn mang theo nhận thức phân biệt biến kể đã từng sử dụng trong thế giới vật thể thông thường thì sẽ không thấy, không hiểu được gì. Cho nên chàng đã từng nói: phải bỏ lại cái lề lối nhận thức hàng ngày trước khi khởi hành đi vào thế giới vật thể cực vi.

Tuy Đoàn và nhiều đồng sự đã đồng ý về điểm đó, trong nhiều năm nay các khoa học gia vẫn còn đứng ở trong một cái thế giới kẹt lớn. Chàng nhớ rằng nội cuộc cãi vã về "sóng và hạt" cũng đã kéo dài có tới gần hai chục năm trời. Đoàn cho rằng sở dĩ các nhà khoa học gia còn kẹt là tại vì họ chưa rũ bỏ được nhiều những lề thói nhận thức thông thường. Dù rằng bây giờ ít ai còn có ảo tưởng muốn "miêu tả" các vật thể cực vi bằng hình ảnh thị giác, nhưng những khái niệm như hạt và sóng vẫn còn là những khái niệm hoàn toàn đối lập và nhận thức của nhà khoa học vẫn còn kẹt vào "nhị kiến" nghĩa là cái nhìn phân biệt ra từng cặp đối lập. Cái nhìn nhị kiến đã bắt đầu nứt rạn đối với các hiện tượng có biểu tượng đối lập như vật chất và năng lực, quán tính và trọng lực, thời gian và không gian, không gian vật chất, sóng và hạt,... nhưng vẫn còn nguyên vẹn đối với các biểu tượng tâm và vật, chủ thể và đối tượng. Hơn nữa sự rạn nứt đó chưa đủ để phá tan cái nhìn nhị kiến. Một mặt công nhận tính cách bất nhị của thời gian và không gian, mặt khác lại vẫn đi tìm cái khởi thủy và cái giới hạn của vũ trụ: hai điều đó thì làm sao phù hợp với nhau được? Những giả định về thuyết Big Bang, những đàm luận về thuyết vũ trụ phình giãn (dilatation) hoặc về giới hạn của vũ trụ, há không phải trái chống với lập trường "thời - không nhị" hay sao?

Gần đây Đoàn lại nghe một vài lý thuyết gia khoa học đàm luận về thời gian bên trong các hố đen (black holes) và bên trong các vật thể cực vi. Làm như thế là các loại thời gian ấy là những hiện tượng hoàn toàn khách quan không liên hệ gì tới nhận thức. Thời gian chỉ có tính cách địa phương, và sở dĩ như thế là vì nó là một phương trình của nhận thức. Không gian, theo chàng, cũng có tính cách địa phương. Thuyết Tương đối cho biết vật chất và không gian là đồng thể, đồng thời cũng cho biết thời gian không độc lập ngoài không gian. Như vậy cả ba thứ thời, không và vật dưới nhận thức phi nhị kiến có thể chỉ là đồng thể. Tuy nhiên chúng không phải là một thực tại độc lập với nhận thức: phá bỏ nhận thức nhị kiến, sự đối lập tâm và vật không còn tồn tại.

Các nhà khoa học đã gần như đồng thanh mà lên tiếng: tự thân của các vật thể cực vi ra sao, ta không thể nào biết được; chỉ có thể quan sát các vật thể đó qua nhận thức con người mà thôi. Bất cứ cuộc quan sát nào về các vật thể cực vi cũng đều làm sai lệch hoặc biến đổi đối tượng quan sát, vì vậy cái mà ta gọi là thực tại khách quan ta không bao giờ đạt đến được. Đoàn nghĩ rằng sở dĩ như vậy là tại sự quan sát đã được đặt trên nền tảng nhị kiến: ở đây đối tượng quán sát hoàn toàn độc lập với chủ thể quán sát. Khởi thủy sai lầm thì cứu cánh phải sai lầm. Tấn nói rằng trong đạo Phật danh từ quán sát không được xem trọng bằng danh từ quán niệm hoặc danh từ thể nhập: trong khi thể nhập, sự phân biệt chủ thể đối tượng không còn. Cái kẹt lớn nhất của khoa học có thể nằm tại điểm đó, Đoàn nghĩ.

Các nhà khoa học đã thoáng thấy được sự vô vọng của sự sử dụng khái niệm để miêu tả các vật thể cực vi và hành tung của các vật thể này. Họ có một nẻo thoát: đó là ngôn từ toán học. Nhưng ngôn từ này lại hoàn toàn trừu tượng. Hơn thế nữa, Toán học lại cũng chỉ là một sáng tạo ước lệ của trí óc con người; nó diễn tả cái nhận thức của tâm trí con người về các vật thể nhiều hơn là diễn tả tự thân của vật thể. Nói tóm lại là đi tới đâu con người cũng chỉ đối diện với chính mình.

Nếu có Tấn ở đây chắc Tấn đã kêu gọi tới cái nhận thức gọi là vô phân biệt trí của đạo Phật. Vô phân biệt trí là cái nhận thức không bị cái

nhìn nhị kiến về chủ thể và đối tượng gò ép sai sử. Đoàn không biết khi đạt tới cái nhìn ấy thì người ta phải dùng thứ ngôn ngữ nào để diễn tả cái thấy của mình. Cố nhiên là không thể dùng những hình ảnh và khái niệm dựa trên nhị kiến. Cố nhiên là ngôn ngữ đó trở thành khó hiểu đối với những kẻ chưa bao giờ thoát ra cái nhìn nhị kiến. Ngôn ngữ đó có thể bị người đời cho là bí hiểm. Cái liên thể thời không (continuum d'espace-temps) và cái vũ trụ bốn chiều (l'univers à quatre dimensions) của Einstein, các thực thể vừa là hạt vừa là sóng của các nhà cực vi vật lý học phải chăng là những khái niệm mới dùng để đánh đổ những khái niệm nhị kiến cổ điển?

Tuy nhiên Tấn bảo rằng đạo Phật phá cái nhìn nhị kiến không phải để đi đến cái nhìn nhất kiến. Đã có một thì phải có hai, có ba. Vậy cái nhìn nhất kiến cũng không phù hợp với thực tại. Thực tại không phải là một cũng không phải là hai, "phi nhất phi nhị". Điều này sẵn sàng chấp nhận. Chàng cũng thấy rằng các cặp hiện tượng sóng và hạt, thời gian và không gian, v.v... tuy không phải là hai nhưng cũng không hẳn là một. Sự thực nằm ở đâu đó trên một con đường trung đạo.

Tấn có nói rằng để đánh đổ các khái niệm nhị kiến và biến kế, đạo Phật đã trình bày khái niệm vô ngã, tháo tung mọi biên giới chia cách giữa vật thể, chia các không gian và thời gian. Những quan hệ trắc bất chuẩn (relations d'indétermination) của Heisenberg há không phải là một thứ dụng cụ nhằm phá vỡ thói quen miêu tả thực tại bằng những biểu thị có tính cách quyết định (représentations déterministes) hay sao? Cái nền đạo học thiền học chủ trương phá bỏ thứ ngữ ngôn văn tự phát xuất từ biến kế ấy cũng đã dựng ra thứ ngữ ngôn văn tự của chính mình. Thì khoa học đã không đang dựng ra thứ ngữ ngôn riêng biệt của khoa học hay chăng?

* * *

Đoàn thông thả đứng dậy. Nhìn qua cửa sổ chàng thấy nắng chiếu rực rỡ ngoài vườn. Lá cành thấp thoáng. Chàng khao khát được đi ra vườn giữa những thân cây khỏe mạnh. Nỗi lo âu của chàng, chàng

biết nó vẫn còn nguyên vẹn, nhưng chàng cảm thấy lòng chàng bình tĩnh hơn và chàng có nhiều nghị lực hơn. Nghĩ đến Tuyết, chàng thấy lòng tràn ngập một niềm thương. Tuyết hiện cũng đang chiến đấu như chàng với cảnh ngộ. Cảnh ngộ bên ngoài cũng như cảnh ngộ nội tâm. Hai thứ cảnh ngộ mà thật ra chỉ là một. Nhớ tới đêm qua, Đoàn chợt rùng mình thấy rằng trong cơn hiểm nguy, mình chỉ là một cành sậy mong manh phất phơ trong cơn gió dữ. Chàng biết là chàng sẽ đau xót cùng cực nếu con chàng không qua khỏi tình trạng hiểm nghèo này. Nhưng chàng cũng biết là từ đây, chàng có một khả năng chịu đựng lớn lao hơn. Chỉ trong một đêm một ngày, chàng đã thay đổi. Sự thay đổi vừa xảy ra có thể đã là sự thay đổi lớn lao nhất trong đời chàng. Chàng có cảm tưởng là giờ đây chàng có thể lấy chàng làm chỗ tựa cho Tuyết. Một cành sậy thì không có thể làm chỗ tựa cho bất cứ ai. Nhưng chàng đã không còn là một cành sậy. Cũng như Tuyết, cũng như Tấn, chàng đã được trang bị trên phương diện tâm linh để đối phó với những cuộc giông bão của cuộc đời. Chàng cũng đã phát giác ra cái vỏ ốc do chính tâm não và huyết mạch chàng tạo dựng.

Nghĩ tới đây, Đoàn đã ra tới vườn cây. Đoàn nhận ra lâu nay mình đã bị thế giới vật thể cực vi thâm hút và đã ít khi được nắm tay Thiều đi chơi trong khu vườn mát mẻ và rộng rãi này. Cố nhiên là chàng đã từng cùng Tuyết và Thiều đi dạo nhiều lần trong vườn cây, nhưng những lúc ấy, lòng chàng đã không hoàn toàn có mặt trong vườn cây với Thiều và Tuyết. Bây giờ đây, chàng biết mình thực sự có mặt. Đoàn ước ao giờ này có mặt Tuyết và Thiều ở bên cạnh chàng. Chàng đã thực sự đi vào thế giới vật thể cực vi, và nhờ đó chàng đã thực sự trở về thế giới của Thiều và của Tuyết.

* * *

Nhìn lại đồng hồ tay, Đoàn thấy đã một giờ hai mươi phút. Chàng rời khu vườn, chậm chậm bước vào nhà. Vừa tới phòng khách, chàng bỗng nghe tiếng chuông cổng. Nhìn ra ngoài, Đoàn thấy Tấn. Chàng quay lại, mở cửa bước xuống con đường trải sỏi. Đoàn biết ngay rằng người mà chàng có thể cởi mở nỗi lòng bây giờ là Tấn. Trong khi chờ ngoài cổng, Tấn thấy Đoàn bước từng bước chậm rãi trên lối đi trải

sỏi. Phong thái của Đoàn thật nghiêm nghị, nhưng quanh đầu chàng như tỏa hào quang. Tấn lấy làm lạ. Một biến cố lớn lao nào vừa tới với Đoàn, Tấn cảm thấy như thế. Nhưng chàng quên rằng một biến cố lớn cũng vừa mới xảy đến cho chàng. Và cả hai đều không biết rằng chính cậu bé tám tuổi kia đã gây nên những thay đổi đó. Một mũi tên của Thiều bắn đi đã trúng một lần hai cái đích.

[4]. Werner Heisenberg, *La Nature dans la Physique contemporaine*, Gallimard 1962.

[5]. Alfred Kastler. *Cette étrange matière*, Stock 1976.

[6]. "Thử hữu cố bỉ hữu" Kinh A Hàm.

[7]. Nagarjuna, tăng sĩ Phật giáo Ấn Độ, thế kỷ thứ 2 trước Tây lịch, tác giả *Madhyamika Sastra*.

Lan

Trưa hôm nay chú Tâm Thế ăn cơm tại nhà anh Chiêu, một nông dân ở làng định cư Quảng Khánh.

Cơm gạo mới dẻo và thơm. Trên mâm, có một đĩa đậu xào, một đĩa rau luộc, một đĩa cà muối, một đĩa bắp ram và một chén nước mắm. Chú Tâm Thế không ưa nước mắm, cho nên anh Chiêu đã mang ra để cạnh mâm đĩa muối tiêu dành riêng cho chú.

Cùng ngồi một mâm với chú, ngoài anh Chiêu chủ nhà, còn có anh Thắng, anh Đạo và chị Lành. Ba người này đều là tác viên xã hội trong đoàn công tác Quảng Khánh. Chú Tâm Thế cũng là tác viên xã hội, nhưng chú không thuộc về đoàn công tác này. Chú chỉ là một người khác của làng định cư.

Chị Chiêu nhất định không chịu ra ngoài cùng mâm với khách. Chị bảo chị và hai cháu bé xin ăn cơm sau. Chú Tâm Thế hôm nay rất ít nói. Chú lắng tai nghe anh Chiêu và các bạn nói về những khó khăn và những thành quả đạt được tại làng định cư.

Anh Chiêu là một nông dân trẻ, tuổi ngoài ba mươi. Anh là người quận Gia Linh tỉnh Quảng Trị. Năm 1972, cùng với hàng vạn người dân Quảng Trị khác, gia đình anh đã bỏ làng bỏ xóm chạy vào Thừa Thiên bằng con đường quốc lộ mà sau đó người ta gọi là "Đại Lộ Kinh Hoàng". Hàng ngàn người đã gục ngã trên con đường tỵ nạn đó. Mẹ anh và đứa con gái lớn của anh mới năm tuổi cũng đã tử nạn trên quãng đường này. Vì tình thế khẩn trương, anh không thể mang theo thi hài của mẹ và của con theo trên đường tỵ nạn. Anh cùng vợ và hai con đã thoát được vào thị xã Huế. Bom đạn của cuộc tấn công Quảng Trị đã buông tha được bốn người trong gia đình anh.

Từ thị xã Huế, gia đình anh đi theo các chuyến di cư vào Nam. Trước hết người ta cho anh vào trại tạm cư Phước Tuy. Rồi người ta cho anh lên trại định cư Suối Nghệ. Ở Suối Nghệ mới được mấy tuần lễ thì chiến tranh lan tới. Bom đạn lại gieo thêm tang tóc. Gia đình anh bỏ

chạy về làng Long Khánh và được đưa vào trại tạm cư tại sân vận động tỉnh lỵ. Tại đây, gia đình anh cùng với hai trăm gia đình khác, cũng gốc từ Quảng Trị, được tổ chức Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hướng dẫn về định cư tại trại định cư Quảng Khánh.

Khi anh Chiêu tới Quảng Khánh thì trại định cư còn là núi rừng hoang vu. Đoàn Công Tác Quảng Khánh gồm có sáu tác viên trong đó có hai vị tăng sĩ trẻ dưới ba mươi tuổi. Đoàn công tác này cũng căn lều ở bìa rừng cạnh quốc lộ 20 và chung sống với trên hai trăm gia đình tỵ nạn. Họ thuộc về một tổ chức xã hội Phật Giáo, và không có liên hệ gì tới chánh quyền. Họ đã cùng với đồng bào định cư khám phá khu rừng Quảng Khánh xây dựng các khu gia cư, phát quang trên một trăm sáu mươi mẫu rừng để canh tác. Gia đình anh Chiêu được chia tám sào đất. Làng định cư Quảng Khánh có một diện tích ước trên sáu ngàn mẫu rừng, cách quận lỵ Định Quán chừng sáu cây số, xung quanh có sông Đa Dung và sông La Ngà bao bọc.

Chiều hôm qua từ quận lỵ Định Quán đi bộ về với Thắng, chú Tâm Thế thấy hoa bằng lăng nở tím ở ven rừng, sát khu định cư. "Đất ở đây chắc chắn là tốt hơn đất khu định cư Quảng Phú ở tỉnh Phước Tuy" chú Tâm Thế suy nghĩ. Quảng Phú là nơi chú Tâm Thế đang làm công tác. Thắng lên tiếng bảo chú:

- Tất cả những thức ăn mà sư huynh thấy trên mâm đều là những sản phẩm của Quảng Khánh. Chỉ trừ nước mắm là phải mua ở Định Quán.

Chú Tâm Thế gật đầu. Quảng Khánh đã tụt tụt được rồi. Mùa gặt vừa hoàn tất. Nồi cơm mới đầu mùa vừa thơm vừa dẻo này, anh Chiêu đã muốn thưởng thức với một số các anh chị trong đoàn công tác. Đã "bắp ram" trên mâm là một thứ chả bắp rán: chỉ còn chừng mười hôm nữa là bắp già, anh Chiêu sẽ thu vào được ba sào bắp tốt.

Thắng cho chú Tâm Thế biết là chỉ trong vòng sáu tháng nữa thì đoàn công tác của Thắng sẽ rút lui khỏi Quảng Khánh và việc điều hành khu định cư lúc đó sẽ hoàn toàn do dân chúng trong khu đảm trách.

"Ước mong rằng chiến tranh sẽ không lan rộng tới đây", Thắng vừa nói vừa nâng bát cơm một cách trầm ngâm. Nhưng rồi Thắng lại mỉm cười: "Trên đất nước mình, hiện không có nơi nào thực sự an ninh cả".

Nụ cười của Thắng quả đem lại sự an tâm cho anh Chiêu. Anh gấp "bắp ram" bỏ vào bát cho khách. "Chúng tôi đã phải đấu tranh gian nan lắm mới có quyền thực sự làm chủ được khu định cư này, thưa sư huynh", anh nói. Chú Tâm Thế lại gật đầu.

Chuyện tranh đấu của đồng bào ở đây, chú đã được nghe Thắng kể lại hôm qua. Trên nguyên tắc, nha Khẩn Hoang Lập Ấp đã chịu nhường khu đất này cho giáo hội Phật Giáo để xây khu định cư cho hai trăm gia đình chiến nạn Quảng Trị. Nhưng vì đất ở đây tốt và lâm sản ở đây có giá trị cho nên những ông giàu tại Sài Gòn và Bình Tuy, dựa vào thế lực của chính quyền địa phương để xâm lấn, khai thác và biến đất này thành cơ sở tư của bọn họ. Bọn họ đã cho người tiến vào khu Quảng Khánh để đốn các cây đại thụ và đe dọa người định cư. Trong một cuộc cãi vã với đồng bào định cư vào tháng mười một năm ngoái, họ đã bắn chết một bà lão để thị uy, tin rằng người định cư sẽ hoảng sợ bỏ đất mà chạy.

Ai ngờ sự việc diễn biến một cách khác. Dân tị nạn đã ra ngồi trên quốc lộ 20 gần cây số 109. Các tác viên xã hội trong đó có hai vị tăng sĩ trẻ đã ra ngồi chung với họ. Quốc lộ bị tắt nghẽn. Suốt tám giờ đồng hồ, không có chiếc xe nào lên xuống được. Xe hàng, xe hành khách và xe du lịch sắp hàng dài trên sáu cây số. Các lực lượng bảo an và địa phương quân từ Định Quán gửi tới thấy thái độ vô úy và nhất trí của đồng bào đều không dám động thủ. Đoàn tác viên đã cho đưa ngay tin về Sài Gòn cho trường xã hội, chùa Ấn Quang và các giới báo chí thủ đô.

Chiều hôm đó chính quyền Bình Tuy, trước mặt các giới báo chí, nhân sĩ từ Sài Gòn lên đã long trọng cam kết là sẽ bảo vệ quyền định cư của dân tị nạn tại Quảng Khánh và bắt buộc những người gây hấn phải bồi thường thiệt hại cho đồng bào. Quốc lộ nhờ vậy đã được khai thông.

Bữa cơm tại nhà anh Chiêu vang tiếng cười nói của anh và của những người khách trẻ. Chú Tâm Thế biết bữa cơm hôm nay là một tiệc mừng của gia đình anh Chiêu. Chú biết dưới bếp, chị Chiêu đang lắng nghe mọi câu chuyện và mọi tiếng cười của Anh và của những người khách. Anh Chiêu đã muốn tỏ niềm biết ơn của mình cũng như của dân làng đối với anh chị em trong đoàn công tác. Chú Tâm Thế thật lòng mừng cho anh Chiêu, mừng cho các đồng sự của chú tại đoàn công tác Quảng Khánh, và mừng cho trên hai trăm gia đình định cư ở đây. Chú muốn hòa lòng mình với lòng họ, do đó chú đã lắng nghe mọi người, cười với họ. Nhưng dường như trong lòng chú còn có những nỗi lo âu riêng cho nên chú ít góp ý vào câu chuyện.

Sau bữa cơm trưa, chú xin phép anh Chiêu và các bạn đi dạo chơi một mình trong vùng canh tác của khu định cư.

* * *

Đi giữa những hàng bắp, chú Tâm Thế suy nghĩ đến việc chú phải làm vào trưa ngày mai. Chú lên Quảng Khánh với một sứ mạng thật đặc biệt: đó là "khai sinh" cho một người sắp chết. Công việc không có gì khó khăn, nhưng từ hơn một tuần nay, tâm chú cứ nghĩ mãi tới nó. Trong đời chú, đây là lần đầu tiên mà cũng có thể là lần chót chú làm một công việc tương tự.

Đúng hai giờ chiều trưa mai, chú phải có mặt tại địa điểm Phước Hải nơi vùng rừng núi giáp giới giữa Phước Thành và Bình Tuy có con sông Đồng Nai chảy qua. Địa điểm này không xa nơi gặp nhau giữa hai con sông Đồng Nai và La Ngà. Vào khoảng hai giờ mười lăm phút sẽ có một người từ ven sông đi lên, trên người không có quần áo gì hết, ngoài một chiếc quần đùi. Người này sẽ ướt như chuột lột. Chú sẽ đưa người ấy đi lên khu rừng gần đó, lấy dao cạo trong dây hành lý của chú mà cạo đầu cho ông ta, rồi lấy quần áo tăng sĩ trong dây hành lý của ông ta mặc. Xong chú đưa người này ra quốc lộ. Đúng ba giờ trưa thì có xe hơi của Thu sẽ đi ngang qua cây số 103 và hai vị tăng sĩ sẽ lên xe để về Sài Gòn. Chú đã có sẵn thẻ căn cước cho vị tăng sĩ mới. Thẻ mang tên Thích Thanh Ân, ba mươi hai tuổi đời.

Chú Tâm Thế mỉm cười khi nghĩ đến anh Lâm xúng xính trong chiếc áo nhật bình và cái đầu trọc lóc. Chú biết anh Lâm đã suy nghĩ nhiều tới chuyện này trước khi chấp nhận việc đi "đầu thai" này. Nội trong ngày một tại An Lộc người ta sẽ nghe tin Trung Úy Trần Thanh Lâm chết đuối tại sông Đồng Nai trong lúc đang tắm sông với hai người bạn cùng đơn vị. Hai người kia, sau mấy giờ đồng hồ tìm kiếm, thế nào cũng đưa quân phục của người Trung Úy xấu số về đồn để báo cáo. Đơn vị của Lâm cách An Lộc hơn sáu mươi cây số về phía Đông Nam.

Chú Tâm Thế không ngại gì về việc hai người lính đi tìm anh Lâm, bởi vì theo anh thì hai người lính này là bạn, và sẽ chỉ tìm và ngồi chờ qua loa chừng hai giờ rồi trở về đơn vị báo cáo. Tuy vậy chú vẫn bị kích thích bởi tính cách mạo hiểm của công việc. Chú vốn là một người nhút nhát, không có được cái đức vô úy của sư huynh chú là đại đức Nguyên Hưng, cũng không có được cái tánh ưa mạo hiểm của anh Lâm. Cũng vì vậy mà óc chú cứ nghĩ mãi đến công việc ngày mai.

* * *

Ra khỏi vùng canh tác, chú Tâm Thế men vào bìa rừng. Ở đây còn là địa phận của khu định cư Quảng Khánh. Chú đi chậm chậm theo lối mòn trong rừng. Mùi ẩm của lá rừng khiến cho chú thích thú. Vừa đi chú vừa để ý nhiều lên các cây lớn xung quanh để xem có chùm phong lan nào không. Chú nghe nói rằng ở đây có nhiều phong lan. Nếu có, chú sẽ gỡ một vài chùm đem về treo ở hiên chùa là Phú Thọ Hòa.

Anh Lâm là bạn thân của thầy Nguyên Hưng, sư huynh của chú. Ngày sư huynh chú còn là một chú tiểu tu ở chùa Linh Thửu thì anh Lâm mới chín mười tuổi, thường đến chơi chùa. Hai người đã trở nên đôi bạn thân thiết. Lâm không đi tu nhưng cũng thuộc lòng cả hai buổi công phát huy sáng tối, có thể đọc vanh vách chú Lăng Nghiêm và Hồng Danh Bảo Sám. Có lần anh Lâm cũng đã định đi tu để theo

sư huynh chú, nhưng sau nghĩ lại vì có bà mẹ một thân một mình cho nên đã quyết định không đi tu nữa.

Năm chú Nguyên Hưng học năm thứ hai cấp trung học Phật Giáo tại Phật học đường Phật Quang thì anh Lâm cũng đem mẹ về Sài Gòn. Anh vừa đậu tú tài và xin được công việc làm tại đây. Anh đưa bà cụ về, thuê một căn nhà ở xóm Bàn Cờ để hai mẹ con ở. Anh lại thường lên chùa Phật Quang để gặp gỡ chú Nguyên Hưng. Tình bạn của hai người được nối lại một cách thắm thiết. Anh Lâm có dịp học hỏi thêm về Phật học. Má anh, mà ở chùa Phật Quang đã quen gọi là "cô Tám" cũng thường đến chùa làm công quả. Còn anh chỉ tham dự vào tổ chức Gia Đình Phật Tử ở đây. Anh tỏ ra là một người có tài năng tổ chức. Gia Đình Phật Tử Phật Quang trở nên một trong những Gia Đình Phật Tử có quy cũ nhất ở thủ đô Sài Gòn.

Thầy Nguyên Hưng tốt nghiệp Phật học đường năm 1960 và được gửi đi làm giảng sư cho các tỉnh hội Phật Giáo Lâm Đồng và Tuyên Đức. Sau ngày ông Diệm bị đảo chánh, thầy được bốn sư gọi về nhận trách vụ Giám đốc một trường đào tạo tác viên xã hội tại Phú Thọ Hòa cách thủ đô Sài Gòn chừng mười lăm cây số về hướng Tây Nam. Chú Tâm Thế cũng được thầy gọi về trường thụ huấn. Chú rất sung sướng được học trong một ngôi trường mà sư huynh chú làm giám đốc. Trong khi đó, anh Lâm bị gọi nhập ngũ. Anh tìm đủ mọi cách xin hoãn dịch mà không được. Người ta đưa anh về trại Huấn Luyện Sĩ Quan Thủ Đức. Bỏ lại mẹ già một mình bơ vơ trên Sài Gòn anh rất đau lòng. May thay má anh còn tìm được một nguồn an ủi ở chùa. Bà đến chùa mỗi ngày để làm công quả, có khi ngủ luôn tại đó.

Chú Tâm Thế ra trường năm 1966. Chú được gửi đi công tác nhiều nơi, kể cả về miền Quảng Trị xa xăm. Mỗi khi được trở về trung ương, chú thường được sư huynh giám đốc nói cho nghe những khó khăn mà trường thường gặp phải. Sư huynh chú nhiều lần nhắc tới anh Lâm và ước ao được anh về phụ tá cho guồng máy điều hành ở trung ương. Chiến tranh tàn phá, gieo rắc hoạn nạn và tang tóc khắp nơi. Công tác cứu trợ và tái thiết thì nhiều mà trở lực thì đến từ bốn phía. Sư huynh chú bóp trán mãi mà không tìm ra một cách thức nào để

vận động cho người bạn cũ được giải ngũ. Anh Lâm thỉnh thoảng được nghỉ phép về Sài Gòn. Anh cũng rất ao ước được giải ngũ, về sống với bà mẹ, và đem hết sức mình để giúp người bạn thân thiết nhất từ thuở tấm bé.

Ước vọng của hai người đã không thành. Đại Đức Nguyên Hưng bị tử thương trong một chuyến đi thị sát công tác miền duyên hải. Trung úy Lâm vẫn còn bị giữ lại trong quân ngũ. Ngày cử hành tang lễ Đại đức Giám đốc trường Xã hội, anh đã xin phép được về Sài Gòn để có thể đi tiễn người bạn thân thiết tới nơi an nghỉ cuối cùng. Anh đã cùng khóc với chú Tâm Thể tại hiên mái chùa lá Pháp Vân đêm hôm đó.

Ban Quản Trị và toàn thể tác viên trường Xã Hội đã họp nhau để suy cử một vị giám đốc mới cho trường. Vị giám đốc này cũng là một tăng sĩ, tuổi cao hơn sư huynh của chú Tâm Thể, nhưng cũng thuộc về thế hệ tăng sĩ trẻ. Đó là Đại Đức Hoàng Minh. Vị giám đốc này có dáng dấp của một nhà nghệ sĩ. Ông ta viết chữ nho rất đẹp, cắm hoa rất khéo. Ông lại có tài điều hợp nhân sự và công tác. Chú Tâm Thể rất mến ông. Chú mến ông một phần cũng là do sự kiện ông là một người bạn thân của sư huynh chú. Nghĩ tới vị sư huynh đã quá cố của mình, chú Tâm Thể lại để rơi hai giọt nước mắt. Chú vội đưa tay áo nhật bình lên quệt vội những giọt nước mắt này, làm như chú sợ ở trong rừng Quảng Khánh còn có người thấy được chú khóc. Chú nhớ tới cuộc tấn công năm Mậu Thân, khi trọn cả vùng Phú Thọ Hòa bị tan nát vì bom đạn. Gần mười một ngàn đồng bào kéo vào tị nạn tại khuôn viên trường Xã Hội. Cảnh tượng vừa hỗn độn vừa thương tâm. Chú và các tác viên khác suốt ngày chăm lo cho những người bị thương không thể di tản ra khỏi vùng. Kho thuốc men của trường đã cạn sạch, từ thuốc đến bông gòn và băng vải thưa. Những chiếc áo dài trắng của các nữ tác viên đều đã được xé ra để băng bó cho những người bị thương nặng. Các tác viên phái nữ buộc làm công tác hộ sinh mà tuy có học qua nhưng họ chưa bao giờ làm. Họ cầu cứu đến một nam tác viên xưa nay vốn đã hành nghề y tác trong nhiều năm, đó là anh Tuấn. Tuấn tuy dạn tay hơn các bạn gái nhưng cũng đã phải cực nhọc lắm mới có thể giúp ra đời sáu đứa hài nhi. Chú Tâm Thể nhớ

tới một buổi sáng nọ, khi chú đang bận rộn cắt đặt công việc cứu trợ thì một em bé chừng bảy tuổi tới bên chú và nắm lấy áo chú định kéo chú đi. Chú xoay lại hỏi em cần gì thì em chú ập úng nói không trả lời. Trong khi ấy, những người bị thương khác lại được khiêng tới. Chú Tâm Thể vì bận rộn việc cứu thương nên đã quên em bé. Nửa giờ sau chú nghe tiếng người kêu chú. Ngoảnh ra chú thấy em bé lúc nãy cùng một người đàn ông khác đang khiêng tới gần bệnh xá một người máu me đầm đìa. Đó là bà nội của em. Bà bị thương nặng. Lết được từ chợ tới nửa đường đến trường thì bà ngất đi. Em bé đã chạy vào cầu cứu với chú Tâm Thể lúc ấy đang làm việc tại bệnh xá. Không kéo chú theo được, nó trở ra một mình nắm áo bà nội của em, gắng sức kéo bà xềnh xệch trên con đường đất. Em kéo được bà tới cổng trường thì mệt lả. Một người đàn ông trông thấy, liền vội tới giúp em khiêng bà tới bệnh xá.

Sư huynh của chú năm ấy mới hai mươi tám tuổi. Ông đã đem thân mạng ông ra che chở cho trên một vạn đồng bào. Chú còn nhớ hôm đó không biết từ đâu có tin đồn rằng khu Phú Thọ Hòa sẽ bị pháo kích ngày mai. Đồng bào hoảng sợ, nhốn nháo cả lên. Nhiều người thu xếp để rời khỏi khuôn viên của trường. Thấy đồng bào nhốn nháo quá, sư huynh của chú cầm máy vi âm lên định yêu cầu đồng bào giữ bình tĩnh và đừng nên bỏ khu tị nạn mà chạy vì những tin đồn không có căn cứ. Lúc đó chú Tâm Thể đứng sát bên sư huynh mình. Chú trông thấy trán của sư huynh chú nhăn lại. Sư huynh chú đã định lên tiếng, nhưng sau đó, không biết nghĩ thế nào, ông từ từ đặt ống nói xuống. Mặt ông từ ra. Ông tỏ vẻ lo lắng tột độ. Một lát sau ông nói với chú: "Tôi muốn khuyên đồng bào bình tĩnh ở lại, nhưng tôi lại nghĩ, nếu ngày mai có cuộc tấn công thực sự thì sao?". Chú chợt hiểu nỗi lo lắng của sư huynh chú. Chưa đầy ba mươi tuổi mà sư huynh chú đã phải gánh vác trên vai một trách nhiệm nặng nề như vậy thì hỏi vùng trán ông không nhăn lại sao cho được?

Sự thực là hôm ấy khu Phú Thọ Hòa nằm kẹt vào giữa phòng tuyến của hai bên lâm chiến. Nhiều người bỏ đi từ hồi trưa đã lục đục ầm con xách gói trở về trường. Có nhiều người bị thương. Có người đã bỏ mạng ở dọc đường. Tối hôm đó một vài tác viên phát giác được là tại

góc Tây Nam không xa khuôn viên trường, các binh sĩ của Mặt Trận Giải Phóng đã chuyên chở tới những khẩu súng phòng không và hiện đang chuẩn bị lắp súng. Sư huynh của chú nhận được tin này trong khi còn ngồi trong chùa lá. Sau vài phút trầm ngâm ông bảo là ông sẽ đi về phía họ để cầu xin đặt súng phòng không ở một địa điểm khác. "Nếu họ đặt súng phòng không tại đây thì trên mười ngàn đồng bào trong khuôn viên trường sẽ chết hết vì máy bay oanh tạc".

Các tác viên có mặt lúc đó bên sư huynh chú đều ngăn cản không cho ông đi. Chú Tâm Thế cũng không muốn cho sư huynh của chú đi. Tuy tách chú hay sợ sệt thật đấy, nhưng lúc đó chú đã tình nguyện đi thế cho sư huynh chú. Sau mười phút thương nghị, chú và một tác viên khác tên là Hy được phép đại diện sư huynh giám đốc ra cần khẩn với những người đang lắp súng. Chú và Hy mỗi người cầm một chiếc áo sơ mi trắng trong tay, bò từ từ ra tới địa điểm lắp súng. Họ không dám đi thẳng, sợ rằng bên phía quân đội Cộng Hòa trông thấy sẽ nổ súng vào họ. Cuộc du thuyết đêm đó may thay đã thành công. Những người lắp súng đồng ý chuyển súng tới một địa điểm khác.

Sáng hôm sau, sư huynh chú đích thân tìm tới liên lạc với phòng tuyến phía quân đội Cộng Hòa xin mở đường cho đồng bào di tản khỏi Phú Thọ Hòa về phía Cầu Tre mà lần tới thủ đô. Những vị chỉ huy đã tỏ vẻ thông cảm cho tình trạng của đồng bào nhưng họ cho biết rằng việc di tản không thể nào thực hiện được vì quân tấn công đã đào công sự ở phía Cầu Tre và đang cố thủ ở nhiều khu gia cư quanh đó. Sư huynh chú ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: "nếu vậy thì xin quý vị cam kết là đừng tấn công vào trường để bảo đảm cho tính mạng của trên một vạn đồng bào. Xin quý vị báo tin cho quân lực Cộng Hòa về việc có trên một vạn đồng bào đang tỵ nạn tại trường và điện về Tổng Tham Mưu xin cho không quân đừng bao giờ oanh tạc vào địa điểm này. Chúng tôi sẽ bảo đảm không để cho bất cứ một ai mang vũ khí hoặc truyền đơn xâm nhập và trà trộn vào khuôn viên trường. Nếu quý vị cho phép, tôi sẽ đi sang tận phòng tuyến của bên kia để xin họ tránh không dùng đất trường làm bàn đạp để tấn công. Tôi sẽ đạo đạt tới họ ước vọng của một vạn đồng bào, cũng như tôi đã đạo đạt với quý vị". Những người trong cấp chỉ huy đã nói: "Đại Đức

không sợ sao? Nguy hiểm lắm! Đừng đi qua bên ấy". Sư huynh của chú trả lời: "Nếu quý vị hứa sẽ không bắn vào tôi, thì tôi không sợ. Tôi sẽ có thể đi thông thả sang tận bên kia. Tôi sẽ cầm một lá cờ ngũ sắc của Phật". Các vị chỉ huy quân đội Cộng Hòa cuối cùng đã đồng ý cho sư huynh của chú đi sang bên kia để đưa thỉnh nguyện. Chuyến đi này của sư huynh chú, nhờ Phật gia hộ, cũng đã thành công. Kết quả là mười ngàn đồng bào đã an toàn thoát khỏi tầm súng của hai phe lâm chiến. Tuy vậy ban Quản Trị Trường và tất cả tác viên có mặt đã phải làm hết sức mình mới đi tới được kết quả ấy. Từng nhóm tác viên được cắt đặt đi khắp khuôn viên trường để tổ chức cho đồng bào tự động kiểm soát tình thế. Từ các cô lão cho đến phụ nữ ai cũng lo cho sự an ninh của mình cho nên đã nỗ lực tham dự việc kiểm soát.

Sư huynh của chú Tâm Thể đứng ra làm Giám đốc trường Xã Hội lúc ông mới hai mươi ba tuổi. Tuy còn trẻ nhưng đại đức Nguyên Hưng là một người có căn cơ linh mẫn và giàu tinh thần trách nhiệm. Thầy bốn sư của chú thường nói là ông tin vào thế hệ trẻ. Chỉ nội sáu tháng sau khi sư huynh chú lên làm giám đốc trường Xã Hội thì thầy bốn sư của chú bị bắt giữ vì tội kêu gọi hòa bình. Thầy bốn sư chú năm nay đã trên sáu mươi. Người ta thường gọi ông là "ông đạo khoai" bởi vì ông rất ưa ăn khoai lang, ông ăn cơm thì ít mà ăn khoai thì nhiều. Người ta biết rằng họ chỉ có thể giam hãm thân xác ông trong nhà tù mà thôi và không ai ngăn cản được tinh thần ông hành động bên ngoài. Những nỗ lực vận động cho hòa bình vẫn được tiếp tục dù không có mặt ông. Có lần được vào thăm ông tại khám Chí Hòa, chú đã được nghe ông nói: "Có chú ở ngoài thì cũng như có tôi ở ngoài. Tôi ngồi đây mà an lạc lắm, chú đừng lo. Trong lúc đất nước điêu linh, đồng bào chết như rạ, chỗ ngồi của tôi phải là ở đây chứ không thể là một nơi nào khác. Tôi ở đây nhưng luôn luôn vẫn ở bên mình chú".

Sư huynh của chú bị thương vào năm 1972 trong chuyến đi công tác miền duyên hải Nam Phần. Một trái đạn đã làm nổ tung chiếc xe của ông. Ông được chở vào một nhà thương gần đó. Ông bị nội thương, xuất huyết rất nặng bên trong. Chú đã có mặt suốt trong những giờ

cười của vị sư huynh đáng kính. Hai người đã nhìn nhau mà không nói được lời nào. Sư huynh của chú mất vào năm ba mươi hai tuổi.

Không biết từ trong khám Chí Hòa thầy của chú Tâm Thể làm thế nào mà biết được tin dữ này. Một tuần sau tang lễ, chú mới xin được vào khám để báo tin cho thầy. Hôm ấy, lần đầu trong đời, chú thấy hai giọt nước mắt đọng trên mắt thầy. Nguyên Hưng không phải là học trò đầu của thầy, nhưng là một người được thầy thương yêu rất mực.

Tại hiên chùa Pháp Vân tối hôm ấy, anh Lâm bút đầu bút tai nói với chú là anh rất ân hận đã không chịu đào ngũ để được ra sống với bạn trong những năm cuối của cuộc đời phụng sự của bạn. Dù chỉ là sĩ quan truyền tin trong quân ngũ, anh vẫn biết là mình đang tham dự vào cuộc chém giết giữa những người đồng loại, và trong thâm tâm, anh thấy cuộc chiến tranh này mỗi ngày một đưa quê hương và dân tộc đến gần hố diệt vong. Đất nước đã trở nên một bãi chiến trường, một miếng đất tranh hùng giữa hai khối lớn. Con đường giải thoát là con đường hòa giải dân tộc: cuộc chiến càng kéo dài ngày nào thì con đường đó càng hẹp lại ngày ấy. Anh bảo thà là anh đào ngũ để được về sống với mẹ và tham dự một phần vào công cuộc hàn gắn những vết thương của xứ sở mà đời anh còn có lý hơn. chú Tâm Thể đã lắng tai nghe những lời tâm tư này. Hai tiếng "đào ngũ" đã làm cho chú suy nghĩ. Chú nghĩ, nếu anh Lâm được trở về sống với mẹ và phụ tá cho thầy giám đốc mới trong việc điều hành các công tác cứu trợ và tái thiết thì sư huynh chú ở nơi chín suối ắt cũng rất hài lòng. Thế là hai người bàn tính về cuộc "thoát xác" của Trung úy Trần Thanh Lâm.

Đại đức Hoàng Minh, vị giám đốc tân nhiệm của trường đã đồng ý cho chú Tâm Thể thi hành kế hoạch khai sinh trở lại cho Trần Thanh Lâm. Chú Tâm Thể nhận thấy ông là người rất "chịu chơi". Ông nói: "Chúng ta sống trong một tình trạng bất công cực độ. Luật lệ của công trình đã khiến cho thanh niên, phụ nữ và trẻ em chết oan ức mỗi ngày. Mạng người như rơm rạ. Luật lệ đó lại dung túng những kẻ có quyền thế làm giàu trên xương máu của đồng loại. Đưa một người con về sống với mẹ, để cho người con ấy có dịp phụng sự đồng loại đang khốn khổ, tôi thấy việc đó không đi trái luật pháp của lương tri.

Nó chỉ đi trái với luật pháp của chiến tranh mà thôi?. Thầy Hoàng Minh cũng có quen biết với anh Lâm, và cũng ao ước có anh Lâm về phụ tá. Ông đề nghị chú Tâm Thế đi tìm thuê một căn nhà có vườn gần khu Phú Thọ Hòa để cho cô Tám về ở. Cô sẽ tới làm việc cho trường và khi rước anh Lâm về thì chú có thể rước anh thẳng về nhà. Tuy ăn ở và làm việc tại trường nhưng anh Lâm có thể về thăm mẹ bất cứ lúc nào anh muốn, bởi vì nhà của mẹ anh ở sát ngay bên cạnh.

Cái thẻ kiểm tra mang tên Thích Thanh Ân mà anh Lâm sẽ sử dụng trên con đường Định Quán - Sài Gòn là thẻ của một tác viên xã hội đã mất tích năm 1968 trong khi đang làm công tác ở xã Bình Quý tỉnh Bình Dương. Khuôn mặt thầy Thanh Ân trông hao hao giống anh Lâm. Chú Tâm Thế dự định sẽ đi làm cho anh Lâm một thẻ kiểm tra mới sau khi đã chụp hình cho anh Lâm trong chiếc áo nhật bình. Hai người đã đồng ý là khi làm thẻ kiểm tra lại, họ sẽ thêm vào chữ Ân một dấu sắc, để cho Thích Thanh Ân trở thành Thích Thanh Ẩn. Sau này chú sẽ phải gọi anh Lâm là chú Thanh Ẩn. Chú Thanh Ẩn tuy mới tu nhưng căn bản Phật học của chú đã khá vững rồi, và kinh kệ cũng đã thuộc nhiều rồi. Chú Tâm Thế nghĩ mình không cần phải lo lắng về điểm đó.

Tác viên Thích Thanh Ân ngày xưa đã mất tích cùng với bảy đồng sự khác trong khi thi hành công tác xã hội. Không biết tám người có còn sống trên đời này nữa hay không, bởi vì năm năm đã trôi qua mà trường không tìm thấy được một tung tích nào của họ. Người ta đã bắt cóc, thủ tiêu và bắn chết những tác viên xã hội của trường, chỉ vì người ta nghi ngờ những tác viên nay hoạt động cho phe chống đối. Tác viên được dân làng thương mến bao nhiêu thì lại bị các phe lâm chiến nghi ngờ bấy nhiêu. Cả hai bên không bên nào muốn sự có mặt của người "lung chừng". Những tang tóc mà trường phải chịu đựng đã tới từ cả hai phía. Người ta đã tới tấn công ngay tại sở trung ương của trường ở Phú Thọ Hòa bằng súng và lựu đạn. Người ta bắt cóc và thủ tiêu các tác viên trong khi học thi hành nhiệm vụ tại các thôn lạc. Hồi mới bước chân vào thụ huấn ở trường, chú Tâm Thế đâu có ngờ rằng cuộc đời tác viên phụng sự lại có thể là một cuộc đời sóng gió hiểm nguy đến thế. Mới có tám năm trời mà số tác viên xã hội bị hy

sinh đã lên tới mười sáu người trong đó có cả vị sư huynh đáng kính của chú.

Bây giờ đây, đi trong khu rừng này, chú Tâm Thể nhớ lại hết khuôn mặt của từng người, của tất cả những người đã bỏ thân vì con người bất bạo động: từ Tuấn, Thơ cho đến Liên, Vui, Lành, cô Hải, thầy Huyền Vinh, chú Thanh Ân... Lại còn những tác viên tuy còn sống nhưng trong mình còn mang đầy thương tích như Vinh và Hương. Nghĩ cho kỹ thì sự hy vinh của các người đồng sự này đã mở mắt cho rất nhiều người. Thiên hạ chết vì chiến tranh ngày nào là không có. Những người đồng sự của chú đã chết vì thương yêu hòa giải. Họ chết, nhưng họ còn sống mãi trong lòng chú. Công tác mà chú được giao phó tại các vùng đau nhức của quê hương không hẳn chỉ là công tác cứu trợ và tái thiết mà thực sự còn là những công tác cởi mở hận thù và gây lại niềm tin. Làng Trà Lộc ở Quảng Trị bị bom dội tan nát tới bốn lần: bốn lần sư huynh chú ra lệnh tái thiết lại. "Công là công dã tràng", có người nói như thế. Nhưng nếu không tái thiết thì làm sao gây được niềm tin nơi tương lai? Phế bỏ và buông xuôi hay sao? Chú hiểu được tâm sự của sư huynh chú và chú đã hết lòng với công việc. Nhưng công việc nào có dễ dàng. Khắp nơi, chú và các đồng sự đã gặp khó khăn. Nào Chánh Môn, nào Bình Đào, nào Suối Cát, nào Quảng Lợi, nào Phong Lộc, nào Sơn Trung, nào Bình Lãnh... Còn hàng mấy chục địa điểm công tác khác trên khắp lãnh thổ. Khuyến khích không phải chỉ do tình trạng chiến tranh và những tranh chấp chính trị: khó khăn còn do ở chính tâm lý người dân nữa. Nhiều khi người dân chán nản buông thả và phó mặc. Có lẽ họ đã trải qua nhiều đau khổ và thất vọng quá. Gây lại niềm tin nơi họ là một công trình lớn. Nếu mình không có niềm tin ấy thì làm sao mình có thể nhen nhúm cho họ một niềm tin tương tự?

Ngày xưa, vào tuổi chú, các vị tăng sĩ trẻ chắc hẳn đã được ở yên trong tu viện để học tập giáo điển và thực hành thiền quán. Bây giờ chú phải lăn lóc trong cuộc đời như một chiến sĩ. Sư huynh của chú cũng bước vào đời phụng sự hồi mới hai mươi hai tuổi. Tu học làm sao cho yên thân khi bom đạn tàn phá cả xóm làng, cả chùa tháp? Người ta nói đi tu trong thời buổi này là đi trốn lính. Thực ra đối với

những người như chú, đi tu trong thời buổi này là đi vào vòng lửa đạn mà giúp người. Tiếng gọi của thiền môn với tiếng gọi của lòng từ bi là một. Thầy bốn sư của chú đã nói: "Con đường duy nhất của chúng ta trong thời gian buổi này là con đường tự nguyện dẫn thân vào cõi sinh tử. Phải học Phật và thực tập thiền quán ngay trong công tác hàng ngày".

Nghĩ tới đây, bất giác chú Tâm Thế chậm bước lại; chú nhìn xuống con đường rụng đầy lá mùa thu âm mục, rồi chú nhìn ra cây lá chung quanh. Hồi nãy đến giờ chú đã để cho dòng tư tưởng chú đi miên man bất đoạn. Đáng lý chú phải thực tập phép niệm xứ trong mỗi bước chân, trong mỗi tư tưởng mới phai. Nghĩ thế chú liền bắt đầu thở ra và thở vào có ý thức, theo đúng phép mà thầy chú đã dạy trong cuốn thiền phổ mà thầy chú đã trao cho chú trên một năm nay. Miệng chú nở một nụ cười hàm tiếu.

Thiền phổ nói đây được mệnh danh là "Hàm Tiếu Thiền". Nói được thầy bốn sư của chú biên tập trong khám Chí Hòa. Nó gồm một đoạn văn và ba mươi bài thực tập. Thầy của chú đã sáng chế thiền phổ này cho những người trẻ tuổi chuộng hoạt động như chú. Ông đã viết thiền phổ này bằng bút chì trên một xấp giấy mà chú đã mang vào cho ông một cách bất hợp pháp. Hôm trao thiền phổ cho chú, ông dặn là nên hết lòng thực tập thiền phổ cho chú, ông dặn là nên hết lòng thực tập thiền phổ để cho công tác xã hội hàng ngày được thực sự thấm nhuần tính cách từ bi của Phật. Ông đã để thiền phổ vào trong chiếc gào mên thực phẩm mà chú đưa vào Chí Hòa cho ông. Chú được phép đi thăm ông mỗi tháng một lần. Sư huynh của chú đã cho tất cả tác viên chép tay thiền phổ này để thực tập.

Chú Tâm Thế nhận thấy Hàm Tiếu Thiền là một phép tu nuôi dưỡng và phát triển được lòng từ bi và đức kiên nhẫn một cách hiệu nghiệm. Trong những thời gian thiếu thực tập theo thiền phổ, chú cảm thấy mình dễ chán nản hơn và cũng dễ bị bức mình vì các việc bất như ý thường xảy ra trong lúc làm công tác. Những lúc đó, chú cảm thấy mình khó "từ nhân thị chúng sanh", nghĩa là khó "nhìn mọi người bằng con mắt thương yêu" hơn. Thiền phổ dạy rằng phải thực tập

thiền quán hàng ngày trong mọi công việc, từ việc rửa tay giặt áo cho đến việc giao tế, đàm luận và công tác. Thiền phổ cũng dạy là mỗi tuần phải để ra ít nhất là một ngày để sống thanh thản qua thực tập thiền quán. Thầy chú gọi ngày ấy là ngày quán niệm: trong thời gian này người hành giả phải thực sự sống thanh thản để có thể tự nuôi dưỡng mình bằng chất liệu an lạc và từ bi. Chất liệu nuôi dưỡng này nằm sẵn trong suối tâm linh của mỗi người, và phép quán niệm có thể làm phát khởi nó để nó tuôn tràn và thấm nhuần vào đời sống bản thân, cũng như người đào giếng làm phun lên một mạch nước mát. Hơn một năm chú đã vâng theo thiền phổ, mỗi tuần để một ngày trọng cho việc thực tập. Chú không chịu để cho công việc tràn ngập và lôi cuốn chú nữa. Chú trở thành chủ động lấy công việc, và chú coi đời sống tâm linh là căn bản cho đời sống phụng sự. Thầy Hoằng Minh, vị giám đốc mới của trường đã có ý định lập một làng riêng cho tác viên gọi là làng Hồng bởi vì nơi đó thầy dự trù trồng nhiều hồng ăn trái. Mỗi tác viên sẽ có một lô đất và một căn nhà. Cứ sau thời hạn công tác ba tháng là mỗi tác viên được về một tuần lễ tại làng Hồng để nghỉ ngơi, tĩnh tu và bồi dưỡng đời sống tâm linh. Tại làng Hồng sẽ có nhà trẻ cho con cháu của tác viên, sẽ có thư viện, sẽ có công viên và cũng sẽ có thiền thất cho tác viên tu tập nữa. Mọi người đang mơ tưởng tới làng Hồng như mơ tưởng tới một bóng mát êm dịu trong cơn nắng hạn. Chú Tâm Thể bỗng giật mình. Chú nhớ rằng thầy giám đốc nói đã dành một khu rừng khá đẹp ở tỉnh Bình Tuy vào việc tạo dựng làng Hồng này. Khu đất đó sát làng định cư Quảng Khánh. Như vậy thì khu đất đó ở sát ngay đây. Chú đưa mắt quan sát rừng cây. Quả có những cây đại thụ cành lá xanh tốt lạ kỳ. Thầy Hoằng Minh nói là ông đã đi thám hiểm trong vùng và đã tìm thấy một vùng đất khoảng mười mẫu rất đẹp trong đó có nhiều tảng đá lớn và một dòng suối mát. Dòng suối chảy qua khu rừng và đổ vào sông La Ngà. Ông nói nội trong năm tới, thế nào khu rừng làng Hồng cũng được thực hiện.

Lâu nay sống đời tăng sĩ không cửa không nhà chú Tâm Thể cũng ao ước có một căn nhà lác cật trên một lô đất ở làng Hồng. Chú sẽ đi tìm phong lan về làm thành nhiều chậu và treo trước hiên nhà. Chú sẽ

trồng hoa bằng lăng và hoa lim trước cổng. Chú sẽ làm giàn hoa thiên lý, sẽ trồng nhiều bụi hoa hồng. Và chú sẽ làm tất cả những công việc ấy trong tinh thần quán niệm. Chú sẽ xin một em bé mồ côi về ở chung với chú và em sẽ coi sóc nhà cửa, vun bón những gốc cây và chăm sóc vườn rau sau nhà. Anh Lâm, à quên, chú Thanh Ấn cũng sẽ có một căn nhà tại đây, bởi vì chú cũng đã thành tác viên xã hội.

Vào giờ này ngày mai chú và chú Thanh Ấn đã ngồi trên chiếc xe do anh Thu cầm lái và cả ba người sẽ về tới Phú Thọ Hòa vào khoảng chạng vạng tối. Chiếc xe của Thu trông bề ngoài cũng có vẻ một chiếc xe du lịch lắm, chắc cảnh sát sẽ không nghi ngờ gì đâu. Biết thế nhưng chú Tâm Thế vẫn thấy trong lòng lo lo ngại ngại thế nào ấy. Chú chưa bao giờ làm một chuyện gì có tính cách "bất hợp pháp" như chuyện này. Chú tự nhủ: mình phải học thái độ "bất cần" mới được. Có gì thì vào ngồi tù, như thầy mình đấy thì đã sao đâu. Miễn là mình dám làm điều mà mình tin chắc là phải. Chú là con mồ côi; thầy của chú đã nhận chú và đưa chú về gửi ở chùa Đại Lão miền Cao Nguyên cho tới ngày chú được gửi về Phật học đường. Chú muốn học hạnh vô úy của thầy mình. Chú hơi thẹn thẹn nghĩ đến cái đêm mà chú đi theo đoàn thuyền cứu trợ nạn lụt ở quận Đức Dục. Năm đó là năm Giáp Thìn. Đêm ấy, trên sông Thu Bồn, súng đã bắn rào rào, tiếng đạn bay vèo vèo phía trên mũi thuyền. Hoảng quá, chú đã nhảy tồm xuống sông. Một lát sau, khi tiếng súng đã êm, chú ngoi ngóp trèo lên. Chú thấy mọi người vẫn còn ngồi an tĩnh và giữ thuyền, thầy chú đang ngồi thẳng trong tư thế kiết già. Mọi người hỏi chú: "Tắm có mát không chú Tâm Thế?". May mà lúc đó còn là ban đêm nên không ai thấy chú đỏ mặt. Chú còn nhớ đêm ấy là một đêm có nhiều sao trên trời.

Trước khi trường Xã Hội được thành lập, thầy chú đã gọi chú về thực tập tại những địa điểm thí nghiệm về phương pháp cải tổ và phát triển thôn ấp. Chú đã làm việc tại các làng Cầu Kinh và Thảo Điền trên tám tháng. Cùng với các bạn khác, chú đã học cách tổ chức hợp tác xã, lập trạm y tế hương thôn, dựng trường tiểu học cộng đồng, xây cầu tiêu vệ sinh và đào hố rác để tránh cho dân làng các bệnh kiết lỵ và đi tả. Phương châm căn bản của thầy chú để ra là sự xây dựng phải được khởi đầu từ dưới lên trên, bằng sự tự giác và ý chí của người dân.

Phải bắt đầu bằng những gì của người dân có và trên những gì mà người dân biết, không trông cậy và chính quyền cũng không ỷ lại vào bất cứ một thế lực chính trị hoặc kinh tế nào. Tóm lại, tất cả đều dựa vào tinh thần tự giác và tự nguyện của người dân, không cần ai bắt buộc, không do ai kèm thúc. Người tác viên phải được dân làng thương yêu và tin cậy mới đủ sức thuyết phục dân làng tự lực đứng ra chủ động công cuộc cải tiến nếp sống kinh tế, y tế và giáo dục của thôn làng mình. Chú làm việc giỏi quá khiến cho cô bác ở xã Tháo Điền đem lòng thương yêu: có mấy bà đã ngỏ ý gả con gái cho chú. Chú lắc đầu nguây nguậy. Người ta đi tu rồi mà còn đòi gả con gái sao cho được, chú nói đùa với các bạn tập sự. Những năm gần đây, khi chiến tranh bộc phát dữ dội, phong trào đòi hỏi hòa bình lên rất cao. Có lần, đi bộ trên con đường Trịnh Minh Thế chú bị một người lính Hoa Kỳ từ trên một chiếc xe GMC cao nhieu nhổ nước bọt lên đầu chú. Chú biết hành động đó chứng tỏ những người lính Mỹ ở Việt Nam thù ghét những người tu hành theo đạo Phật bởi vì những người này chống đối chiến tranh, làm hại tới chiến dịch bình định của Hoa Kỳ. Đêm đó, về trường chú đã khóc với sư huynh chú. Chú bảo có thể chú sẽ bỏ tất cả để đi vào chiến khu của Mặt Trận. Sư huynh chú mỉm cười, vỗ vai chú và nói: "Chú giận ai thì cũng chỉ giận được vài giờ đồng hồ thôi, chứ gì. Bàn tay của chú sanh ra là để săn sóc trẻ thơ và băng bó những vết thương cho người chiến nạn, và để "làm làng" chứ không phải để cầm súng". Chú biết lời nói của sư huynh chú là phải. Trong thâm tâm, bao giờ chú cũng nghĩ như thế. Trong giây phút tức tối, chú chỉ nói cho hả giận một chút mà thôi.

Trời đã ngã chiều. Hình như chú Tâm Thế đã đi khá sâu vào trong rừng Quảng Khánh. Chú quay lại, tìm lối trở ra. Tối nay chú sẽ ngủ lại ở trạm y tế của làng định cư. Trưa mai, sau bữa cơm trưa, chú sẽ từ giã các bạn, nói rằng ra quốc lộ đón xe về Sài Gòn. Chắc là chú phải gói một ít thực phẩm mang theo. Có thể là anh Lâm sẽ đói. Cái bến nước ở bên kia sông Đồng Nai ấy, anh Lâm bảo là đã tới tắm nhiều lần rồi. Kỳ này anh tắm ở đây lần chót rồi anh đi luôn. Anh sẽ để lại cả cuộc đời binh sĩ ở bên đó. Để lại bộ quân phục và cả tay súng của anh nữa. Anh sẽ sang bờ bên này với hai bàn tay trắng và một trái tim

mà anh muốn dâng cho mẹ và cho quê hương, cho những người khốn khổ. Tuy sư huynh mình không còn sống để đón tiếp anh, nhưng đã có mình đón tiếp anh. Lạy Phật cho trong kiếp đầu thai này, anh sẽ hoàn tất được bản nguyện.

Có tiếng ai gọi phía cửa rừng. Chú Tâm Thể lắng nghe. Đúng là tiếng gọi tên chú. Có lẽ Thắng thấy chú đi lâu không về nên đã ra tới tận đây để tìm. Chú Tâm Thể mỉm cười. Chú thấy lòng nhẹ nhõm. Chú lên tiếng đáp lại. Đồng thời chú nhác thấy, trên một thân cây ẩm mốc gần đó, một chùm hoa phong lan thật đẹp. Giò hoa vươn dài, lá lướt: có đến trên mười chiếc hoa phong lan nối nhau buông xuống. Những cánh hoa màu hồng điểm những chấm trắng và tím, rạng rỡ như ánh mắt và vành môi của một đàn bé thơ từ trên cao đang tươi cười nhìn xuống đón mời chú. Chà, chùm phong lan này đã được "thỉnh" về treo ở hiên nhà lá Pháp Vân thì tuyệt. Chú hô lớn thêm mấy tiếng nữa để cho Thắng xác định được vị trí của mình, rồi chú tiến tới gần thân cây có chùm phong lan. Chú cởi chiếc áo nhật bình, vắt lên trên một cành cây gần đó. Lấy mắt đo thân cây, chú chuẩn bị leo lên. Chú tự nhủ sẽ rất cẩn thận để đừng làm hư nát bất cứ một cành hoa nào trong chùm hoa quý giá này.

* * *

Đây là lần đầu tiên chú Thanh Ấn được đến thăm làng định cư Quảng Khánh. Chú đã được ban Quản Trị Trung Ương cử về tham dự lễ bàn giao giữa đoàn công tác Quảng Khánh và ban Đại diện đồng bào làng định cư.

Từ ngày về làm việc tại trường Xã Hội, chú Thanh Ấn đã được nghe nói nhiều về Quảng Khánh và cũng đã được đọc nhiều bản báo cáo về Quảng Khánh. Nhưng lý do sâu sắc của sự viếng thăm Quảng Khánh kỳ này là ước ao của chú muốn được thấy tận mắt nơi mà chú Tâm Thể đã sống những giờ cuối cùng trước khi mất tích.

Phải, chú Thanh Ấn đã về trường Xã Hội và đã được thầy Giám đốc thu nhận, nhưng không phải là do chú Tâm Thể đem về như dự định

trước. Chú Tâm Thế đã mất tích khi đi tới được chỗ hẹn ở bến sông La Ngà.

Chiều hôm ấy, từ bến sông đi lên, chú Thanh Ấn đã đợi và đã đi tìm chú Tâm Thế cho tới năm giờ chiều. Biết chú Tâm Thế đã lỡ hẹn và biết rằng mình không thể lội trở về bên kia sông được nữa, chú bèn đánh liều đi bộ, hướng về phía Nam. Chú định bụng vượt rừng tìm tới một xóm nhà nào đó xin tá túc và tìm cách liên lạc với chú Tâm Thế.

Đi bộ được chừng hai giờ thì trời bắt đầu tối, và chú vẫn chưa ra khỏi được khu rừng. Chú biết thế nào cũng phải ngủ lại trong rừng tối hôm ấy. Trời đã lạnh lạnh, và chú không có một manh áo mỏng trên người. Chú lại không có hộp diêm để đốt lửa. Chú đi vun lá khô lại thành một đống lớn, rồi chú nằm tựa vào một gốc cây, lấy lá khô phủ lên người cho bớt lạnh. Chú dự định không ngủ. Chú tự báo không ngủ một đêm cũng không sao. Cứ nằm đợi cho tới khi trời hé sáng sẽ tiếp tục đi.

Nhưng chú đã ngủ quên và khi chú thức dậy, trời đã sáng tỏ. Chú vùng đứng dậy lấy hướng và đi. Chú biết nếu hướng về phía Nam thì đi mãi chú cũng sẽ tới Xuân Lộc. Nhưng Xuân Lộc còn xa lắm: chú hy vọng gặp một thôn xóm nhỏ trên đường tới Xuân Lộc. Chú đi về phương Nam vì lúc ấy chú đã không biết có làng định cư Quảng Khánh cách đó có mười mấy cây số và nơi kia có những người bạn rất thân của chú Tâm Thế. Chú đi về phương Nam vì chú có cảm tưởng tất cả những người thân của chú đều ở về phương Nam. Chiều hôm ấy chú ra khỏi rừng và tới được một làng nhỏ. Chú đi băng qua những nương khoai và tới gần một xóm nhà lá. Bỗng chú nghe văng vẳng tiếng chuông mõ của một buổi công phát huy chiều. Theo tiếng tụng kinh, chú tìm tới một ngôi chùa lá. Từ phía vườn rau, chú tìm lối đi vào nhà bếp chùa. Bếp lạnh tanh. Chú nghe tiếng tụng kinh của một nhà sư tuổi độ ngũ tuần, chen lẫn với tiếng tụng kinh của một nhà chú đệ tử còn rất trẻ. Hai thầy trò đang tụng đến nghi thức thí thực.

Sẵn thấy hộp quẹt ở gần bếp, chú nhen lửa và hơ cho ấm hai tay. Lửa nổ lép lép. Một lát sau, buổi công phu chấm dứt. Hai thầy trò trở ra. Nghe tiếng lửa lép lép dưới bếp, họ tưởng là có người bốn đạo nào tới công quả. Họ đi xuống bếp để xem thử là ai. Trung Úy Trần Thanh Lâm đứng dậy chấp hai tay chào theo lối kiểu nhà chùa. Thấy người lạ, thầy trú trì hơi ngạc nhiên. Nhưng ông ra hiệu mời chú ngồi xuống bếp tiếp tục hơ lửa và bảo chú điếu đi nấu một ấm nước. Chú điếu khoảng mười một tuổi, mặt mày rất xinh đẹp.

Thầy trú trì đi lên hậu liêu rồi trở xuống với một chiếc áo năm thân và một cái quần dài màu dả. Thầy đưa bộ quần áo cho người khách với một nụ cười. Có lẽ đây là một bộ đồ của thầy trú trì. Rồi thầy nói:

- Ông mặc áo rồi tiếp tục ngồi sưởi cho ấm. Để tôi bảo chú Đăng nấu cơm. Nói xong thầy lên hậu liêu. Nửa giờ đồng hồ sau đó, cơm đã chín. Chú Đăng dọn cơm, thắp đèn và mời ông khách lạ ăn cơm. Hai thầy trò không ăn cơm chiều. Trung Úy Lâm, trong bộ áo năm thân màu dả, điềm đạm ăn cơm. Lâm đói lắm. Chú ăn sạch niêu cơm và tất cả thức ăn trên mâm. Dưa cà chấm tương và một bát đậu hũ kho măng.

Chú Đăng mang nước trà đến cho khách. Lâm nhận ly nước trà, cảm ơn chú điếu. Rồi nhìn chú, Lâm nói:

- Tiếng chú Đăng tụng kinh tốt lắm. Chú tu đã được mấy năm rồi, chú?

Chú điếu trả lời:

- Dạ thưa hai năm.

Vừa lúc ấy thì thầy trú trì đi xuống. Thầy bảo với chú Đăng là thầy đã dọn một cái giường cho khách ngủ tạm trên nhà ngang, và khi khách uống nước xong thì chú Đăng phải đưa khách lên trên ấy để nghỉ. Thầy bảo thầy biết ông ấy đang mệt lắm.

Lâm lên tiếng:

- Bạch thầy, con phiền thầy nhiều quá.

Đó là câu nói đầu tiên của Lâm với thầy trú trì từ khi gặp thầy. Vị sư cười, nói:

- Có gì đâu mà phiền, ông. Ông cứ đi nghỉ rồi sáng mai mình hãy nói chuyện.

Đêm ấy chú diệu Đăng cho Lâm một cái mền và một chiếc chiếu. Lâm ngủ rất ngon. Vào khoảng bốn giờ khuya, tiếng công phát huy của hai thầy trò làm Lâm thức dậy. Chú đi xuống bếp rửa mặt, lấy mười ngón tay chải tóc cho gọn ra phía sau, rồi tìm lên chùa, quỳ phía sau chú diệu Đăng. Hai thầy trò vừa tụng hết Lăng Nghiêm, bắt đầu qua Thập Chú. Lâm cất tiếng tụng theo. Lạ quá, lâm không quên một chữ nào. Tiếng của Lâm rõ ràng, phụ họa rất hòa hợp với giọng của thầy trú trì và của chú diệu Đăng. Hai người quỳ trước chắc là ngạc nhiên lắm, nhưng họ không hề quay mặt lại nhìn Lâm.

Đến lúc hai thầy trò niệm danh hiệu Thích Ca Mâu Ni và bắt đầu đi nhiễu quanh bàn Phật thì Lâm cũng chấp tay bước từng bước một đi theo chú Đăng. Sau ba vòng kinh thành, họ trở về quỳ trước bàn Phật, tụng bài hồi hướng và tam tự quy.

Buổi sáng đó, chùa ăn cháo sáng rất vui dù không ai được phép nói chuyện trong khi ăn. Trung Úy Lâm được ngồi đối diện với chú Đăng. Cháo sáng xong, Lâm xin phép được ở lại chùa ít hôm để liên lạc về nhà. Thầy trú trì nói chú muốn ở bao nhiêu ngày cũng được.

Trưa hôm ấy, Lâm viết một lá thư ngắn nhờ chú Đăng đem bỏ tại nhà dây thép quận. Chú Đăng phải đi xe Lam đến hơn một tiếng đồng hồ mới ra tới Xuân Lộc để bỏ được lá thư cho Lâm. Ở nhà một mình, Lâm nói thật tất cả cơ sự với thầy trú trì. Thầy đề nghị xuống tóc và làm lễ xuất gia tức khắc cho Lâm. Trưa hôm ấy, chú Đăng đã về kịp để dự lễ xuống tóc cho Lâm. Thầy trú trì bảo chú Đăng từ nay gọi Lâm là chú Thanh Ấn. Thầy lại ban cho chú Thanh Ấn một chiếc áo tràng cũ của thầy.

Tối hôm đó, chú Đăng bệnh. Trong hai ngày hai đêm chú lên cơn sốt. Chú nóng đến mê sảng. Cho uống ký ninh và át-pi-rin không thấy

bớt. Các buổi công phu vắng chú, chỉ có thầy trú trì và chú Thanh Ấn. Một buổi kia, sau giờ cháo sáng, chú Thanh Ấn xin phép thầy để đi ra quận mua Tifomycine về cho điều Dưỡng. Thầy trú trì bảo chú không nên đi ra khỏi chùa. Thầy bảo chú viết tên thuốc trên một mảnh giấy để thầy đi mua.

Trưa hôm ấy, khi thầy trú trì đem thuốc về, chú Thanh Ấn liền lấy cho chú Dưỡng uống ngay một viên. Rồi chú xuống bếp rửa soạn nấu cơm cúng ngộ. Vừa lúc ấy, có người tới tìm thầy trú trì. Hỏi ra thì đó là người của thầy giám đốc trường Xã Hội gửi xuống. Có cả một chiếc xe hơi để rước chú Thanh Ấn về Sài Gòn. Thầy trú trì giục chú Thanh Ấn lên đường lập tức:

- Để tôi xới cơm cúng ngộ cho. Chú đi đi, kéo muộn. Khởi ăn cơm trưa cũng được. Để trời tối không nên. Cuối năm, hoặc sang năm sau nhớ ghé về thăm tôi, nghe không chú?

Chú Thanh Ấn sụp xuống đánh lễ thầy, rồi vào thăm chú Dưỡng. Chú Dưỡng còn mê, chưa tỉnh. Chú ra dặn thầy trú trì cho chú Dưỡng uống thuốc mỗi ngày ba lần và tám ngày liên tiếp. Rồi chú vái chào thầy, đi theo người khách.

Người bạn này không phải ai xa lạ mà chính là Thu, bạn của chú Tâm Thế. Anh giục chú ra xe. Chỉ trong nửa tiếng đồng hồ, xe đã ra tới quốc lộ. Thu ngồi trước lái xe. Anh bảo chú Thanh Ấn ngồi sau, như một vị Đại Đức lớn. Xe chạy bon bon trên đường tráng nhựa. Thu cho chú Thanh Ấn biết là tuần trước, xe Thu đã ghé tới cây số 103 trên quốc lộ 20 sớm hơn tới mười lăm phút. Thu đã cho xe chờ ở đó tới sáu giờ chiều, rồi mới bỏ về Sài Gòn. Ngày hôm sau, Thu được lệnh trở lên Quảng Khánh để tìm chú Tâm Thế. Anh Thắng nói chú Tâm Thế đã rời văn phòng trụ sở của đoàn công tác vào lúc mười hai giờ rưỡi trưa hôm trước. Thu và Thắng cũng định đi Định Quán để hỏi thăm. Không ai thấy chú Tâm Thế đi về hướng nào cả. Hai người đi thăm hỏi các làng mạc lân cận. Cũng không có dấu vết gì của chú. Thu liền về Phú Thọ Hòa báo tin cho thầy Giám đốc.

Mãi tối hôm qua, lá thư của chú Thanh Ấn gửi cho chú Tâm Thế mới tới văn phòng trường. Thầy giám đốc mở thư ra xem và lập tức phái Thu về rước chú Thanh Ấn. Thu kết luận có thể là Tâm Thế đã bị một toán người lạ mặt trong rừng bắt đi theo họ.

Chú Thanh Ấn về đến trường vào sáu giờ rưỡi tối, bình an. Dọc đường không có ai chặn xe lại khám xét. Chú được gặp mặt cô Tám tại trường. Thầy Giám đốc nói chuyện với chú chừng nửa giờ, và cho phép chú về nhà với cô Tám. Sáng lại, khi chú tới trình diện, thầy bắt đầu trao công tác cho chú. Thầy lại còn dặn chú trong những giờ rảnh phải học thuộc bộ Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu và sáng nào cũng phải đi công phu khuya tại chùa lá Pháp Vân.

Một tháng sau, chú Thanh Ấn được chính thức thọ giới Sa Di tại chùa Pháp Vân. Chú lại có một giấy căn cước mới, với hình chú mới chụp.

Trong suốt ba tháng thầy giám đốc đã hỏi thăm khắp nơi về chú Tâm Thế. Chánh quyền tỉnh Bình Tuy xác định với thầy là các chính quyền quận và xã trong tỉnh không hề có bắt giữ đại đức Tâm Thế. Thầy giám đốc cũng đã nhờ người quen ở Paris thăm hỏi với chính phủ Cách mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam có đại diện tại hội nghị Paris. Cũng không có kết quả. Hàng trăm tác viên và trợ tác viên của trường nghe tin chú Tâm Thế mất tích đều lấy làm lo lắng. Ai cũng thương mến chú Tâm Thế. Ai cũng thấy chú là người tác viên gương mẫu. Ai cũng nhớ chú và thấy thiếu chú. Nụ cười ấy, cặp mắt ấy, hai cánh tay ấy, chiếc áo nhật bình ấy. Ai cũng thầm cầu nguyện cho chú.

Hôm qua, trên đường lên Quảng Khánh, chú Thanh Ấn đã ghé lại chùa Thoại Quang ở Mỹ Phước thuộc tỉnh Long Khánh để thăm thầy trú trì và chú điệu Đăng. Thầy trú trì rất mừng khi được gặp lại chú. Chú điệu Đăng bây giờ trông lớn ra và mạnh khỏe hơn trước nhiều. Chú đã học thuộc bốn cuốn luật Sa Di. Chú sắp được thầy chú gửi lên học tại Phật Học đường Phật Quang, lớp tiểu học nhất niên. "Chú học ở đó thì mỗi tháng tôi có thể tới thăm chú hai lần", chú Thanh Ấn nói.

Gặp thầy trụ trì lần này, chú Thanh Ấn đã hỏi thật thầy tại sao lần đầu tiên gặp chú thầy đã cho chú ở lại chùa mà không cần hỏi chú là ai. "Con có thể là Việt Cộng, hoặc là một người tội nhân vượt ngục, hoặc là một quân nhân đào ngũ". Thầy trụ trì vỗ vai chú. Thầy nói:

- Lúc ấy tôi chỉ biết có một người đang lạnh, đang đói và đang cần nơi ẩn thân. Tôi không thấy có Việt Cộng nào, hoặc tội nhân vượt ngục nào, hoặc quân nhân đào ngũ nào cả.

Rồi thầy cười lớn lên: "Khuya đó tôi nghe chú tụng kinh rành quá, tôi thấy vui trong bụng ghê".

Thầy đã năn nỉ chú ở lại chùa đêm ấy. Một cuộc tái ngộ làm ấm cả lòng ba người.

Trưa hôm nay, ngồi nói chuyện với anh Thắng ở văn phòng công tác, chú Thanh Ấn hỏi anh về những chi tiết của cuộc viếng thăm sáu tháng về trước của chú Tâm Thể. Anh Thắng kể lại bữa cơm tại nhà anh Chiêu. Anh Thắng kể lại những câu chuyện mà chú Tâm Thể trao đổi với các anh em tác viên tối hôm đó tại trạm y tế trước khi đi ngủ. Và anh nói tới chùm hoa phong lan mà chú Tâm Thể đã gửi lại trụ sở của đoàn công tác, hẹn sẽ trở về lấy đem theo. Nhưng sáu tháng đã đi qua, và chú chưa bao giờ trở về. Câu chuyện của chú Thanh Ấn tại trường chỉ có thầy Giám đốc, chú Tâm Thể và anh Thu biết. Anh Thắng chỉ cho chú Thanh Ấn thấy chậu phong lan treo ở ngoài hành lang. Chú Thanh Ấn đứng dậy, đi ra ngoài. Anh Thắng theo sau.

Cây phong lan được nuôi trong một thứ chậu vuông mà chú Tâm Thể đã ghép thành bằng những cành gỗ nhỏ. Chú đã để vào chậu nhiều chất rong rêu để giữ chất ẩm cho rễ hoa. Các lá phong lan đầy đặn và xanh mướt. Chồi hoa năm ngoái chắc đã tàn, bởi vì đang nở đây là một chồi hoa mới, mạnh khỏe, bụ bẫm. Chồi hoa chỉ mới nở được hai bông đầu. Theo chú Thanh Ấn, ít ra chồi hoa này cũng sẽ nở ít nhất là mười bông. Những cánh hoa màu hồng điểm những chấm trắng và tím, rạng rỡ như những chiếc miệng trẻ em đang cười. Chú Thanh Ấn lặng người đi. Chú chợt thấy chú Tâm Thể đang cười với chú. Nụ cười ấy, cặp mắt ấy, hai cánh tay ấy, chiếc áo nhật bình ấy. Chú Tâm

Thế đã có mặt rồi, nụ cười chú Tâm Thế không bao giờ phai lạt trong lòng chú, trong lòng của những người như chú.

Và chú ngỏ ý với Thắng là, ngày mai, sau lễ bàn giao, chú sẽ xin phép mang chậu phong lan về chùa Pháp Vân.